



DANH SÁCH THÍ SINH VÀO VÒNG 2
CUỘC THI TOEFL JUNIOR CHALLENGE TP. HỒ CHÍ MINH NĂM HỌC 2016 - 2017
QUẬN TÂN BÌNH



Note: Thông tin "Khối cũ"/"Lớp cũ" là thông tin của thí sinh đặc cách trong năm học trước.

Chú ý : Ấn phím tắt Ctrl + F sau đó tìm thông tin của thí sinh theo SBD hoặc Họ và tên một cách thuận tiện nhất.

Hotline: 0123 900 5888 (trong giờ hành chính)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1	Nguyễn Thạc Linh	Chi	18-Sep-04	60115718			5	5	Nguyễn Khuyến	Đặc cách
2	Bùi Vũ Bảo	Hân	28-Sep-05	60115725			5	5	Nguyễn Khuyến	Đặc cách
3	Bùi Vũ Gia	Hân	28-Sep-05	60115724			5	5	Nguyễn Khuyến	Đặc cách
4	Trần Hà	My	15-May-05	60118976			5	5	Nguyễn Khuyến	Đặc cách
5	Huỳnh Lê Bảo	Ngân	23-Mar-05	60115737			5	5	Nguyễn Khuyến	Đặc cách
6	Huỳnh Đoàn Yên	Phương	9-Oct-05	60115733			5	5	Nguyễn Khuyến	Đặc cách
7	Đào Anh	Quân	15-Jul-05	60115719			5	5	Nguyễn Khuyến	Đặc cách
8	Phan Nghi	Quân	27-Mar-05	60118978			5	5	Nguyễn Khuyến	Đặc cách
9	Trần Nguyễn Thu	Quỳnh	5-Dec-05	60118977			5	5	Nguyễn Khuyến	Đặc cách
10	Nguyễn Quang	Thông	11-Apr-05	60115730			5	5	Nguyễn Khuyến	Đặc cách
11	Trần Huỳnh Mỹ	Tú	7-Mar-05	60115722			5	5	Nguyễn Khuyến	Đặc cách
12	Trịnh Uyên	Vy	27-Mar-05	60115721			5	5	Nguyễn Khuyến	Đặc cách
13	Nguyễn Ngọc Thu	An	30-Nov-05	60112107			5	5	Nguyễn Văn Kịp	Đặc cách
14	Hoàng Khả	Ân	18-Jun-05	60118995			5	5	Nguyễn Văn Kịp	Đặc cách
15	Quan Toại	Công	1-Feb-05	60118990			5	5	Nguyễn Văn Kịp	Đặc cách
16	Phạm Thị Thái	Linh	27-Jan-05	60118993			5	5	Nguyễn Văn Kịp	Đặc cách
17	Nguyễn Đào Bảo	Ngọc	7-Apr-05	60118991			5	5	Nguyễn Văn Kịp	Đặc cách
18	Dương Gia	Huy	19-Oct-05	60111759			5	5.1	Bành Văn Trân	Đặc cách
19	Lê Trần Hoàng	Ngân	19-Jul-05	60119090			5	5.1	Bành Văn Trân	Đặc cách
20	Lê Bảo Thiện	Nhân	12-Mar-05	60119092			5	5.1	Bành Văn Trân	Đặc cách
21	Nguyễn Minh	Quân	23-Jun-05	60119091			5	5.1	Bành Văn Trân	Đặc cách
22	Võ Minh	Quân	15-Jul-05	60119093			5	5.1	Bành Văn Trân	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
23	Nguyễn Lê Đăng	Khoa	15-Oct-05	60111892			5	5.1	Đồng Đa	Đặc cách
24	Hoàng Minh	Anh	2-May-05	60111981			5	5.1	Hoàng Văn Thụ	Đặc cách
25	Đặng Lê Minh	Châu	30-Apr-05	60119104			5	5.1	Hoàng văn Thụ	Đặc cách
26	Võ Thục Minh	Châu	18-Sep-05	60111987			5	5.1	Hoàng Văn Thụ	Đặc cách
27	Nguyễn Trần Trung	Kiên	4-Jun-05	60112001			5	5.1	Hoàng Văn Thụ	Đặc cách
28	Đoàn Ngọc Như	Quỳnh	24-Dec-05	60119105			5	5.1	Hoàng văn Thụ	Đặc cách
29	Trần Minh	Thành	26-Dec-05	60119106			5	5.1	Hoàng văn Thụ	Đặc cách
30	Vương Thanh	Uyên	14-May-05	60112015			5	5.1	Hoàng Văn Thụ	Đặc cách
31	Giao Thái	Bảo	24-Aug-05	60115749			5	5.1	Lê Thị Hồng Gấm	Đặc cách
32	Lang Ngọc Linh	Chi	5-Mar-05	60115750			5	5.1	Lê Thị Hồng Gấm	Đặc cách
33	Nguyễn Bá	Huy	30-Apr-05	60115752			5	5.1	Lê Thị Hồng Gấm	Đặc cách
34	Trần Hứa Lê	Kha	18-Jun-05	60115755			5	5.1	Lê Thị Hồng Gấm	Đặc cách
35	Trần Minh	Khôi	17-Dec-05	60115756			5	5.1	Lê Thị Hồng Gấm	Đặc cách
36	Nguyễn Hoàng	Quân	30-Mar-05	60115758			5	5.1	Lê Thị Hồng Gấm	Đặc cách
37	Lý Bá	Thiên	25-Nov-05	60115760			5	5.1	Lê Thị Hồng Gấm	Đặc cách
38	Đinh Nho	An	10-Jul-05	60118957			5	5.1	Lê Văn Sĩ	Đặc cách
39	Hồ Thiên	An	17-Jul-05	60118956			5	5.1	Lê Văn Sĩ	Đặc cách
40	Tô Thị Thuỳ	Anh	17-Mar-05	60115586			5	5.1	Lê Văn Sĩ	Đặc cách
41	Đoàn Ngô Minh	Châu	18-Feb-05	60115580			5	5.1	Lê Văn Sĩ	Đặc cách
42	Hoàng Minh	Đăng	15-Oct-05	60115583			5	5.1	Lê Văn Sĩ	Đặc cách
43	Phạm Quốc	Khang	19-Feb-05	60115577			5	5.1	Lê Văn Sĩ	Đặc cách
44	Nguyễn Thụy Khánh	Minh	10-Jun-05	60118965			5	5.1	Lê Văn Sĩ	Đặc cách
45	Trần Quang	Minh	11-Jan-05	60115576			5	5.1	Lê Văn Sĩ	Đặc cách
46	Lê Huỳnh Thiên	Ngân	14-Mar-05	60115578			5	5.1	Lê Văn Sĩ	Đặc cách
47	Lê Phương Tường	Ngọc	26-Apr-05	60115582			5	5.1	Lê Văn Sĩ	Đặc cách
48	Võ Phạm Hồng	Phúc	21-Oct-05	60115584			5	5.1	Lê Văn Sĩ	Đặc cách
49	Trần Thu	Quỳnh	1-Feb-05	60115585			5	5.1	Lê Văn Sĩ	Đặc cách
50	Tổng Hồng	Thái	8-Jun-05	60115587			5	5.1	Lê Văn Sĩ	Đặc cách
51	Phan Vũ Thanh	Thảo	22-Jan-05	60115588			5	5.1	Lê Văn Sĩ	Đặc cách
52	Trương Vĩnh	Tín	29-Jan-05	60115589			5	5.1	Lê Văn Sĩ	Đặc cách
53	Phạm Vũ Thiên	An	6-May-05	60118982			5	5.1	Nguyễn Văn Trỗi	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
54	Trần Vương Ý	Bình	31-Jan-05	60112125			5	5.1	Nguyễn Văn Trỗi	Đặc cách
55	Hồ Trúc	Linh	18-Mar-05	60118983			5	5.1	Nguyễn Văn Trỗi	Đặc cách
56	Lê Đoàn Đức	Mạnh	7-Jan-05	60118984			5	5.1	Nguyễn Văn Trỗi	Đặc cách
57	Phạm Xuân	Nhi	8-Aug-05	60118980			5	5.1	Nguyễn Văn Trỗi	Đặc cách
58	Nguyễn Khắc Ngọc	Quyên	11-Mar-05	60118985			5	5.1	Nguyễn Văn Trỗi	Đặc cách
59	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	15-Jan-05	60116848			5	5.1	Trần Quốc Tuấn	Đặc cách
60	Nguyễn Huỳnh Gia	Bảo	17-Nov-05	60119005			5	5.1	Trần Quốc Tuấn	Đặc cách
61	Nguyễn Minh	Đức	20-Oct-05	60119000			5	5.1	Trần Quốc Tuấn	Đặc cách
62	Nguyễn Trí Anh	Khoa	21-Jan-05	60116024			5	5.1	Trần Quốc Tuấn	Đặc cách
63	Trương Nguyễn Hoàng	Minh	1-Aug-05	60116019			5	5.1	Trần Quốc Tuấn	Đặc cách
64	Lê Bảo	Ngọc	6-Jul-05	60116027			5	5.1	Trần Quốc Tuấn	Đặc cách
65	Phạm Bảo	Ngọc	25-Jun-05	60116018			5	5.1	Trần Quốc Tuấn	Đặc cách
66	Lê Trọng	Nhân	25-Jun-05	60116020			5	5.1	Trần Quốc Tuấn	Đặc cách
67	Ngô Phương	Nhi	26-Nov-05	60119002			5	5.1	Trần Quốc Tuấn	Đặc cách
68	Lê Minh	Quang	26-Sep-05	60116022			5	5.1	Trần Quốc Tuấn	Đặc cách
69	Nguyễn Trọng Nhân	Thịnh	17-Feb-05	60118999			5	5.1	Trần Quốc Tuấn	Đặc cách
70	Dương Nguyễn Song	Thư	14-Apr-05	60119004			5	5.1	Trần Quốc Tuấn	Đặc cách
71	Đỗ Quang	Tuấn	17-Apr-05	60116026			5	5.1	Trần Quốc Tuấn	Đặc cách
72	Lê Nhã	Uyên	7-May-05	60116023			5	5.1	Trần Quốc Tuấn	Đặc cách
73	Dương Hải	Anh	10-Nov-05	60119097			5	5.2	Bành Văn Trân	Đặc cách
74	Đoàn Ngọc Hải	Đăng	18-Oct-05	60119094			5	5.2	Bành Văn Trân	Đặc cách
75	Trương Trần Lan	Khuê	2-Aug-05	60119098			5	5.2	Bành Văn Trân	Đặc cách
76	Lê Nguyễn Ngọc	Minh	3-Aug-05	60119095			5	5.2	Bành Văn Trân	Đặc cách
77	Hồ Thục	Nhi	21-Feb-05	60111766			5	5.2	Bành Văn Trân	Đặc cách
78	Lê Nguyễn Mỹ	Phương	29-Oct-05	60119096			5	5.2	Bành Văn Trân	Đặc cách
79	Hồ Ngọc Tuyền	Vy	30-Sep-05	60111771			5	5.2	Bành Văn Trân	Đặc cách
80	Lê Xuân	Đức	26-Feb-05	60111903			5	5.2	Đổng Đa	Đặc cách
81	Phan Thanh	Tùng	11-Sep-05	60111910			5	5.2	Đổng Đa	Đặc cách
82	Trần Hoàng Bảo	Anh	29-Apr-05	60112019			5	5.2	Hoàng Văn Thụ	Đặc cách
83	Trần Ngọc Mai	Anh	18-Feb-05	60112018			5	5.2	Hoàng Văn Thụ	Đặc cách
84	Nguyễn Lâm Khánh	Hà	25-Jul-05	60119107			5	5.2	Hoàng văn Thụ	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
85	Lê Trọng	Hưng	15-Dec-05	60119108			5	5.2	Hoàng văn Thụ	Đặc cách
86	Hồ Minh	Khoa	28-Sep-05	60112024			5	5.2	Hoàng Văn Thụ	Đặc cách
87	Phan Nguyên	Khôi	8-Jun-05	60112025			5	5.2	Hoàng Văn Thụ	Đặc cách
88	Dương Minh	Long	22-Jan-05	60112027			5	5.2	Hoàng Văn Thụ	Đặc cách
89	Nguyễn Hoàng Yên	Như	17-Apr-05	60119109			5	5.2	Hoàng văn Thụ	Đặc cách
90	Nguyễn Hoàng	Quân	28-Feb-05	60112038			5	5.2	Hoàng Văn Thụ	Đặc cách
91	Trần Nhã	Quỳnh	27-Jun-05	60112037			5	5.2	Hoàng Văn Thụ	Đặc cách
92	Lê Minh	Trang	25-Feb-05	60112041			5	5.2	Hoàng Văn Thụ	Đặc cách
93	Ôn Thanh	Tú	11-Dec-05	60112044			5	5.2	Hoàng Văn Thụ	Đặc cách
94	Phạm Anh	Tú	16-Jul-05	60112045			5	5.2	Hoàng Văn Thụ	Đặc cách
95	Nguyễn Thanh	Vân	26-Aug-05	60119110			5	5.2	Hoàng văn Thụ	Đặc cách
96	Nguyễn Phạm Minh	Đông	14-Nov-05	60115763			5	5.2	Lê Thị Hồng Gấm	Đặc cách
97	Nguyễn Quách Thuỳ	Hân	25-Aug-05	60115764			5	5.2	Lê Thị Hồng Gấm	Đặc cách
98	Đoàn Gia	Nhi	10-May-05	60115766			5	5.2	Lê Thị Hồng Gấm	Đặc cách
99	Trường	Phong	8-May-05	60115769			5	5.2	Lê Thị Hồng Gấm	Đặc cách
100	Tăng Ý	Thanh	18-Jun-05	60115774			5	5.2	Lê Thị Hồng Gấm	Đặc cách
101	Nguyễn Ngọc Đoan	Trang	5-Aug-05	60115775			5	5.2	Lê Thị Hồng Gấm	Đặc cách
102	Nguyễn Quốc	An	28-Feb-05	60118961			5	5.2	Lê Văn Sĩ	Đặc cách
103	Bùi Hữu Ngọc	Đức	20-Jan-05	60118958			5	5.2	Lê Văn Sĩ	Đặc cách
104	Trần Khánh	Hà	10-Feb-05	60115597			5	5.2	Lê Văn Sĩ	Đặc cách
105	Lê Viết Song	Huy	22-Jun-05	60118960			5	5.2	Lê Văn Sĩ	Đặc cách
106	Bùi Khánh	Linh	8-Nov-05	60118959			5	5.2	Lê Văn Sĩ	Đặc cách
107	Nguyễn Anh	Minh	17-Apr-05	60118962			5	5.2	Lê Văn Sĩ	Đặc cách
108	Lê Ngọc Tú	Như	22-Aug-05	60115603			5	5.2	Lê Văn Sĩ	Đặc cách
109	Đỗ Trần Minh	Phương	29-Aug-05	60115601			5	5.2	Lê Văn Sĩ	Đặc cách
110	Hồ Lê Minh	Quân	19-Mar-05	60118963			5	5.2	Lê Văn Sĩ	Đặc cách
111	Trịnh Minh	Quang	12-Aug-05	60115604			5	5.2	Lê Văn Sĩ	Đặc cách
112	La Hoàng Thiên	Tâm	8-Oct-05	60115599			5	5.2	Lê Văn Sĩ	Đặc cách
113	Tăng Công	Thành	5-May-05	60115594			5	5.2	Lê Văn Sĩ	Đặc cách
114	Lê Phước Minh	Thiện	24-Apr-05	60115596			5	5.2	Lê Văn Sĩ	Đặc cách
115	Phan Giang Hoàng	Phúc	10-Jan-05	60118986			5	5.2	Nguyễn Văn Trỗi	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
116	Hoàng Quốc	Vinh	28-Mar-05	60118981			5	5.2	Nguyễn Văn Trỗi	Đặc cách
117	Nguyễn ngọc Lan	Vy	31-Oct-05	60118987			5	5.2	Nguyễn Văn Trỗi	Đặc cách
118	Trần Phạm Thu	An	21-Sep-05	60112176			5	5.2	Phạm Văn Hai	Đặc cách
119	Nguyễn Tiến	Anh	23-Mar-05	60116080			5	5.2	Tân Trụ	Đặc cách
120	Nguyễn Lê	Khánh	1-Oct-05	60116083			5	5.2	Tân Trụ	Đặc cách
121	Lương Hà	Phuong	30-Oct-05	60116087			5	5.2	Tân Trụ	Đặc cách
122	Mạc Nguyễn Thiên	An	3-Jun-05	60116028			5	5.2	Trần Quốc Tuấn	Đặc cách
123	Phạm Huỳnh Ngọc	Châu	26-Nov-05	60116032			5	5.2	Trần Quốc Tuấn	Đặc cách
124	Vũ Thu	Hương	13-Jul-05	60119006			5	5.2	Trần Quốc Tuấn	Đặc cách
125	Trương Hoàng Khánh	Linh	24-Dec-05	60116029			5	5.2	Trần Quốc Tuấn	Đặc cách
126	Lê Nguyễn Hải	My	15-Dec-05	60116033			5	5.2	Trần Quốc Tuấn	Đặc cách
127	Bùi Nguyễn Khánh	Nguyên	24-Nov-05	60116030			5	5.2	Trần Quốc Tuấn	Đặc cách
128	Đỗ Hồng	Nhung	1-Mar-05	60119007			5	5.2	Trần Quốc Tuấn	Đặc cách
129	Trần Thanh	Thanh	30-Apr-05	60119011			5	5.2	Trần Quốc Tuấn	Đặc cách
130	Thân Ngọc Thiên	Thảo	4-Jan-05	60119009			5	5.2	Trần Quốc Tuấn	Đặc cách
131	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	24-Nov-05	60116031			5	5.2	Trần Quốc Tuấn	Đặc cách
132	Lý Hoàng Gia Bảo	Nghi	28-Jan-05	60118964			5	5.3	Lê Văn Sĩ	Đặc cách
133	Lương Trần Như	Quỳnh	16-Feb-05	60111772			5	5.4	Bành Văn Trân	Đặc cách
134	Nguyễn Hoàng Thảo	Nhi	9-Jun-05	60119015			5	5.4	Đổng Đa	Đặc cách
135	Nguyễn Minh	Tâm	29-Apr-05	60119115			5	5.4	Nguyễn Thanh Tuyền	Đặc cách
136	Nguyễn Hoàng Bảo	Trân	13-Jun-05	60119116			5	5.4	Nguyễn Thanh Tuyền	Đặc cách
137	Nguyễn Thanh	Tùng	11-Oct-05	60119114			5	5.4	Nguyễn Thanh Tuyền	Đặc cách
138	Đỗ Huỳnh Thủy	Khang	5-Jan-05	60119016			5	5.5	Đổng Đa	Đặc cách
139	Võ Trung	Kiệt	14-Dec-05	60111928			5	5.5	Đổng Đa	Đặc cách
140	Lưu Phạm Duy	Anh	24-Sep-05	60115678			5	5.5	Nguyễn Thanh Tuyền	Đặc cách
141	Lê Ngọc	Khuê	2-Aug-05	60115675			5	5.5	Nguyễn Thanh Tuyền	Đặc cách
142	Nguyễn Đức Bảo	Ngọc	22-Jan-05	60115674			5	5.5	Nguyễn Thanh Tuyền	Đặc cách
143	Nguyễn Ngọc	Quyết	5-Oct-05	60115673			5	5.5	Nguyễn Thanh Tuyền	Đặc cách
144	Nguyễn Đình	Toàn	31-Aug-05	60119118			5	5.5	Nguyễn Thanh Tuyền	Đặc cách
145	Ngô Hoàng Nhã	Uyên	8-Jan-05	60119117			5	5.5	Nguyễn Thanh Tuyền	Đặc cách
146	Phạm Quang	Minh	18-May-05	60119012			5	5.7	Trần Quốc Tuấn	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
147	Bùi Quốc	Đại	30-May-05	60115747			5	5A1	Lương Thế Vinh	Đặc cách
148	Nguyễn Huỳnh Minh	Triết	2-Oct-05	60115744			5	5A2	Lương Thế Vinh	Đặc cách
149	Lê Trung	Trực	1-Jul-05	60115743			5	5A2	Lương Thế Vinh	Đặc cách
150	Lê Thanh Phương	Nghi	29-May-04				6	6/1	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
151	Hồ Huy	Vũ	13-Feb-04				6	6/1	Quang Trung	Đặc cách
152	Đặng Thành	Nhân	16-Feb-04				6	'6/1	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
153	Nguyễn Trần	Tuấn	17-Aug-04				6	'6/1	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
154	Trần Võ Quỳnh	Chi	21-Mar-04				6	'6/10	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
155	Nguyễn Khôi	Uyên	04-Jan-04				6	'6/10	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
156	Nguyễn Hoàng Duy	Hung	07-May-04				6	6/13	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
157	Phan Quang	Minh	15-Jun-04				6	6/13	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
158	Nguyễn Vũ Khánh	Trân	02-Sep-04				6	6/13	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
159	Vũ Nguyễn Thanh	Trung	05-Oct-04				6	6/13	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
160	Trương Vũ Hoàng	Nhi	14-Aug-04				6	6/14	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
161	Trần Đoàn Minh	Thùy	03-Jan-04				6	6/14	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
162	Nguyễn Quang	Thuận	26-May-04				6	6/14	Tân Bình	Đặc cách
163	Lê Quang	Anh	26-Jul-04				6	6/15	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
164	Lưu Gia	Bảo	09-Jun-04				6	6/15	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
165	Nattanan	Boonyachai	22-Nov-04				6	6/15	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
166	Hồ Ngọc Quỳnh	Hương	03-Jun-04				6	6/15	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
167	Ngô Bá Khả	Linh	16-Jan-04				6	6/15	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
168	Nguyễn Minh Bảo	Ngọc	18-Jul-04				6	6/15	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
169	Phạm Trần Minh	Quân	16-Jan-04				6	6/15	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
170	Nguyễn Huyền Lam	Trúc	10-Mar-04				6	6/16	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
171	Trương Quốc	Việt	01-Jun-03				6	6/16	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
172	Lê Nguyễn Hương	Giang	06-Apr-04				6	6/17	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
173	Trần Ngọc	Kiên	02-Apr-04				6	6/17	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
174	Lâm Chí	Kiệt	09-Dec-04				6	6/17	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
175	Huỳnh Ngọc Giáng	My	16-Feb-04				6	6/17	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
176	Tăng Ngọc Trà	My	20-Dec-04				6	6/17	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
177	Nguyễn Minh	Phú	28-Nov-04				6	6/17	Quốc tế Á Châu	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
178	Đinh Hoàng	Dũng	21-Jul-04				6	6/18	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
179	Hồ Nguyên	Khang	10-Dec-04				6	6/18	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
180	Nguyễn Hoàng	Nam	29-Jun-04				6	6/18	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
181	Dư Lê Chí	Hào	10-Jun-04				6	6/19	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
182	Cao Diệp Hải	Châu	28-May-04				6	6/19	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
183	Trần Minh	Hoàng	24-May-04				6	6/19	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
184	Trần Quốc Bảo	Long	02-Nov-04				6	6/19	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
185	Trần Hiếu	Thiện	13-Feb-04				6	6/19	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
186	Phạm Thị Anh	Thư	15-Aug-04				6	6/19	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
187	Trần Thanh	Trúc	15-Jan-04				6	6/19	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
188	Nguyễn Thanh	Mai	07-Jan-04				6	'6/2	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
189	Nguyễn Hồng	Hân	16-Apr-04				6	6/20	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
190	Trần Minh	Đạt	04-Feb-04				6	6/20	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
191	Trần Huỳnh	Nam	22-Mar-04				6	6/20	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
192	Roh Han	Nam	05-Dec-04				6	6/21	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
193	Nguyễn Tấn	Phát	08-Oct-04				6	6/21	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
194	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo	19-Mar-04				6	6/22	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
195	Nguyễn Đình	Huy	10-Nov-04				6	6/22	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
196	Nguyễn Park Thùy	Vân	22-Jul-04				6	6/22	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
197	Nguyễn Việt	Hải	18-Oct-04				6	6/23	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
198	Nguyễn Đình Anh	Thư	27-Sep-04				6	6/23	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
199	Nguyễn Trần Thủy	Tiên	10-Sep-04				6	6/23	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
200	Bùi Hà Đức	An	19-May-04				6	'6/3	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
201	Võ Xuân	Mai	19-Jan-04				6	'6/3	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
202	Vũ Giang Hoàng	Ngân	12-Nov-04				6	'6/3	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
203	Phan Thảo	Tiên	10-Apr-04				6	6/4	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
204	Nguyễn Gia	Anh	08-Aug-04				6	'6/4	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
205	Nguyễn Ngân	Hà	31-Mar-04				6	'6/4	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
206	Đỗ Văn	Khanh	23-Aug-04				6	'6/4	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
207	Nguyễn Ngọc Thùy	Trâm	27-Oct-04				6	'6/4	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
208	Đinh Nguyễn Hoàng	An	07-Apr-04				6	6/5	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
209	Nguyễn Trần Hà	Minh	15-Dec-04				6	6/5	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
210	Trần Ngọc Đông	Nghi	30-Dec-04				6	6/5	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
211	Lê Minh	Hằng	14-Aug-04				6	6/7	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
212	Phạm Khánh	Linh	27-Feb-04				6	6/7	Ngô Quyền	Đặc cách
213	Nguyễn Thượng	Phúc	01-Apr-04				6	6/8	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
214	Nguyễn Diễm	Quỳnh	31-Mar-04				6	6/8	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
215	Ngô Chon	Thịnh	06-Mar-04				6	6/8	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
216	Trần Nguyễn Quỳnh	Châu	29-Jun-04				6	6/8	Ngô Quyền	Đặc cách
217	Nguyễn Thái	Việt	13-Apr-04				6	6/8	Ngô Quyền	Đặc cách
218	Phạm Lê Thành	Huy	09-Dec-04				6	6/9	Ngô Quyền	Đặc cách
219	Võ Thu	Minh	10-Feb-04				6	6/9	Ngô Quyền	Đặc cách
220	Nguyễn Huỳnh Thành	Phát	03-Jun-04				6	6/9	Ngô Quyền	Đặc cách
221	Đoàn Minh	Duy	01-Mar-04				6	6-1	Ngô Quyền	Đặc cách
222	Đinh Vũ Gia	An	01-Nov-04				6	6-1	Trần Văn Đang	Đặc cách
223	Nguyễn Quốc	Cường	23-Jan-04				6	6-1	Trần Văn Đang	Đặc cách
224	Phan Lê Hoài	Thọ	04-Mar-04				6	6-1	Trần Văn Đang	Đặc cách
225	Nguyễn	Thiện	01-Aug-04				6	6-2	Trần Văn Đang	Đặc cách
226	Trần Tuấn	Minh	22-Apr-04				6	6A3	Trường Chinh	Đặc cách
227	Nguyễn Đặng Gia	Khaùnh	25-Sep-03				6	Lớp 6	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
228	VoØng Chí	Kiệt	27-Apr-03				6	Lớp 6	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
229	Hoàng Uyên Bảo	Trân	07-Nov-03				6	Lớp 6	THCS Trường Chinh	Đặc cách
230	Lyù Việt	HoaØng	30-Dec-03				6	Lớp 6/1	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
231	Voõ Kiến	Nam	08-Apr-03				6	Lớp 6/1	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
232	Ngoà Ngọc Tường	Vy	24-Mar-03				6	Lớp 6/1	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
233	Lê Nguyễn Thái	Dương	02-Jun-03				6	Lớp 6/11	THCS Ngô Quyền	Đặc cách
234	Nguyễn Minh	Huy	30-Mar-03				6	Lớp 6/11	THCS Ngô Quyền	Đặc cách
235	HaØ Ngoĩc	Aùnh	16-Jan-03				6	Lớp 6/11	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
236	Vĩnh Nguyễn Phước Bảo	HoaØng	10-Jun-03				6	Lớp 6/2	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
237	Thaui Ngọc Minh	Khoa	24-Apr-03				6	Lớp 6/2	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
238	Tạ Quang	Nhaân	16-Jun-03				6	Lớp 6/2	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
239	Toân Nữ Thicân	Taâm	18-Aug-03				6	Lớp 6/4	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
240	Nguyễn Ngọc Hồng	Hân	22-Nov-03				6	Lớp 6/5	THCS Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
241	Voõ ThuyØ	Duyêân	01-Jan-03				6	Lớp 6/5	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
242	ĐoạØn Thị Thanh	Hằg	02-Jan-03				6	Lớp 6/5	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
243	Leâ Minh	Khoài	03-Sep-03				6	Lớp 6/5	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
244	Nguyễn Anh	Khoài	04-Jun-03				6	Lớp 6/5	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
245	Trần Sắc	Phước	27-Dec-03				6	Lớp 6/5	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
246	Nguyễn Khaùnh	ToaØn	03-Mar-03				6	Lớp 6/5	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
247	Lê Nhật	Nguyên	25-Nov-03				6	Lớp 6/7	THCS Ngô Quyền	Đặc cách
248	Nguyễn Đức	Tín	16-Sep-03				6	Lớp 6/7	THCS Ngô Quyền	Đặc cách
249	Nguyễn Nhất	HoaØng	12-Nov-03				6	Lớp 6/7	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
250	Trần Ngô Quốc	Thịnh	17-Apr-03				6	Lớp 6/7	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
251	Nguyễn Việt	Đức	06-Mar-03				6	Lớp 6/8	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
252	HoaØng Nguyễn Quỳnh	Khanh	19-Sep-03				6	Lớp 6/8	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
253	Võ Nguyễn Việt	Hoàng	19-Feb-03				6	Lớp 6/9	THCS Ngô Quyền	Đặc cách
254	Đỗ Minh	Khôi	20-May-03				6	Lớp 6/9	THCS Ngô Quyền	Đặc cách
255	Nguyễn Ngọc Mai	Thy	01-Feb-03				6	Lớp 6/9	THCS Ngô Quyền	Đặc cách
256	Huỳnh Nhật Đoan	Trình	17-May-03				6	Lớp 6/9	THCS Ngô Quyền	Đặc cách
257	Lê Thị Mai	Nhi	07-Jun-03				6	Lớp 6A1	THCS Trường Chinh	Đặc cách
258	Đỗ Thanh	Hà	28-Aug-03				6	Lớp 6A1	THCS VO VAN TAN	Đặc cách
259	Trương Phạm Thái	An	10-Sep-04				6		Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
260	Hà Phương	Anh	22-Aug-04				6		Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
261	Nguyễn Duy	Anh	16-Sep-04				6		Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
262	Trần Bảo	Duy	06-Feb-04				6		Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
263	Hà Tuấn	Kiệt	27-Sep-04				6		Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
264	Đoàn Đình	Nguyên	20-Mar-04				6		Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
265	Phạm Minh	Triết	07-Jan-04				6		Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
266	Nguyễn Phát	Hung	27-Jan-03				7	7.3	Lý Thường Kiệt	Đặc cách
267	Hồ Nguyễn Thanh	Thuyên	19-Sep-03				7	7.3	Lý Thường Kiệt	Đặc cách
268	Lê Anh	Minh	16-Jul-03				7	7/1	Âu Lạc	Đặc cách
269	Nguyễn Tiến	Phước	20-Aug-03				7	7/1	Âu Lạc	Đặc cách
270	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	05-Feb-03				7	7/1	Âu Lạc	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
271	Đoàn Duy	Tùng	08-Aug-03				7	7/1	Âu Lạc	Đặc cách
272	Châu Nguyễn Khánh	Giao	13-May-03				7	7/1	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
273	Ngô Ngọc Tường	Vy	24-Mar-03				7	7/1	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
274	Phạm Đức	Thịnh	26-Mar-03				7	7/10	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
275	Nguyễn Huy	Bảo	17-Oct-03				7	7/12	Ngô Quyền	Đặc cách
276	Nguyễn Hoàng	Huy	27-Dec-03				7	7/13	Ngô Quyền	Đặc cách
277	Nguyễn Lan	Anh	13-Oct-03				7	7/13	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
278	Dương Quốc	Bình	10-Apr-03				7	7/13	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
279	Thái Đức	Cần	28-Sep-03				7	7/13	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
280	Từ Thị Xuân	Mai	06-Apr-03				7	7/13	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
281	Nguyễn Hoàng Đoan	Trang	08-Aug-03				7	7/14	Ngô Quyền	Đặc cách
282	Nguyễn Quang	Duy	21-Aug-03				7	7/14	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
283	Tiêu Quốc	Hung	05-Oct-03				7	7/14	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
284	Nguyễn Trang	Thanh	22-Aug-03				7	7/14	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
285	Nguyễn Hoàng	Thy	10-Nov-03				7	7/14	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
286	Nguyễn Judy	Tram	14-Aug-03				7	7/14	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
287	Jung Min	Young	03-Sep-03				7	7/14	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
288	Đặng Chí	Bảo	20-Nov-03				7	7/14	Tân Bình	Đặc cách
289	Nguyễn Phan Hoàn	Huy	08-May-03				7	7/14	Tân Bình	Đặc cách
290	Nguyễn Đăng Quang	Duy	04-Apr-03				7	7/15	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
291	Nguyễn Phạm Xuân	Hiếu	20-Oct-03				7	7/15	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
292	Quách Anh	Khoa	14-Jan-03				7	7/15	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
293	Phạm Đỗ Minh	Khôi	18-Jan-03				7	7/15	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
294	Nguyễn Lê Đức	Hải	09-May-03				7	7/16	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
295	Nguyễn Trung	Hậu	29-Oct-03				7	7/16	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
296	Trần Ngọc Vân	Anh	02-Jul-03				7	7/17	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
297	Trần Lý Mỹ	Tinh	25-Jun-02				7	7/17	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
298	Nguyễn Thế	Dân	11-Sep-03				7	7/18	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
299	Phan Huy Anh	Khoa	09-Jul-03				7	7/18	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
300	Nguyễn Võ Hoàng	Kim	05-Jan-03				7	7/19	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
301	Nguyễn Thành	Lộc	24-Jul-03				7	7/19	Quốc tế Á Châu	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
302	Won Ka	Young	08-May-03				7	7/19	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
303	Vũ Quốc	Khánh	07-Jul-03				7	7/2	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
304	Nguyễn Trần Ngọc	Lam	11-Nov-03				7	7/2	Quang Trung	Đặc cách
305	Trần Thành	Long	29-Apr-03				7	7/2	Quang Trung	Đặc cách
306	Thân Thành	Nam	19-Feb-03				7	7/2	Quang Trung	Đặc cách
307	Phan Bảo	Ngọc	29-Jul-03				7	7/2	Quang Trung	Đặc cách
308	Trương Bảo	Ngọc	10-Apr-03				7	7/2	Quang Trung	Đặc cách
309	Nguyễn Tường	Đoan	28-Mar-03				7	7/20	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
310	Trần Phi	Long	17-Jul-03				7	7/20	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
311	Trần Tuệ	San	03-Aug-03				7	7/20	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
312	Lưu Mỹ	Tâm	19-Feb-03				7	7/20	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
313	Tô Thanh	Tùng	08-Jul-03				7	7/20	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
314	Lai Chấn	Nam	01-Feb-03				7	7/21	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
315	Seo Soo	Yoen	05-Nov-03				7	7/21	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
316	Lê Nguyên	Lynn	04-Nov-03				7	7/22	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
317	Phạm Ngọc	Khuê	25-Sep-03				7	7/23	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
318	Nguyễn Khánh Tường	Ngân	16-Dec-03				7	7/23	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
319	Nguyễn Lê Thảo	Ngân	02-Apr-03				7	7/23	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
320	Nguyễn Duy Lập	Quốc	24-Jun-03				7	7/23	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
321	Lê Minh	Thắng	03-Nov-03				7	7/23	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
322	Nguyễn Đặng Hoàng	Vy	31-Jul-03				7	7/23	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
323	Trần Hoàng Phương	Vy	08-Oct-03				7	7/23	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
324	Đinh Châu Gia	Tuệ	11-Sep-03				7	7/24	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
325	Phùng Ngọc Tuyết	Giang	06-Jan-03				7	7/25	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
326	Võ Trương Quốc	Huy	27-Nov-03				7	7/25	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
327	Đinh Hoàng Ánh	Dương	14-Feb-03				7	7/27	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
328	Nguyễn Anh	Khoa	20-Dec-03				7	7/27	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
329	Ngô Hoàng	Vũ	16-Jan-03				7	7/3	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
330	Cao Gia	Hân	19-Apr-03				7	7/3	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
331	Nguyễn Lâm Nhật	Minh	01-Jan-03				7	7/3	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
332	Lê Ánh	Linh	29-Sep-03				7	7/4	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
333	Lương Phan Trâm	Anh	06-May-03				7	7/5	Âu Lạc	Đặc cách
334	Thái Nguyên	Đạt	17-Feb-03				7	7/5	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
335	Tôn Nữ Cẩm	Nhiên	06-May-03				7	7/5	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
336	Mai Kiến	Quốc	11-Jul-03				7	7/5	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
337	Nguyễn Hương	Nhã	13-Jul-03				7	7/6	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
338	Đặng Ngọc Tuấn	Anh	03-Jan-03				7	7/7	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
339	Nguyễn Đình	Hùng	22-May-03				7	7/7	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
340	Đỗ Trung	Kiên	31-Jul-03				7	7/7	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
341	Nguyễn Xuân	Tùng	02-Feb-03				7	7/7	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
342	Phạm Ngọc	Khôi	29-Aug-03				7	7/7	Ngô Quyền	Đặc cách
343	Lê Nguyễn Hoàng	Long	02-Jul-03				7	7/7	Ngô Quyền	Đặc cách
344	Nguyễn Đức	Nghĩa	06-Sep-03				7	7/7	Ngô Quyền	Đặc cách
345	Hoàng Công Khánh	Quang	22-Dec-03				7	7/7	Ngô Quyền	Đặc cách
346	Nguyễn Thị Anh	Thư	03-Jun-03				7	7/7	Ngô Quyền	Đặc cách
347	Huỳnh Trọng	Tín	31-Mar-03				7	7/7	Ngô Quyền	Đặc cách
348	Đặng Minh	Triết	05-Feb-03				7	7/7	Ngô Quyền	Đặc cách
349	Trần Hoàng Thúy	Vy	17-Apr-03				7	7/7	Ngô Quyền	Đặc cách
350	Lê Thị Hoàng	Yến	21-Nov-03				7	7/7	Ngô Quyền	Đặc cách
351	Nguyễn Đình Minh	Chí	30-Oct-03				7	7/7	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
352	Nguyễn Nhất	Hoàng	12-Nov-03				7	7/7	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
353	Lê Minh	Khôi	15-Sep-03				7	7/7	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
354	Phạm Nguyễn Thùy	Trang	08-Jan-03				7	7/7	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
355	Phạm Bùi Tuấn	Anh	04-Mar-03				7	7/9	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
356	Trần Thiện	Bảo	31-Jul-03				7	7/9	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
357	Hứa Gia	Huy	13-Jan-03				7	7-3	Phạm Ngọc Thạch	Đặc cách
358	Phạm Ngô Quốc	Đạt	18-Feb-03				7	7-4	Trần Văn Đang	Đặc cách
359	Nguyễn Phạm Minh	Đức	14-Jan-03				7	7-4	Trần Văn Đang	Đặc cách
360	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	06-Jul-03				7	7-4	Trần Văn Đang	Đặc cách
361	Trần Thi Thu	Hiền	28-Jul-03				7	7-4	Trần Văn Đang	Đặc cách
362	Nguyễn Hồng	Phúc	27-Jul-03				7	7-4	Trần Văn Đang	Đặc cách
363	Đỗ Ngọc Trâm	Anh	09-Jul-03				7	7A1	Trường Chinh	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
364	Võ Nguyễn Tuấn	Anh	19-Feb-03				7	7A1	Trường Chinh	Đặc cách
365	Phan Thanh	Bình	05-Feb-03				7	7A1	Trường Chinh	Đặc cách
366	Lưu Tuấn	Long	24-Feb-03				7	7A1	Trường Chinh	Đặc cách
367	Ngô Phan Đức	Minh	16-Sep-03				7	7A1	Trường Chinh	Đặc cách
368	Bùi Nguyễn Trí	Nguyên	12-Jan-03				7	7A1	Trường Chinh	Đặc cách
369	Phạm Thanh	Nhân	11-Jul-03				7	7A1	Trường Chinh	Đặc cách
370	Nguyễn Vũ Anh	Thư	09-Apr-03				7	7A1	Trường Chinh	Đặc cách
371	Đỗ Nhật	Vy	11-Jun-03				7	7A12	Trường Chinh	Đặc cách
372	Bùi Huỳnh Trâm	Anh	26-Apr-03				7	7A2	Trường Chinh	Đặc cách
373	Huỳnh Kim	Ngân	23-Nov-03				7	7A2	Trường Chinh	Đặc cách
374	Lê Hoàng Khôi	Nguyên	15-Nov-03				7	7A2	Trường Chinh	Đặc cách
375	Nguyễn Lê Trinh	Như	05-Dec-03				7	7A2	Trường Chinh	Đặc cách
376	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	30-Sep-03				7	7A2	Trường Chinh	Đặc cách
377	Trương Thanh	Vân	22-Aug-03				7	7A2	Trường Chinh	Đặc cách
378	Đặng Quang Duy	Anh	29-Jan-03				7	7A4	Trường Chinh	Đặc cách
379	Nguyễn Nguyên	Khang	07-Dec-03				7	7A4	Trường Chinh	Đặc cách
380	Phi Nguyễn Việt	Linh	25-Oct-03				7	7A4	Trường Chinh	Đặc cách
381	Phan Trọng	Nguyên	07-Jan-03				7	7A4	Trường Chinh	Đặc cách
382	Trương Hoàng Yến	Nhi	07-Apr-03				7	7A4	Trường Chinh	Đặc cách
383	Đỗ Ngọc Minh	Thư	22-Mar-03				7	7A4	Trường Chinh	Đặc cách
384	Trương Nhật Phương	Trúc	13-Dec-03				7	7A4	Trường Chinh	Đặc cách
385	Lê Minh	Khôi	02-Nov-03				7	7A9	Trường Chinh	Đặc cách
386	Nguyễn Văn Tuấn	Khôi	11-Jun-03				7	7A9	Trường Chinh	Đặc cách
387	Trần Hữu Phước	An	20-Sep-03				7	Lớp 6/4	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
388	Nguyễn Lê Khánh	Linh	04-Jun-02				7	Lớp 7/1	THCS Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
389	Hà Thị Lệ	Thanh	28-Jun-02				7	Lớp 7/1	THCS Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
390	Lý Thiêân	Định	11-Dec-02				7	Lớp 7/1	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
391	Leâ Quỳnh	Như	09-Mar-02				7	Lớp 7/1	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
392	Phạm Cao Minh	Quaân	21-Apr-02				7	Lớp 7/1	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
393	Tạ Trương Minh	Trí	12-Sep-02				7	Lớp 7/1	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
394	Huỳnh Bảo	Long	19-Jan-02				7	Lớp 7/1	THCS Quang Trung	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
395	BuỞi Đình	Huy	12-Dec-02				7	Lớp 7/11	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
396	ĐoaƠn Minh	Nhật	09-Feb-02				7	Lớp 7/11	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
397	Nguyễn Duy	Taân	14-Mar-02				7	Lớp 7/11	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
398	BuỞi Hồng Bảo	Châu	15-Oct-02				7	Lớp 7/12	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
399	Nguyễn ĐaƠo Bảo	Traâm	14-Apr-02				7	Lớp 7/2	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
400	Leâ Thuy Thuỳ	Dung	24-Jan-02				7	Lớp 7/3	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
401	Thàui	TaỞi	24-Jan-02				7	Lớp 7/3	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
402	Trần Võ Hải	Lam	16-Nov-02				7	Lớp 7/4	THCS Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
403	Bùi Thị Nam	Phuong	04-Aug-02				7	Lớp 7/4	THCS Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
404	Huỳnh Phan Khánh	Vy	11-Oct-02				7	Lớp 7/4	THCS Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
405	Trần Việt	Anh	06-Jan-02				7	Lớp 7/4	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
406	HoaƠng Trần Thanh	Bình	29-Jan-02				7	Lớp 7/4	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
407	Trần Nguyễn Thiêân	Di	03-Aug-02				7	Lớp 7/4	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
408	Trần Nguyeân Đoâng	Hải	23-Apr-02				7	Lớp 7/4	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
409	Trịnh HoaƠng	Khoa	01-Sep-02				7	Lớp 7/4	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
410	Nguyễn Nguyeân	Khoài	04-Dec-02				7	Lớp 7/4	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
411	Nguyễn Hữu	Huy	04-Nov-02				7	Lớp 7/6	THCS Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
412	Trần Quang	Huy	13-Feb-02				7	Lớp 7/6	THCS Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
413	Nguyễn Phạm Phương	Huyền	16-Sep-02				7	Lớp 7/6	THCS Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
414	Trần Thanh	Lâm	19-Jul-02				7	Lớp 7/6	THCS Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
415	Trần Minh	Thành	18-Aug-02				7	Lớp 7/6	THCS Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
416	Lê Vương Quốc	Anh	15-Jan-02				7	Lớp 7/7	THCS Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
417	Lưu Nguyễn Tuyết	Ngân	22-Aug-02				7	Lớp 7/7	THCS Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
418	Cao Thị Hồng	Anh	31-Mar-02				7	Lớp 7/7	THCS Ngô Quyền	Đặc cách
419	Hoàng Việt	Long	23-Jan-02				7	Lớp 7/7	THCS Ngô Quyền	Đặc cách
420	Khru Thị Ngọc	Nguyên	11-Dec-02				7	Lớp 7/7	THCS Ngô Quyền	Đặc cách
421	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	23-Oct-02				7	Lớp 7/7	THCS Ngô Quyền	Đặc cách
422	Nguyễn Hoàng	Trúc	03-Jan-02				7	Lớp 7/7	THCS Ngô Quyền	Đặc cách
423	Trần Vũ Thảo	Vy	10-Dec-02				7	Lớp 7/7	THCS Ngô Quyền	Đặc cách
424	Leâ Gia Càut	Tieân	02-May-02				7	Lớp 7/7	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
425	Nguyễn Lê Ngọc	Trúc	18-Dec-02				7	Lớp 7/8	THCS Ngô Quyền	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
426	Nguyễn Trần Kiều	Diễm	25-May-02				7	Lớp 7/8	THCS Phạm Ngọc Thạch	Đặc cách
427	Nguyễn Phạm Phương	Thư	30-Jun-02				7	Lớp 7/8	THCS Phạm Ngọc Thạch	Đặc cách
428	Đặng Huệ	Mẫn	13-Jul-02				7	Lớp 7/9	THCS Ngô Quyền	Đặc cách
429	Bùi Võ Anh	Thư	13-Apr-02				7	Lớp 7/9	THCS Ngô Quyền	Đặc cách
430	Leâ Phước Mỹ	Linh	25-Jun-02				7	Lớp 7/9	THCS Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
431	Nguyễn Lê Thùy	Linh	15-Dec-02				7	Lớp 7A2	THCS Trường Chinh	Đặc cách
432	Nguyễn Huỳnh Nam	Anh	05-Dec-02				7	Lớp 7A3	THCS Trường Chinh	Đặc cách
433	Nguyễn Phan Ánh	Ngọc	21-Apr-02				7	Lớp 7A5	THCS Trường Chinh	Đặc cách
434	Nguyễn Thế	Mạnh	13-Apr-01				7	Lớp 8/1	THCS Âu Lạc	Đặc cách
435	Phạm Quyền	Quang	28-Jun-01				7	Lớp 8/1	THCS Âu Lạc	Đặc cách
436	Trần Hữu Phúc	An	20-Sep-03				7		Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
437	Nguyễn Bá Kỳ	Anh	20-Sep-03				7		Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
438	Trần Ngọc Việt	Anh	04-Dec-03				7		Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
439	Lê Lý Giai	Bảo	29-Oct-03				7		Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
440	Đặng Tùng	Chi	08-Feb-03				7		Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
441	Nguyễn Đặng Gia	Khánh	25-Sep-03				7		Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
442	Phan Tuấn	Nghĩa	10-May-03				7		Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
443	Nguyễn Văn Gia	Phú	22-Oct-03				7		Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
444	Hồ Ngọc Nam	Phuong	08-Jan-03				7		Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
445	Trương Hồng	Son	16-Sep-03				7		Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
446	Lữ Gia	Thành	11-Feb-03				7		Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
447	Nguyễn Chánh	Thi	04-Feb-03				7		Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
448	Đặng Vũ Duy	Thiên	19-Feb-03				7		Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
449	Phùng Nguyễn Anh	Thư	28-May-02				8	8/1	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
450	Lý Thiên	Định	11-Dec-02				8	8/1	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
451	Châu Nguyễn Khánh	Duy	16-May-02				8	8/1	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
452	Lê Xuân	Phúc	20-Apr-02				8	8/1	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
453	Châu Quốc	Thịnh	13-May-02				8	8/1	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
454	Phạm Ngọc Minh	Thư	29-Apr-02				8	8/1	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
455	Nguyễn Trần Phúc	Toại	16-Jun-02				8	8/1	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
456	Mai Xuân Khánh	Trân	16-Oct-02				8	8/1	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
457	Hồ Bích	Ngọc	13-May-02				8	8/1	Quang Trung	Đặc cách
458	Phan Minh	Thiện	22-Jan-02				8	8/1	Quang Trung	Đặc cách
459	Bùi Đình	Huy	12-Dec-02				8	8/11	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
460	Nguyễn Đình	Ân	12-Jan-02				8	8/12	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
461	Trần Quang	Thái	20-May-02				8	8/12	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
462	Lê Hoàng Kim	Ngân	04-Apr-02				8	8/12	Tân Bình	Đặc cách
463	Phạm Vũ Vân	Khánh	21-Feb-02				8	'8/12	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
464	Nguyễn Đỗ Hoàng	Anh	28-Apr-02				8	8/13	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
465	Huỳnh Phan Minh	Khoa	23-Jul-02				8	8/13	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
466	Nguyễn Bá Bảo	Nhi	23-Dec-02				8	8/13	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
467	Bùi Đức	Toàn	27-Nov-02				8	8/13	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
468	Nguyễn Bảo	Thiên	09-Sep-02				8	8/13	Tân Bình	Đặc cách
469	Tô Hoàng Xuân	Vy	07-Aug-02				8	8/13	Tân Bình	Đặc cách
470	Nguyễn Cát Tường	An	06-Mar-02				8	8/15	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
471	Trần Ngọc Thiên	Hân	08-Nov-02				8	8/15	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
472	Bùi Ngọc	Thiên	22-Mar-02				8	8/15	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
473	Trần Trọng	Tùng	21-Feb-02				8	8/15	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
474	Dương Thụy Trâm	Anh	04-Mar-02				8	8/16	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
475	Nguyễn Quang	Minh	04-Aug-02				8	8/16	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
476	Trầm Tuệ	San	07-Jun-02				8	8/16	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
477	Lê Minh	Trị	24-Nov-02				8	8/16	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
478	Nguyễn Tiến	Đạt	07-Aug-00				8	8/17	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
479	Võ Khánh	Linh	14-Jul-02				8	8/17	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
480	Nguyễn Lê Văn	Phúc	24-Feb-02				8	8/17	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
481	Đỗ Trường Gia	Hy	28-Dec-02				8	8/19	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
482	Nguyễn Ngọc	Kiên	24-Dec-02				8	8/19	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
483	Nguyễn Ngọc Uyển	Nhi	23-Jun-02				8	8/19	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
484	Võ Nguyễn Hoàng	Oanh	21-Jun-02				8	8/19	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
485	Phạm Hương	Giang	14-Dec-02				8	8/2	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
486	Trần Minh	Hiệp	31-Jul-02				8	8/2	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
487	Tạ Bá	Huy	05-Sep-02				8	8/2	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
488	Phan Thị Phương	Thảo	03-Mar-02				8	8/2	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
489	Tôn Nữ Ngọc	Trinh	14-Mar-02				8	8/2	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
490	Huỳnh Lê Bảo	Hân	12-Dec-02				8	8/2	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
491	Nguyễn Hữu Đức	Huy	06-Mar-02				8	8/2	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
492	Đoàn Mỹ Như	Ngọc	19-Jun-02				8	8/2	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
493	Trần Quỳnh Yến	Nhi	16-Jan-02				8	8/2	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
494	Lê Hoàng Phương	Thảo	15-Nov-02				8	8/2	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
495	Phạm Thị Thanh	Trúc	22-Dec-02				8	8/2	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
496	Nguyễn Anh	Huân	07-Jan-02				8	8/2	Quang Trung	Đặc cách
497	Nguyễn Hồng	Minh	06-Feb-02				8	8/2	Quang Trung	Đặc cách
498	Đinh Phạm Đăng	Khoa	11-Jul-02				8	8/2	Tân Bình	Đặc cách
499	Phạm Thiên Phước	Quý	20-Aug-02				8	8/2	Tân Bình	Đặc cách
500	Nguyễn Minh	Trang	06-Feb-02				8	8/2	Tân Bình	Đặc cách
501	Trương Vũ Hoàng	My	06-May-02				8	8/20	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
502	Phan Ngọc Vũ	Thiên	25-Aug-02				8	8/20	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
503	Yau Zi	Long	24-Jan-02				8	8/21	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
504	Nguyễn Ngọc	Nhi	01-Mar-02				8	8/21	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
505	Hung	Jenny	24-Mar-02				8	8/22	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
506	Hon Hân	Phối	03-Aug-02				8	8/22	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
507	Nguyễn Mạnh	Tuấn	03-May-02				8	8/22	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
508	Nguyễn Hồ Lan	Vy	31-Dec-02				8	8/22	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
509	Nguyễn Trần Yến	Vy	02-Feb-02				8	8/22	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
510	Trần Nhật Ánh	Xuân	04-Jan-02				8	8/22	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
511	Nguyễn Anh Minh	Filip	12-Jun-02				8	8/23	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
512	Lâm Phú	Hung	20-Oct-02				8	8/23	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
513	Phạm Gia	Linh	07-May-02				8	8/23	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
514	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	19-Oct-02				8	8/23	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
515	Phan Phùng Nhã	Tâm	06-Jul-02				8	8/23	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
516	Lê Nhật	Giang	12-Aug-02				8	8/25	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
517	Trần Trung	Kiên	25-Jul-02				8	8/25	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
518	Nguyễn Thị Hưng	An	03-Jan-02				8	8/3	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
519	Nguyễn Võ Cát	Anh	03-Aug-02				8	8/3	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
520	Trần Nguyễn Quỳnh	Anh	28-Oct-02				8	8/3	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
521	Nguyễn Minh	Châu	25-Jan-02				8	8/3	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
522	Phan Thành	Công	16-Mar-02				8	8/3	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
523	Đoàn Nguyễn Thuy	Đan	19-Dec-02				8	8/3	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
524	Trần Ngọc Quỳnh	Giang	23-Jun-02				8	8/3	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
525	Phạm Trang	Nhung	18-Mar-02				8	8/3	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
526	Trần Diễm	Quỳnh	11-Nov-02				8	8/3	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
527	Nguyễn Ngọc Thu	Thảo	05-Apr-02				8	8/3	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
528	Tạ Vũ Hương	Thảo	28-Nov-02				8	8/3	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
529	Nguyễn Ngô Quang	Vinh	22-Apr-02				8	8/3	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
530	Trịnh Thu	Phương	29-Jan-02				8	8/3	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
531	Chu Văn	Thiện	14-May-02				8	8/3	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
532	Lâm Phương	Nguyên	19-Nov-02				8	8/4	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
533	Trần Mỹ Thiên	Di	03-Aug-02				8	8/4	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
534	Nguyễn Võ Kiều	Giang	28-May-02				8	8/4	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
535	Trần Nguyên Đông	Hải	23-Apr-02				8	8/4	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
536	Trình Hoàng	Khoa	01-Sep-02				8	8/4	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
537	Phạm Duy	Anh	07-Dec-01				8	'8/4	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
538	Nguyễn Thị Hồng	Khuê	23-Apr-02				8	'8/4	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
539	Trịnh Quốc	Huy	11-Feb-02				8	8/5	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
540	Nguyễn Nhật	Nam	22-May-02				8	8/5	Quang Trung	Đặc cách
541	Lương Huỳnh	Anh	24-May-02				8	'8/5	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
542	Nguyễn Bảo	Nguyên	22-Sep-02				8	'8/6	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
543	Lê Thanh	Trúc	09-May-02				8	'8/6	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
544	Nguyễn Phạm Thu	Uyên	23-Nov-02				8	'8/6	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
545	Lê Đức	Anh	18-Sep-02				8	8/7	Ngô Quyền	Đặc cách
546	Dương Chí	Bảo	02-Feb-02				8	8/7	Ngô Quyền	Đặc cách
547	Nguyễn Tiến	Cường	07-Sep-02				8	8/7	Ngô Quyền	Đặc cách
548	Vũ Huy	Hoàng	02-Jan-02				8	8/7	Ngô Quyền	Đặc cách
549	Trương Quốc	Khánh	02-Mar-02				8	8/7	Ngô Quyền	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
550	Nhan Tử	Khiêm	10-Apr-02				8	8/7	Ngô Quyền	Đặc cách
551	Nguyễn Vũ Anh	Khôi	07-Jun-02				8	8/7	Ngô Quyền	Đặc cách
552	Phạm Bá Hoàng	Minh	06-May-02				8	8/7	Ngô Quyền	Đặc cách
553	Nguyễn Đoàn Phương	Nguyên	17-Apr-02				8	8/7	Ngô Quyền	Đặc cách
554	Lê Bảo	Quỳnh	18-Jun-02				8	8/7	Ngô Quyền	Đặc cách
555	Lê Thảo	Quỳnh	10-Jul-02				8	8/7	Ngô Quyền	Đặc cách
556	Lê Hoàng	Son	06-Mar-02				8	8/7	Ngô Quyền	Đặc cách
557	Nguyễn Trần Hiền	Tâm	05-Aug-02				8	8/7	Ngô Quyền	Đặc cách
558	Lê Phi	Tấn	01-Jan-02				8	8/7	Ngô Quyền	Đặc cách
559	Vũ Nam	Thái	01-Mar-02				8	8/7	Ngô Quyền	Đặc cách
560	Vũ Phương	Thảo	05-Sep-02				8	8/7	Ngô Quyền	Đặc cách
561	Mao Cẩm	Tú	24-Feb-02				8	8/7	Ngô Quyền	Đặc cách
562	Huỳnh Phương	Vy	03-Apr-02				8	8/7	Ngô Quyền	Đặc cách
563	Phạm Hoàng Hiếu	Ngân	03-Dec-02				8	8/7	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
564	Nguyễn Ngọc Bảo	Nghi	19-Jun-02				8	8/7	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
565	Đào Xuân	Kim	19-Oct-02				8	'8/7	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
566	Bùi Hạnh	Nguyên	07-Sep-02				8	'8/7	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
567	Trần Hoàng	Thông	17-Jan-02				8	8/8	Ngô Quyền	Đặc cách
568	Bù Đức	Hải	14-Feb-02				8	8/8	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
569	Huỳnh Quốc	Nam	03-Feb-02				8	8/8	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
570	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	07-Jan-02				8	8/9	Ngô Quyền	Đặc cách
571	Phạm Ngọc Tâm	Khuê	22-Oct-02				8	'8/9	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
572	Trần Quốc Gia	Minh	19-May-02				8	'8/9	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
573	Pốc Doãn	Đình	28-Nov-02				8	8-1	Phạm Ngọc Thạch	Đặc cách
574	Nguyễn Thanh	Ngọc	18-Oct-02				8	8-1	Trần Văn Đang	Đặc cách
575	Phạm Thúy	Quỳnh	19-Jan-02				8	8-1	Trần Văn Đang	Đặc cách
576	Lưu Hà Thu	Thủy	04-Oct-02				8	8-2	Trần Văn Đang	Đặc cách
577	Nguyễn Quốc	Uy	12-Oct-02				8	8-2	Trần Văn Đang	Đặc cách
578	Nguyễn Gia	Bảo	26-Aug-02				8	8-4	Trần Văn Đang	Đặc cách
579	Lê Quốc	Thịnh	20-Feb-02				8	8-5	Phạm Ngọc Thạch	Đặc cách
580	Vũ Minh	Đức	15-Aug-02				8	8-7	Phạm Ngọc Thạch	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
581	Nguyễn Châu	Anh	21-Nov-02				8	8A1	Trường Chinh	Đặc cách
582	Đặng Thùy	Dương	03-Oct-02				8	8A1	Trường Chinh	Đặc cách
583	Ngô Minh	Hải	12-Apr-02				8	8A1	Trường Chinh	Đặc cách
584	Lê Anh	Khoa	03-Aug-02				8	8A1	Trường Chinh	Đặc cách
585	Trần Thùy	Linh	15-Feb-02				8	8A1	Trường Chinh	Đặc cách
586	Phan Nguyễn Chiêu	Minh	05-Jul-02				8	8A1	Trường Chinh	Đặc cách
587	Hoàng Quốc Thảo	Nhi	02-Apr-02				8	8A1	Trường Chinh	Đặc cách
588	Phạm Trần Thiên	Thảo	29-May-02				8	8A1	Trường Chinh	Đặc cách
589	Hồ Bảo	Trân	25-Jun-02				8	8A1	Trường Chinh	Đặc cách
590	Huỳnh Minh	Trang	05-Mar-02				8	8A1	Trường Chinh	Đặc cách
591	Lê Hoàng Thảo	Trinh	22-Jun-02				8	8A1	Trường Chinh	Đặc cách
592	Nguyễn Thiên Thanh	Xuân	14-Apr-02				8	8A1	Trường Chinh	Đặc cách
593	Nguyễn Hữu	Hiệp	24-Oct-02				8	8a10	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
594	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	09-Nov-02				8	8A2	Trường Chinh	Đặc cách
595	Nguyễn Quỳnh Phương	Anh	01-Feb-02				8	8A2	Trường Chinh	Đặc cách
596	Lê Ngô Minh	Thư	10-Apr-02				8	8A2	Trường Chinh	Đặc cách
597	Đặng Sử Quang	Đại	02-Oct-02				8	8A4	Trường Chinh	Đặc cách
598	Đặng Trần Vũ	Huy	06-Nov-02				8	8A4	Trường Chinh	Đặc cách
599	Nguyễn Hoàng	Khang	24-Dec-02				8	8A4	Trường Chinh	Đặc cách
600	Đặng Minh	Quân	30-May-02				8	8A4	Trường Chinh	Đặc cách
601	Nhâm Thị Ngọc	Minh	26-Jul-02				8	8A5	Trường Chinh	Đặc cách
602	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	03-Apr-02				8	8A5	Trường Chinh	Đặc cách
603	Trịnh Nhật	Quang	11-Apr-02				8	8A5	Trường Chinh	Đặc cách
604	Cao Anh	Minh	03-Jan-02				8	8a6	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
605	Vũ Đình	Minh	21-Mar-02				8	8a6	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
606	Nguyễn Thị Yến	Nhi	19-Aug-02				8	8a6	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
607	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	04-Nov-02				8	8A6	Trường Chinh	Đặc cách
608	Huỳnh Gia	Huy	02-Nov-02				8	8A9	Trường Chinh	Đặc cách
609	Lê Nguyễn Danh	Nghi	23-Sep-01				9	9.3	Lý Thường Kiệt	Đặc cách
610	Chung Thế	Thọ	08-Jan-01				9	9.3	Lý Thường Kiệt	Đặc cách
611	Nguyễn Gia	Phát	18-Aug-01				9	9.4	Lý Thường Kiệt	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
612	Trương Bửu	Ý	27-Sep-01				9	9.4	Lý Thường Kiệt	Đặc cách
613	Nguyễn Đức	Thiện	25-Feb-01				9	9.5	Lý Thường Kiệt	Đặc cách
614	Nguyễn Trần Xuân	Yến	11-Jul-01				9	9.5	Lý Thường Kiệt	Đặc cách
615	Võ Ánh	Ngọc	10-Mar-01				9	9.7	Lý Thường Kiệt	Đặc cách
616	Cao Thanh	Danh	21-Oct-01				9	9/1	Quang Trung	Đặc cách
617	Trương Đoàn Như	Khanh	06-Feb-01				9	9/1	Quang Trung	Đặc cách
618	Trần Khôi	Nguyên	24-Aug-01				9	9/1	Quang Trung	Đặc cách
619	Nguyễn Phương	Anh	21-Jul-01				9	'9/1	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
620	Hoàng Quế	Chi	14-Sep-01				9	'9/1	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
621	Phạm Thanh	Hoài	30-Nov-01				9	'9/1	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
622	Nguyễn Thị Thu	Ngân	28-Mar-01				9	'9/1	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
623	Sầm Lê Phương	Nghi	10-Jul-01				9	'9/1	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
624	Trần Ngọc Quỳnh	Như	27-Jun-01				9	'9/1	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
625	Đinh Lê Phương	Uyên	27-Mar-01				9	'9/1	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
626	Nguyễn Tấn	Lộc	26-Dec-00				9	9/10	Ngô Quyền	Đặc cách
627	Nguyễn Cao Phương	Uyên	14-Jun-01				9	9/10	Ngô Quyền	Đặc cách
628	Chu Quang	Trường	24-Jan-01				9	9/10	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
629	Nguyễn Hồng Nga	My	30-Nov-01				9	9/10	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
630	Phạm Mai Hoàng	Bảo	23-Nov-01				9	9/11	Ngô Quyền	Đặc cách
631	Đoàn Tân	Bình	28-Jun-01				9	9/11	Ngô Quyền	Đặc cách
632	Nguyễn Ngọc Lan	Chi	25-Aug-01				9	9/11	Ngô Quyền	Đặc cách
633	Trần Trung	Hiếu	17-Nov-01				9	9/11	Ngô Quyền	Đặc cách
634	Ngô Quang	Khánh	18-Apr-01				9	9/11	Ngô Quyền	Đặc cách
635	Trần Trung	Kiên	15-Nov-01				9	9/11	Ngô Quyền	Đặc cách
636	Hoàng Đại	Lộc	21-Jan-01				9	9/11	Ngô Quyền	Đặc cách
637	Phạm Cao	Minh	17-Jul-01				9	9/11	Ngô Quyền	Đặc cách
638	Châu Ngọc Quế	Ngân	29-Oct-01				9	9/11	Ngô Quyền	Đặc cách
639	Phạm Ngọc Nam	Phương	05-Mar-01				9	9/11	Ngô Quyền	Đặc cách
640	Nguyễn Cao Hoàng	Quý	31-May-01				9	9/11	Ngô Quyền	Đặc cách
641	Ngô Vũ Thảo	Quyên	24-Mar-01				9	9/11	Ngô Quyền	Đặc cách
642	Hồ Tào Xuân	Thịnh	28-Sep-01				9	9/11	Ngô Quyền	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
643	Nguyễn Như Ý	Vy	23-Sep-01				9	9/11	Ngô Quyền	Đặc cách
644	Thái Trần Thanh	Vy	13-Oct-01				9	9/11	Ngô Quyền	Đặc cách
645	Lê	Quang	31-Mar-01				9	9/11	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
646	Trương Lâm Quỳnh	Anh	06-Jul-01				9	'9/11	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
647	Nguyễn Thuý	Hiền	23-May-01				9	'9/11	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
648	Nguyễn Trọng Gia	Nguyễn	10-Jan-01				9	'9/11	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
649	Nguyễn Quang	Tiến	14-Oct-01				9	'9/11	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
650	Nguyễn Thanh	Trúc	28-Oct-01				9	'9/11	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
651	Phạm Dương	Anh	08-Feb-01				9	9/12	Ngô Quyền	Đặc cách
652	Trần Đức	Quang	09-Oct-01				9	9/12	Ngô Quyền	Đặc cách
653	Phạm Lê Song	Toàn	11-May-01				9	9/12	Ngô Quyền	Đặc cách
654	Nguyễn Cát	Tường	14-Dec-01				9	9/12	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
655	Nguyễn Phương	Anh	05-Aug-01				9	9/12	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
656	Nguyễn Hoàng	Kim	14-Feb-01				9	9/13	Tân Bình	Đặc cách
657	Võ Phan Bá	Luân	06-Jan-01				9	9/13	Tân Bình	Đặc cách
658	Nguyễn Việt	Dũng	01-Dec-01				9	9/14	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
659	Đặng Thắng	Long	11-Oct-01				9	9/14	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
660	Tôn Trần Bằng	Ngân	19-Dec-01				9	9/14	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
661	Vương Bội	San	06-Oct-01				9	9/14	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
662	Đỗ Hồng	Thy	03-Dec-01				9	9/14	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
663	Lê Anh	Triết	27-Feb-01				9	9/14	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
664	Nguyễn Thị Minh	Hiền	25-May-01				9	9/14	Tân Bình	Đặc cách
665	Trần Bảo	Hoàng	05-Mar-01				9	9/14	Tân Bình	Đặc cách
666	Trần Nguyên	Phát	14-Feb-01				9	9/14	Tân Bình	Đặc cách
667	Nguyễn Xuân	Quang	26-Aug-01				9	9/14	Tân Bình	Đặc cách
668	Hồ Tấn	Tuấn	07-Feb-01				9	9/14	Tân Bình	Đặc cách
669	Vòong Tử	Thông	26-Feb-01				9	9/15	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
670	Trần Khánh	Linh	08-Sep-01				9	9/16	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
671	Chu Đức	Minh	05-Jul-01				9	9/17	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
672	Nguyễn Hồng	Nhung	18-Dec-01				9	9/17	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
673	Nguyễn Hồng Vân	Anh	15-Sep-01				9	9/19	Quốc tế Á Châu	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
674	Nguyễn Gia	Hy	12-Mar-01				9	9/2	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
675	Vũ Trà	Giang	15-Mar-01				9	'9/2	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
676	Phạm Thị Quỳnh	Giao	09-Mar-01				9	'9/2	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
677	Huỳnh Nguyễn Gia	Khanh	06-Dec-01				9	'9/2	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
678	Văn Đình	Khôi	04-Aug-01				9	'9/2	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
679	Nguyễn Hữu Đức	Phát	16-Jan-01				9	'9/2	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
680	Tôn Thất	Hòa	29-Oct-01				9	9/20	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
681	Trần Thanh	Nhàn	18-Oct-01				9	9/20	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
682	Dương Tấn	Thiện	30-Sep-01				9	9/20	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
683	Ngô Đình	Nam	10-Oct-01				9	9/21	Quốc tế Á Châu	Đặc cách
684	Nguyễn Minh	Anh	22-Jan-01				9	'9/3	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
685	Nguyễn Lê Ngọc	Bích	08-Sep-01				9	'9/3	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
686	Ngô Ngọc	Diễm	24-Apr-01				9	'9/3	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
687	Vũ Phan Minh	Hải	30-Nov-01				9	'9/3	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
688	Lê Hà Bảo	Hoàng	09-Nov-01				9	'9/3	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
689	Ngô Nhật	Huy	07-Oct-01				9	'9/3	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
690	Trần Thị Thuý	Minh	16-Oct-01				9	'9/3	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
691	Đỗ Minh	Quân	02-Oct-01				9	'9/3	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
692	Phạm Ngọc	Trâm	17-Jan-01				9	'9/3	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
693	Hoàng Thị Thu	Trang	13-Mar-01				9	'9/3	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
694	Đỗ Xuân	Tùng	16-Feb-01				9	'9/3	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
695	Nguyễn Thị Xuân	Thùy	25-Oct-01				9	9/4	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
696	Phan Thị Ngọc	Diệp	12-Mar-01				9	'9/4	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
697	Vũ Trần Bảo	Ngọc	04-Dec-01				9	'9/4	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
698	Nguyễn Minh	Phúc	29-Jun-01				9	'9/4	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
699	Nguyễn Thuý	Tiên	22-Jan-01				9	'9/4	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
700	Phạm Phước	An	23-Aug-01				9	9/5	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
701	Trần Đức	Anh	14-Jun-01				9	'9/5	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
702	Lê Minh	Hằng	28-Apr-01				9	'9/5	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
703	Nguyễn Đức	Trung	18-Mar-01				9	'9/5	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
704	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	20-Dec-01				9	'9/5	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
705	Đinh Hoàng	Nam	24-Nov-01				9	9/6	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
706	Thái Nguyên Thảo	Nhi	21-Dec-01				9	9/6	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
707	Phạm Tạ Nghi	Dung	09-Nov-01				9	'9/6	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
708	Võ Ngô Gia	Bảo	13-Sep-01				9	9/7	Nguyễn Gia Thiều	Đặc cách
709	Tôn Thất Thiên	Tân	02-Jan-01				9	'9/7	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
710	Lê Thuỳ	Trang	26-Feb-01				9	'9/7	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
711	Vũ Ngọc Xuân	An	28-Jun-01				9	9/8	Ngô Quyền	Đặc cách
712	Nguyễn Hồ Minh	Đông	25-Jul-01				9	9/8	Ngô Quyền	Đặc cách
713	Trần Thu	Hà	03-Jul-01				9	9/8	Ngô Quyền	Đặc cách
714	Trần Trung	Hiếu	10-Jan-01				9	9/8	Ngô Quyền	Đặc cách
715	Nguyễn Hoàng	Huy	10-Aug-01				9	9/8	Ngô Quyền	Đặc cách
716	Vũ Trung	Kiên	03-Feb-01				9	9/8	Ngô Quyền	Đặc cách
717	Nguyễn Hồng	Linh	21-Jun-01				9	9/8	Ngô Quyền	Đặc cách
718	Võ Châu Trà	Mi	11-Jan-01				9	9/8	Ngô Quyền	Đặc cách
719	Trần Huỳnh Bảo	Ngọc	02-Oct-01				9	9/8	Ngô Quyền	Đặc cách
720	Phạm Thùy	Nhung	27-Oct-01				9	9/8	Ngô Quyền	Đặc cách
721	Hồ Hoàng Hưng	Phát	27-Nov-01				9	9/8	Ngô Quyền	Đặc cách
722	Lê Bảo	Thy	25-Jan-01				9	9/8	Ngô Quyền	Đặc cách
723	Nguyễn Thị Ngọc	Thy	21-Feb-01				9	9/8	Ngô Quyền	Đặc cách
724	Tân Vĩnh	Toàn	06-Nov-01				9	9/8	Ngô Quyền	Đặc cách
725	Lê Anh	Tuấn	23-Sep-01				9	9/8	Ngô Quyền	Đặc cách
726	Phan Thị Trường	An	19-Oct-01				9	9/9	Ngô Quyền	Đặc cách
727	Lê Quân	Bảo	30-Jun-01				9	9/9	Ngô Quyền	Đặc cách
728	Nguyễn Hữu	Duy	18-Nov-01				9	9/9	Ngô Quyền	Đặc cách
729	Nguyễn Võ Hương	Giang	01-Nov-01				9	9/9	Ngô Quyền	Đặc cách
730	Võ Trung	Hiếu	12-Apr-01				9	9/9	Ngô Quyền	Đặc cách
731	Trần Nga	Hoàng	27-Mar-01				9	9/9	Ngô Quyền	Đặc cách
732	Trần Minh	Khang	14-Jul-01				9	9/9	Ngô Quyền	Đặc cách
733	Phan Thái	Nam	06-Jun-01				9	9/9	Ngô Quyền	Đặc cách
734	Phạm Khánh	Phương	25-Jan-01				9	9/9	Ngô Quyền	Đặc cách
735	Nguyễn Phạm Nhật	Thanh	26-Sep-01				9	9/9	Ngô Quyền	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
736	Nguyễn Thị Yến	Thanh	18-Oct-01				9	9/9	Ngô Quyền	Đặc cách
737	Nguyễn Đức	Thiện	23-May-01				9	9/9	Ngô Quyền	Đặc cách
738	Lê Võ Văn	Thịnh	08-Dec-01				9	9/9	Ngô Quyền	Đặc cách
739	Nguyễn Nhật Hồng	Thy	04-Oct-01				9	9/9	Ngô Quyền	Đặc cách
740	Lê Kim	Trang	24-Sep-01				9	9/9	Ngô Quyền	Đặc cách
741	Nguyễn Thanh	Trang	03-Sep-01				9	9/9	Ngô Quyền	Đặc cách
742	Hoàng Kim Ngọc	Uyên	04-May-01				9	9/9	Ngô Quyền	Đặc cách
743	Nguyễn Thị Phương	Uyên	28-Nov-01				9	9/9	Ngô Quyền	Đặc cách
744	Trần Thu Phương	Uyên	11-Dec-01				9	9/9	Ngô Quyền	Đặc cách
745	Phan Thảo	Vy	27-Jun-01				9	9/9	Ngô Quyền	Đặc cách
746	Trần Trung	Tin	12-Oct-01				9	'9/9	Hoàng Hoa Thám	Đặc cách
747	Lưu Tâm	Như	09-Apr-01				9	9-1	Phạm Ngọc Thạch	Đặc cách
748	Đinh Ngọc Phương	Anh	08-Jul-01				9	9-1	Trần Văn Đăng	Đặc cách
749	Phạm Ngọc Uyển	Thanh	23-Apr-01				9	9-1	Trần Văn Đăng	Đặc cách
750	Nguyễn Phúc	Thịnh	18-Jan-01				9	9-1	Trần Văn Đăng	Đặc cách
751	Trần Ngọc Bảo	Trân	09-Aug-01				9	9-1	Trần Văn Đăng	Đặc cách
752	Phạm Hoàng	Vũ	30-Apr-01				9	9-1	Trần Văn Đăng	Đặc cách
753	Đỗ Nguyễn Công	Danh	06-Jul-01				9	9-4	Trần Văn Đăng	Đặc cách
754	Nguyễn Trần Minh	Châu	28-Dec-01				9	9a1	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
755	Trịnh Hải	Đức	15-Apr-01				9	9a1	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
756	Luyện Ngọc Thiên	Hương	21-Oct-01				9	9a1	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
757	Đặng Ngọc	Khánh	28-Mar-01				9	9a1	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
758	Lê Tự Ngọc	Minh	27-Sep-01				9	9a1	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
759	Lê Thảo	Nhi	25-Aug-01				9	9a1	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
760	Nguyễn Anh Minh	Thư	21-Feb-01				9	9a1	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
761	Nguyễn Vũ Thảo	Vy	11-Sep-01				9	9a1	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
762	Nguyễn Đức	Dũng	22-Mar-01				9	9A1	Trường Chinh	Đặc cách
763	Hồ Trung	Hiếu	16-Feb-01				9	9A1	Trường Chinh	Đặc cách
764	Dương Triệu	Ân	01-Jul-01				9	9A10	Trường Chinh	Đặc cách
765	Đinh Nguyễn Lam	Quỳnh	01-Aug-01				9	9A10	Trường Chinh	Đặc cách
766	Nguyễn Hữu Quốc	Anh	11-Jul-01				9	9a2	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
767	Nguyễn Kỳ Mai	Anh	01-Jan-01				9	9a2	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
768	Hà Thùy	Linh	21-Oct-01				9	9A2	Trường Chinh	Đặc cách
769	Nguyễn Tấn	Phát	04-Sep-01				9	9A2	Trường Chinh	Đặc cách
770	Phạm Khánh	Trình	23-May-01				9	9A2	Trường Chinh	Đặc cách
771	Vũ Minh	Hiếu	29-Dec-01				9	9a3	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
772	Nguyễn Dương Dạ	Hương	23-Mar-01				9	9a3	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
773	Nguyễn Đình Mỹ	Huyền	18-Nov-01				9	9a3	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
774	Nguyễn Khánh	Huyền	25-Jun-01				9	9a3	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
775	Nguyễn Hoàng Đan	Khanh	04-Oct-01				9	9a3	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
776	Nguyễn Trịnh Bảo	Ngân	16-Dec-01				9	9a3	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
777	Đặng Ngọc Uyên	Thảo	23-Sep-01				9	9a3	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
778	Dương Bảo	Thi	25-May-01				9	9a3	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
779	Lê Hoàng Anh	Thơ	30-Sep-01				9	9a3	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
780	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	19-Nov-01				9	9a3	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
781	Nguyễn Ngọc Thiên	Trang	07-Jan-01				9	9a3	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
782	Trịnh Đỗ Phương	Uyên	31-Jul-01				9	9a3	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
783	Đoàn Vũ Thanh	Vân	25-Nov-01				9	9a3	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
784	Trần Thảo	Vân	08-Jan-01				9	9a3	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
785	Trương Kiều	Vân	14-Nov-01				9	9a3	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
786	Nguyễn Đình	Phúc	18-Nov-01				9	9a4	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
787	Hoàng Khánh	Trình	18-Sep-01				9	9a4	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
788	Nguyễn Trần Châu	Hà	28-Mar-01				9	9A4	Trường Chinh	Đặc cách
789	Lê Minh	Khang	15-Oct-01				9	9A4	Trường Chinh	Đặc cách
790	Triệu Thị Quỳnh	Như	01-Mar-01				9	9A4	Trường Chinh	Đặc cách
791	Đinh Thị Tường	An	28-Mar-01				9	9a5	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
792	Nguyễn Ngọc	Hiếu	02-Feb-01				9	9a5	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
793	Phan Vũ Khánh	Linh	17-Nov-01				9	9a5	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
794	Phùng Hiếu	Minh	03-Aug-01				9	9a5	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
795	Đỗ Quốc	Khánh	30-Oct-01				9	9A5	Trường Chinh	Đặc cách
796	Hồ Lê Thanh	Trúc	06-Oct-01				9	9a6	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
797	Vũ Tường	Vy	07-Feb-01				9	9a6	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
798	Trần Văn	Châu	24-Dec-01				9	9A6	Trường Chinh	Đặc cách
799	Trần Đình	Huy	14-Jul-01				9	9A6	Trường Chinh	Đặc cách
800	Nguyễn Phi	Anh	07-Sep-01				9	9a9	Ngô Sĩ Liên	Đặc cách
801	NGUYỄN PHÚC GIA	HÒA	25-Jul-05	60143039	6	6			TRẦN VĂN ĐANG	
802	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	ANH	26-Dec-05	60138640	6	6			VIỆT MỸ	
803	TRẦN GIA	HÒA	15-Aug-05	60138646	6	6			VIỆT MỸ	
804	NGUYỄN TRẦN TUẤN	KHANG	01-Mar-05	60138642	6	6			VIỆT MỸ	
805	LÊ MAI	KHANH	08-Feb-05	60138638	6	6			VIỆT MỸ	
806	TRƯƠNG MỘC THÀNH	NHÂN	28-Jul-05	60138649	6	6			VIỆT MỸ	
807	NGUYỄN XUÂN	NHI	27-Sep-05	60138644	6	6			VIỆT MỸ	
808	DUƠNG TÂM	NHƯ	27-Aug-05	60138636	6	6			VIỆT MỸ	
809	NGUYỄN CÔNG	DANH	25-Nov-05	60138275	6	6.2			QUANG TRUNG	
810	CHÂU KIM	LUÂN	18-Mar-05	60138273	6	6.2			QUANG TRUNG	
811	VÀY QUÝ	MINH	07-Aug-05	60138278	6	6.2			QUANG TRUNG	
812	NGUYỄN THỊ MỸ	NGA	23-Aug-05	60138276	6	6.2			QUANG TRUNG	
813	TRƯƠNG THỊ YẾN	NHI	19-Dec-05	60138277	6	6.2			QUANG TRUNG	
814	CAO HỮU	VINH	01-Jan-05	60138272	6	6.2			QUANG TRUNG	
815	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	26-Feb-05	60139662	6	6.5			LÝ THƯỜNG KIỆT	
816	NGUYỄN ĐĂNG	HẠNH	27-May-05	60139661	6	6.5			LÝ THƯỜNG KIỆT	
817	HOÀNG KIM	KHANG	23-Jan-05	60139659	6	6.5			LÝ THƯỜNG KIỆT	
818	CHUNG THẾ	KIỆT	02-Nov-05	60139656	6	6.5			LÝ THƯỜNG KIỆT	
819	LAO ĐÀM KHẢI	NGHI	27-Dec-05	60139660	6	6.5			LÝ THƯỜNG KIỆT	
820	TRẦN QUANG	NGHĨA	02-Mar-05	60139663	6	6.5			LÝ THƯỜNG KIỆT	
821	ĐẶNG VÕ ĐÔNG	TRÚC	14-Feb-05	60139657	6	6.5			LÝ THƯỜNG KIỆT	
822	PHAN LÊ KHÁNH	LINH	10-Nov-05	60139664	6	6.6			LÝ THƯỜNG KIỆT	
823	MAI THỊ ÁNH	DUƠNG	27-Feb-05	60139670	6	6.7			LÝ THƯỜNG KIỆT	
824	ĐỖ PHƯỚC	HOÀNG	19-Oct-05	60139667	6	6.7			LÝ THƯỜNG KIỆT	
825	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	10-May-05	60139671	6	6.7			LÝ THƯỜNG KIỆT	
826	ĐẶNG TUẤN	KIỆT	12-Aug-05	60139666	6	6.7			LÝ THƯỜNG KIỆT	
827	PHẠM BÌNH	MINH	12-Dec-05	60139674	6	6.7			LÝ THƯỜNG KIỆT	
828	NGUYỄN NGÔ ANH	QUỐC	17-Dec-05	60139672	6	6.7			LÝ THƯỜNG KIỆT	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
829	PHẠM HOÀNG	SƠN	06-Jan-05	60139675	6	6.7			LÝ THƯỜNG KIỆT	
830	ĐẶNG HUỠNH MINH	THƯ	18-Jul-05	60139665	6	6.7			LÝ THƯỜNG KIỆT	
831	NGUYỄN NGỌC HẢI	YẾN	25-Jan-05	60139673	6	6.7			LÝ THƯỜNG KIỆT	
832	HOÀNG VÕ QUẾ	ANH	03-Dec-05	60138674	6	6/1			PHAM NGOC THACH	
833	TRẦN NGỌC	NGUYỄN	30-Dec-05	60138677	6	6/1			PHAM NGOC THACH	
834	NGUYỄN PHÚC	TẤN	25-Aug-05	60138676	6	6/1			PHAM NGOC THACH	
835	VÕ THỰC MINH	CHÂU	18-Sep-05	60138355	6	6/1			THCS ÂU LẠC	
836	LƯƠNG HUỠNH	GIANG	2-Mar-05	60138349	6	6/1			THCS ÂU LẠC	
837	VŨ LÊ	HOÀNG	17-Oct-05	60138356	6	6/1			THCS ÂU LẠC	
838	NGUYỄN NĂNG ĐĂNG	KHOA	8-Sep-05	60138352	6	6/1			THCS ÂU LẠC	
839	NGUYỄN HUỠNH ANH	KHÔI	22-Jun-05	60138351	6	6/1			THCS ÂU LẠC	
840	ĐỖ HOÀNG BẢO	NGÂN	22-Jun-05	60138345	6	6/1			THCS ÂU LẠC	
841	ĐOÀN NGỌC NHƯ	QUỲNH	24-Dec-05	60138346	6	6/1			THCS ÂU LẠC	
842	PHAN ANH	THƯ	10-Oct-05	60138354	6	6/1			THCS ÂU LẠC	
843	NGUYỄN ĐỨC	TÍNH	27-Nov-05	60138350	6	6/1			THCS ÂU LẠC	
844	LÊ KHUÔNG BẢO	TRÂM	21-Nov-05	60138347	6	6/1			THCS ÂU LẠC	
845	LÊ MINH	TRANG	25-Feb-05	60138348	6	6/1			THCS ÂU LẠC	
846	NGUYỄN THÚY	ANH	10-Mar-05	60138553	6	6/1			TRẦN VĂN ĐĂNG	
847	NGUYỄN ĐẶNG MINH	CHÂU	01-Jan-05	60138546	6	6/1			TRẦN VĂN ĐĂNG	
848	NGUYỄN TRUNG	CHIẾN	21-Aug-05	60138554	6	6/1			TRẦN VĂN ĐĂNG	
849	NGUYỄN CAO	HÙNG	23-Jul-05	60138545	6	6/1			TRẦN VĂN ĐĂNG	
850	LIU VĨNH	KHANG	27-Oct-05	60138541	6	6/1			TRẦN VĂN ĐĂNG	
851	PHẠM ĐĂNG	KHOA	04-Feb-05	60138556	6	6/1			TRẦN VĂN ĐĂNG	
852	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	KIM	30-Jan-05	60138549	6	6/1			TRẦN VĂN ĐĂNG	
853	NGUYỄN HOÀNG	NAM	27-Sep-05	60138548	6	6/1			TRẦN VĂN ĐĂNG	
854	NGUYỄN QUỲNH	NGA	21-Apr-05	60138551	6	6/1			TRẦN VĂN ĐĂNG	
855	PHẠM NGUYỄN GIA	NGHI	22-Jul-05	60138558	6	6/1			TRẦN VĂN ĐĂNG	
856	KIỀU NGUYỄN BẢO	NGỌC	18-Feb-05	60138536	6	6/1			TRẦN VĂN ĐĂNG	
857	KIỀU NGUYỄN HỒNG	NGỌC	18-Feb-05	60138537	6	6/1			TRẦN VĂN ĐĂNG	
858	PHẠM ĐỖ VÂN	NHƯ	01-May-05	60138557	6	6/1			TRẦN VĂN ĐĂNG	
859	HOÀNG TUẤN	PHÁT	18-Oct-05	60138535	6	6/1			TRẦN VĂN ĐĂNG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
860	PHẠM THIÊN	PHƯỚC	25-May-05	60138560	6	6/1			TRẦN VĂN ĐANG	
861	ĐẶNG NGUYỄN BẢO	TRÂN	03-Jun-05	60138533	6	6/1			TRẦN VĂN ĐANG	
862	LÊ THÙY	TRANG	28-Jul-05	60138540	6	6/1			TRẦN VĂN ĐANG	
863	NGUYỄN THANH	TÙNG	29-Jul-05	60138552	6	6/1			TRẦN VĂN ĐANG	
864	TRƯƠNG NGUYỄN THANH	VY	27-Apr-05	60138562	6	6/1			TRẦN VĂN ĐANG	
865	NGUYỄN PHẠM HOÀI	ANH	01-Dec-05	60128342	6	6/10			NGÔ QUYỀN	
866	TRẦN KIM	CHI	05-Dec-05	60128350	6	6/10			NGÔ QUYỀN	
867	NGUYỄN MINH	DUY	20-Mar-05	60128339	6	6/10			NGÔ QUYỀN	
868	HỒ THIÊN	KIM	26-Oct-05	60128323	6	6/10			NGÔ QUYỀN	
869	VŨ THỊ VÂN	LINH	13-Jan-05	60128357	6	6/10			NGÔ QUYỀN	
870	ĐỖ TẤN	PHÁT	27-May-05	60128318	6	6/10			NGÔ QUYỀN	
871	LÊ ĐÌNH	PHÚC	21-Oct-05	60128332	6	6/10			NGÔ QUYỀN	
872	VŨ VĂN	HOÀNG	21-Sep-05	60140111	6	6/10			THCS TÂN BÌNH	
873	PHẠM ĐẠI	VĨ	09-Sep-05	60140109	6	6/10			THCS TÂN BÌNH	
874	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG	ANH	29-Jul-05	60128363	6	6/11			NGÔ QUYỀN	
875	NGUYỄN CỬU THỊ VÂN	ANH	13-Mar-05	60128374	6	6/11			NGÔ QUYỀN	
876	NGUYỄN DOÃN KHẢI	CA	27-May-05	60128375	6	6/11			NGÔ QUYỀN	
877	LIU BÍCH	CHIÊU	16-Mar-05	60128371	6	6/11			NGÔ QUYỀN	
878	PHẠM ĐĂNG	KHOA	12-Jul-05	60128383	6	6/11			NGÔ QUYỀN	
879	HOÀNG KIM	NGHĨA	10-Oct-05	60128367	6	6/11			NGÔ QUYỀN	
880	PHẠM NGUYỄN MINH	TRÍ	18-Oct-05	60128385	6	6/11			NGÔ QUYỀN	
881	ĐÌNH VIỆT TUẤN	ANH	29-Nov-05	60140113	6	6/11			THCS TÂN BÌNH	
882	BÙI QUANG	KHÔI	25-Jul-05	60140112	6	6/11			THCS TÂN BÌNH	
883	HỨA TRẦN TÚ	NHI	5-May-05	60140115	6	6/11			THCS TÂN BÌNH	
884	NGUYỄN BÌNH PHƯƠNG	NHI	29-Sep-05	60140120	6	6/11			THCS TÂN BÌNH	
885	LÊ NGUYỄN MỸ	PHƯƠNG	29-Oct-05	60140118	6	6/11			THCS TÂN BÌNH	
886	HỒ NGỌC TUYỀN	VY	30-Sep-05	60140114	6	6/11			THCS TÂN BÌNH	
887	TRẦN NGUYỄN TƯỜNG	VY	24-May-05	60140126	6	6/11			THCS TÂN BÌNH	
888	NGUYỄN NGỌC KIM	ANH	15-Nov-05	60120385	6	6/12			QUỐC TẾ Á CHÂU	
889	PHAN DIÊN KỶ	BỘI	02-Aug-05	60120391	6	6/12			QUỐC TẾ Á CHÂU	
890	BÙI SỸ AN	KHANG	12-Aug-05	60120381	6	6/12			QUỐC TẾ Á CHÂU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
891	LÊ PHẠM KHÁNH	LINH	16-Oct-05	60120383	6	6/12			QUỐC TẾ Á CHÂU	
892	NGUYỄN BÍCH	NGỌC	10-Aug-05	60120384	6	6/12			QUỐC TẾ Á CHÂU	
893	BÙI HOÀNG MINH	QUÂN	06-Aug-05	60120380	6	6/12			QUỐC TẾ Á CHÂU	
894	NGUYỄN NGỌC MINH	THẢO	29-Dec-05	60120386	6	6/12			QUỐC TẾ Á CHÂU	
895	NGUYỄN VĨNH HOÀNG	THY	20-Apr-05	60120388	6	6/12			QUỐC TẾ Á CHÂU	
896	NGUYỄN NGỌC NGUYỆT	TIÊN	17-Sep-05	60120387	6	6/12			QUỐC TẾ Á CHÂU	
897	PHẠM CÁT TUỜNG	VY	19-Mar-05	60120390	6	6/12			QUỐC TẾ Á CHÂU	
898	ĐỖ ĐĂNG HỒNG	ÂN	24-Jan-05	60140129	6	6/12			THCS TÂN BÌNH	
899	DƯƠNG HẢI	ANH	10-Nov-05	60140132	6	6/12			THCS TÂN BÌNH	
900	DIỆP THỂ	BẢO	04-May-05	60140128	6	6/12			THCS TÂN BÌNH	
901	TRƯƠNG TRẦN LAN	KHUÊ	02-Aug-05	60140139	6	6/12			THCS TÂN BÌNH	
902	NGUYỄN VĂN GIA	LẬP	25-Nov-05	60140136	6	6/12			THCS TÂN BÌNH	
903	TRỊNH HẢI	NGUYỄN	20-Jan-05	60140138	6	6/12			THCS TÂN BÌNH	
904	PHẠM ANH	QUÂN	13-Jan-05	60140137	6	6/12			THCS TÂN BÌNH	
905	VŨ NGỌC BẢO	TRÂN	2-Feb-05	60140140	6	6/12			THCS TÂN BÌNH	
906	NGUYỄN TRẦN HOÀNG	TRIỀU	23-Feb-05	60140135	6	6/12			THCS TÂN BÌNH	
907	ĐỖ PHƯƠNG	UYÊN	06-Sep-05	60140131	6	6/12			THCS TÂN BÌNH	
908	NGUYỄN HỮU HOÀNG	ANH	21-Apr-05	60128404	6	6/13			NGÔ QUYỀN	
909	NGUYỄN THANH	CÓ	17-May-05	60128408	6	6/13			NGÔ QUYỀN	
910	PHAN MINH	ĐỨC	06-Apr-05	60128417	6	6/13			NGÔ QUYỀN	
911	NGUYỄN DOÃN GIA	HUY	13-Oct-05	60128401	6	6/13			NGÔ QUYỀN	
912	TRẦN VĂN	HUY	10-Oct-05	60128424	6	6/13			NGÔ QUYỀN	
913	PHẠM NGỌC THUY	KHANH	19-Feb-05	60128414	6	6/13			NGÔ QUYỀN	
914	TRẦN ĐĂNG	KHOA	27-Feb-05	60128419	6	6/13			NGÔ QUYỀN	
915	NGUYỄN PHƯỚC	LỢI	6-Mar-05	60128407	6	6/13			NGÔ QUYỀN	
916	DƯƠNG ĐỨC	MẠNH	17-Mar-05	60128397	6	6/13			NGÔ QUYỀN	
917	TRẦN THỊ	NA	06-Mar-05	60128423	6	6/13			NGÔ QUYỀN	
918	NGUYỄN ĐỖ ĐẠT	NGUYỄN	05-May-05	60128400	6	6/13			NGÔ QUYỀN	
919	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	03-Jan-05	60128410	6	6/13			NGÔ QUYỀN	
920	ĐẶNG THỊ MINH	PHƯỢNG	01-Jul-05	60128395	6	6/13			NGÔ QUYỀN	
921	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	12-Apr-05	60128409	6	6/13			NGÔ QUYỀN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
922	ĐỖ TẤN	TRỌNG	24-Nov-05	60128396	6	6/13			NGÔ QUYỀN	
923	NGUYỄN THÁI	DUY	6-May-05	60120398	6	6/13			QUỐC TẾ Á CHÂU	
924	TÂN THIÊN	LỘC	15-Oct-05	60120401	6	6/13			QUỐC TẾ Á CHÂU	
925	NGUYỄN TƯỜNG	MINH	18-Jul-05	60120400	6	6/13			QUỐC TẾ Á CHÂU	
926	NGUYỄN TRỊNH THẢO	NGÂN	04-May-05	60120399	6	6/13			QUỐC TẾ Á CHÂU	
927	TRẦN MINH	QUÂN	17-Dec-05	60120402	6	6/13			QUỐC TẾ Á CHÂU	
928	NGUYỄN NHẬT	QUANG	28-Mar-05	60120397	6	6/13			QUỐC TẾ Á CHÂU	
929	TRẦN THỤC	QUYÊN	03-Oct-05	60120405	6	6/13			QUỐC TẾ Á CHÂU	
930	BÙI KHÁNH	VY	28-Nov-05	60120392	6	6/13			QUỐC TẾ Á CHÂU	
931	NGUYỄN	MINH	18-Sep-05	60140142	6	6/13			THCS TÂN BÌNH	
932	PHẠM LAN	ANH	09-Sep-05	60120410	6	6/14			QUỐC TẾ Á CHÂU	
933	LÊ TRẦN PHƯƠNG	NGHI	08-Jun-05	60120409	6	6/14			QUỐC TẾ Á CHÂU	
934	HUỲNH THIÊN	Y	08-Jul-05	60120408	6	6/14			QUỐC TẾ Á CHÂU	
935	BÙI PHI	YẾN	16-May-05	60120406	6	6/14			QUỐC TẾ Á CHÂU	
936	PHẠM HOÀNG MINH	ANH	13-Feb-05	60120419	6	6/15			QUỐC TẾ Á CHÂU	
937	NGUYỄN PHƯỚC	ĐẠT	10-May-05	60120416	6	6/15			QUỐC TẾ Á CHÂU	
938	LÊ TRƯỜNG	GIANG	4-Feb-05	60120415	6	6/15			QUỐC TẾ Á CHÂU	
939	TRẦN AN	KHANG	12-Jul-05	60120420	6	6/15			QUỐC TẾ Á CHÂU	
940	TRẦN NAM	PHƯƠNG	08-Sep-05	60120421	6	6/15			QUỐC TẾ Á CHÂU	
941	VƯƠNG NHẬT	QUANG	30-Oct-05	60120422	6	6/15			QUỐC TẾ Á CHÂU	
942	CHÂU KIẾN	QUỐC	26-Oct-05	60120414	6	6/15			QUỐC TẾ Á CHÂU	
943	NGUYỄN THANH	TÚ	28-Aug-05	60120417	6	6/15			QUỐC TẾ Á CHÂU	
944	NGUYỄN NỮ BẢO	CHÂU	23-Oct-05	60120425	6	6/16			QUỐC TẾ Á CHÂU	
945	TRẦN MINH	QUÂN	04-Aug-05	60120427	6	6/16			QUỐC TẾ Á CHÂU	
946	NGUYỄN ĐẮC	TẤN	02-Feb-05	60120424	6	6/16			QUỐC TẾ Á CHÂU	
947	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	ANH	21-Nov-05	60120433	6	6/17			QUỐC TẾ Á CHÂU	
948	TRẦN TÍN	ĐẠT	22-Jan-05	60120442	6	6/17			QUỐC TẾ Á CHÂU	
949	QUÁCH KHẢ	DOANH	13-May-05	60120438	6	6/17			QUỐC TẾ Á CHÂU	
950	LIÊU DƯƠNG BẢO	KHÁNH	19-Feb-05	60120431	6	6/17			QUỐC TẾ Á CHÂU	
951	PHẠM PHƯƠNG	MAI	21-May-05	60120437	6	6/17			QUỐC TẾ Á CHÂU	
952	OH TRI	MINH	29-Jun-05	60120435	6	6/17			QUỐC TẾ Á CHÂU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
953	PHẠM NHẬT	MINH	04-Oct-05	60120436	6	6/17			QUỐC TẾ Á CHÂU	
954	TRẦN HÒA	PHÚ	10-Jun-05	60120439	6	6/17			QUỐC TẾ Á CHÂU	
955	NGUYỄN HỮU NAM	PHƯƠNG	22-Apr-05	60120432	6	6/17			QUỐC TẾ Á CHÂU	
956	VŨ NAM	PHƯƠNG	09-Feb-05	60120443	6	6/17			QUỐC TẾ Á CHÂU	
957	TRẦN NHƯ	QUỲNH	29-Jan-05	60120441	6	6/17			QUỐC TẾ Á CHÂU	
958	TRẦN NGỌC SONG	THƯ	29-Jul-05	60120440	6	6/17			QUỐC TẾ Á CHÂU	
959	NGUYỄN TRỌNG	TOÀN	17-Jun-05	60120434	6	6/17			QUỐC TẾ Á CHÂU	
960	LÊ KHÁNH	AN	07-Dec-05	60120446	6	6/18			QUỐC TẾ Á CHÂU	
961	NGUYỄN LÊ PHÚC	DIỄM	05-Apr-05	60120450	6	6/18			QUỐC TẾ Á CHÂU	
962	BÙI ĐẶNG LAN	DUNG	2-Apr-05	60120444	6	6/18			QUỐC TẾ Á CHÂU	
963	NGUYỄN THIỀU VIỆT	HUNG	15-Dec-05	60120453	6	6/18			QUỐC TẾ Á CHÂU	
964	PHẠM ANH	KHOA	14-Feb-05	60120455	6	6/18			QUỐC TẾ Á CHÂU	
965	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	25-May-05	60120449	6	6/18			QUỐC TẾ Á CHÂU	
966	NGUYỄN PHẠM XUÂN	THẢO	7-Nov-05	60120452	6	6/18			QUỐC TẾ Á CHÂU	
967	PHAN ĐỨC	THỊNH	20-Jan-05	60120456	6	6/18			QUỐC TẾ Á CHÂU	
968	NGUYỄN VŨ	UY	28-Jul-05	60120454	6	6/18			QUỐC TẾ Á CHÂU	
969	SONGSIRI HOÀNG	ANH	15-Sep-05	60120464	6	6/19			QUỐC TẾ Á CHÂU	
970	NGUYỄN THỊ ÁNH	DUYÊN	27-Jun-05	60120463	6	6/19			QUỐC TẾ Á CHÂU	
971	HỒ NGỌC MINH	HƯƠNG	14-Dec-05	60120460	6	6/19			QUỐC TẾ Á CHÂU	
972	NGUYỄN	NGUYỄN	13-May-05	60120462	6	6/19			QUỐC TẾ Á CHÂU	
973	TRẦN VIỆT TRUNG	AN	07-Jun-05	60127836	6	6/2			NGÔ QUYỀN	
974	HỒ SỸ ANH	ĐẠI	19-Jan-05	60127819	6	6/2			NGÔ QUYỀN	
975	NGÔ NAM	HẢI	19-Jan-05	60127825	6	6/2			NGÔ QUYỀN	
976	HÀ GIA	HUY	23-Oct-05	60127818	6	6/2			NGÔ QUYỀN	
977	TRẦN THỊ	LỆ	21-Nov-05	60127835	6	6/2			NGÔ QUYỀN	
978	BÙI THỊ THÙY	LINH	28-Jun-05	60127816	6	6/2			NGÔ QUYỀN	
979	LÊ THANH	PHONG	27-Jan-05	60127822	6	6/2			NGÔ QUYỀN	
980	TRẦN HOÀNG	TÂN	11-Jan-05	60127833	6	6/2			NGÔ QUYỀN	
981	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH	14-Feb-05	60127826	6	6/2			NGÔ QUYỀN	
982	NGUYỄN MỸ	UYÊN	05-Oct-05	60127827	6	6/2			NGÔ QUYỀN	
983	TRẦN ĐỨC	HUY	07-Nov-05	60138360	6	6/2			THCS ÂU LẠC	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
984	NGUYỄN THANH BẢO	NGỌC	06-Apr-05	60138359	6	6/2			THCS ÂU LẠC	
985	NGUYỄN CÔNG QUỐC	BẢO	27-Oct-05	60120472	6	6/20			QUỐC TẾ Á CHÂU	
986	CHU VIỆT	CẨM	04-Aug-05	60120466	6	6/20			QUỐC TẾ Á CHÂU	
987	PHẠM HOÀI KHẢ	DI	07-Jul-05	60120475	6	6/20			QUỐC TẾ Á CHÂU	
988	TRƯƠNG TẤN	DŨNG	17-Jun-05	60120478	6	6/20			QUỐC TẾ Á CHÂU	
989	LÊ THANH	HÀNG	18-Jul-05	60120471	6	6/20			QUỐC TẾ Á CHÂU	
990	VÕ GIA	KHANG	10-Oct-05	60120479	6	6/20			QUỐC TẾ Á CHÂU	
991	ĐỖ LÂM NHẬT	MINH	07-May-05	60120467	6	6/20			QUỐC TẾ Á CHÂU	
992	PHẠM CÁT TƯỜNG	NAM	19-Mar-05	60120474	6	6/20			QUỐC TẾ Á CHÂU	
993	NGUYỄN THƯỜNG CHÂU	NGHI	01-Dec-05	60120473	6	6/20			QUỐC TẾ Á CHÂU	
994	HỒ KHÁNH	NGỌC	04-Nov-05	60120468	6	6/20			QUỐC TẾ Á CHÂU	
995	TRƯƠNG HOÀNG HẠNH	NGUYỄN	31-Jan-05	60120477	6	6/20			QUỐC TẾ Á CHÂU	
996	PHẠM KHÁNH PHƯƠNG	NHIÊN	17-Nov-05	60120476	6	6/20			QUỐC TẾ Á CHÂU	
997	LÊ MINH	THƯ	30-Jan-05	60120470	6	6/20			QUỐC TẾ Á CHÂU	
998	LÊ ANH	TRÍ	01-Mar-05	60120469	6	6/20			QUỐC TẾ Á CHÂU	
999	TRẦN LÊ NGỌC	ÁNH	28-Sep-05	60120493	6	6/21			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1000	PHẠM THÀNH	DANH	23-Dec-05	60120490	6	6/21			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1001	TRẦN	ĐÔN	03-Dec-05	60120491	6	6/21			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1002	LIM NGUYỄN GIA	HÂN	07-Jul-05	60120485	6	6/21			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1003	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	12-Jan-05	60120488	6	6/21			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1004	VŨ ĐẶNG THU	HUYỀN	25-Mar-05	60120496	6	6/21			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1005	NGUYỄN VŨ THIÊN	KHÔI	14-Dec-05	60120489	6	6/21			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1006	TRẦN HỒ HỮU	KIÊN	07-Feb-05	60120492	6	6/21			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1007	TRẦN NGUYỆT	MINH	25-Jun-05	60120494	6	6/21			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1008	NGUYỄN AN	NHIÊN	01-Feb-05	60120487	6	6/21			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1009	LIÊU HUỆ	PHƯƠNG	13-Jan-05	60120486	6	6/21			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1010	DƯƠNG TIẾN	THÀNH	18-May-05	60120482	6	6/21			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1011	LÊ HOÀNG	THỊNH	08-Aug-05	60120484	6	6/21			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1012	HỨA KHÁNH	VY	02-Dec-05	60120483	6	6/21			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1013	PHÙNG THIÊN	AN	3-Feb-05	60120504	6	6/22			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1014	NGUYỄN NGỌC GIA	BẢO	18-Sep-05	60120502	6	6/22			QUỐC TẾ Á CHÂU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1015	HOÀNG HÙNG	HÒA	15-Nov-05	60120500	6	6/22			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1016	VŨ TRẦN LIÊN	HƯƠNG	11-Jan-05	60120506	6	6/22			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1017	NGUYỄN NGỌC VÂN	KHANH	03-Apr-05	60120503	6	6/22			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1018	ĐÌNH THÀNH	NAM	29-Jun-05	60120498	6	6/22			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1019	VÕ PHÚC	QUỲNH	29-May-05	60120505	6	6/22			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1020	LÊ TRẦN BẢO	TRÂN	19-Sep-05	60120501	6	6/22			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1021	ĐỖ VƯƠNG TUYẾT	ANH	21-Oct-05	60120507	6	6/23			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1022	NGÔ KIỀU	ANH	13-Aug-05	60120511	6	6/23			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1023	TRẦN NGỌC	HÀ	19-Sep-05	60120518	6	6/23			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1024	LAO	HẠNH	05-Feb-05	60120509	6	6/23			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1025	VÕ ĐẶNG GIA	HUY	26-Jul-05	60120519	6	6/23			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1026	SEO YONG	JUN	28-Sep-05	60120517	6	6/23			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1027	PHAN VŨ KHÁNH	LINH	28-Jul-05	60120516	6	6/23			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1028	VŨ CÔNG TUẤN	MINH	11-Mar-05	60120521	6	6/23			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1029	NGUYỄN TÀI	NGUYỄN	10-Sep-05	60120513	6	6/23			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1030	PHẠM TÂN	NHIÊN	23-Dec-05	60120515	6	6/23			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1031	VÕ TRỌNG	PHÁT	11-Nov-05	60120520	6	6/23			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1032	HÀ THIÊN	PHÚC	12-Oct-05	60120508	6	6/23			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1033	NGUYỄN CAO HÀ	PHƯƠNG	03-Nov-05	60120512	6	6/23			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1034	LÊ CHI TỬ	VÂN	11-May-05	60120510	6	6/23			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1035	TRẦN NGỌC MAI	ANH	18-Feb-05	60138366	6	6/3			THCS ÂU LẠC	
1036	TRẦN ANH	DUY	28-Sep-16	60138365	6	6/3			THCS ÂU LẠC	
1037	VŨƠNG CHẤN	HÀO	20-Jan-05	60138367	6	6/3			THCS ÂU LẠC	
1038	DƯƠNG MINH	LONG	22-Jan-05	60138362	6	6/3			THCS ÂU LẠC	
1039	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	4-May-05	60138363	6	6/3			THCS ÂU LẠC	
1040	HỒ GIA	HÂN	01-Feb-05	60138566	6	6/4			TRẦN VĂN ĐĂNG	
1041	TRẦN THỊ DIỄM	HƯƠNG	12-Nov-05	60138572	6	6/4			TRẦN VĂN ĐĂNG	
1042	TẠ AN	KHANG	28-Dec-05	60138570	6	6/4			TRẦN VĂN ĐĂNG	
1043	VÕ NGUYỄN TÂN	TÀI	12-Mar-05	60138573	6	6/4			TRẦN VĂN ĐĂNG	
1044	THÁI TRƯỜNG	AN	30-Dec-05	60128439	6	6/5			NGÔ QUYỀN	
1045	NGUYỄN HỒNG	ÂN	30-Mar-05	60128434	6	6/5			NGÔ QUYỀN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1046	TRẦN VĂN NGUYỄN	ĐÔN	26-Sep-05	60128442	6	6/5			NGÔ QUYỀN	
1047	TRƯƠNG QUANG	KHIÊM	11-Dec-05	60128443	6	6/5			NGÔ QUYỀN	
1048	VÕ XUÂN	KIỀU	10-Dec-05	60128445	6	6/5			NGÔ QUYỀN	
1049	NGUYỄN QUỐC PHƯƠNG	NAM	23-Jan-05	60128436	6	6/5			NGÔ QUYỀN	
1050	ĐOÀN NGUYỄN YẾN	NHI	08-Oct-05	60128428	6	6/5			NGÔ QUYỀN	
1051	CHÂU HA	VY	12-Sep-05	60128425	6	6/5			NGÔ QUYỀN	
1052	NGUYỄN HỮU	KHOA	04-Jan-05	60127842	6	6/6			NGÔ QUYỀN	
1053	HUỲNH LÊ BẢO	NGÂN	23-Mar-05	60127839	6	6/6			NGÔ QUYỀN	
1054	LÊ KIỀU	PHƯƠNG	09-Apr-05	60127840	6	6/6			NGÔ QUYỀN	
1055	PHẠM LÝ PHƯƠNG	THẢO	10-Apr-05	60127843	6	6/6			NGÔ QUYỀN	
1056	HUỲNH VĂN	TRỌNG	28-Apr-05	60138686	6	6/6			PHAM NGOC THACH	
1057	NGUYỄN THIÊN	ÂN	06-Jun-05	60127864	6	6/7			NGÔ QUYỀN	
1058	BÙI QUỲNH	ANH	31-Jul-05	60127845	6	6/7			NGÔ QUYỀN	
1059	TRẦN THỂ	BẢO	18-May-05	60127872	6	6/7			NGÔ QUYỀN	
1060	UÔNG THỊ THANH	BÌNH	19-Aug-05	60127878	6	6/7			NGÔ QUYỀN	
1061	TRỊNH QUỐC	CUÔNG	26-Dec-05	60127876	6	6/7			NGÔ QUYỀN	
1062	NGUYỄN TUẤN	ĐẠT	26-Oct-05	60127865	6	6/7			NGÔ QUYỀN	
1063	PHẠM NGỌC	HÂN	20-Mar-05	60127866	6	6/7			NGÔ QUYỀN	
1064	VÕ ĐỨC MINH	HIỂN	25-Aug-05	60127879	6	6/7			NGÔ QUYỀN	
1065	QUÁCH THỦY KIM	HỒNG	13-Apr-05	60127867	6	6/7			NGÔ QUYỀN	
1066	TRƯƠNG QUỐC	HUNG	17-Jun-05	60127877	6	6/7			NGÔ QUYỀN	
1067	NGUYỄN BÙI MINH	KHÔI	01-Mar-05	60127853	6	6/7			NGÔ QUYỀN	
1068	VŨ NGỌC MINH	KHUÊ	15-Sep-05	60127883	6	6/7			NGÔ QUYỀN	
1069	NGUYỄN ANH	KIỆT	16-Dec-05	60127852	6	6/7			NGÔ QUYỀN	
1070	VŨ NGỌC	LINH	28-Dec-05	60127881	6	6/7			NGÔ QUYỀN	
1071	NGUYỄN HOÀNG	LỘC	31-Dec-05	60127856	6	6/7			NGÔ QUYỀN	
1072	TRẦN NGUYỄN YẾN	NGÂN	13-May-05	60127871	6	6/7			NGÔ QUYỀN	
1073	NGUYỄN MINH	NGỌC	07-Aug-05	60127857	6	6/7			NGÔ QUYỀN	
1074	VŨ THÀNH	PHÁT	03-Aug-05	60127884	6	6/7			NGÔ QUYỀN	
1075	HUỲNH ĐOÀN YẾN	PHƯƠNG	09-Oct-05	60127848	6	6/7			NGÔ QUYỀN	
1076	NGUYỄN NAM	PHƯƠNG	10-Jul-05	60127859	6	6/7			NGÔ QUYỀN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1077	ĐÀO ANH	QUÂN	15-Jul-05	60127846	6	6/7			NGÔ QUYỀN	
1078	HOÀNG THỊ MỸ	TÂM	22-Jan-05	60127847	6	6/7			NGÔ QUYỀN	
1079	NGUYỄN PHÙNG ANH	THƯ	23-Jun-05	60127860	6	6/7			NGÔ QUYỀN	
1080	VŨ NGỌC ANH	THƯ	14-Apr-05	60127882	6	6/7			NGÔ QUYỀN	
1081	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	03-Nov-05	60127873	6	6/7			NGÔ QUYỀN	
1082	TRẦN HUỲNH MỸ	TÚ	07-Mar-05	60127870	6	6/7			NGÔ QUYỀN	
1083	TÓNG VĂN QUANG	VINH	03-Oct-05	60127869	6	6/7			NGÔ QUYỀN	
1084	NGUYỄN THỊ YẾN	VY	01-Oct-05	60127863	6	6/7			NGÔ QUYỀN	
1085	HUỲNH PHÚ NHƯ	Ý	13-Dec-05	60127849	6	6/7			NGÔ QUYỀN	
1086	PHAN	ANH	10-Jul-05	60127919	6	6/8			NGÔ QUYỀN	
1087	VÕ THỊ VÂN	ANH	02-Nov-05	60127924	6	6/8			NGÔ QUYỀN	
1088	NGUYỄN TRẦN GIA	BẢO	22-Mar-05	60127913	6	6/8			NGÔ QUYỀN	
1089	PHẠM HOÀNG	BẢO	12-Mar-05	60127916	6	6/8			NGÔ QUYỀN	
1090	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	27-Jan-05	60127904	6	6/8			NGÔ QUYỀN	
1091	NGUYỄN ĐẮC	ĐẠT	08-Oct-05	60127898	6	6/8			NGÔ QUYỀN	
1092	NGUYỄN VIỆT	HÀ	29-May-05	60127915	6	6/8			NGÔ QUYỀN	
1093	NGUYỄN HUỲNH MINH	HIẾU	11-Sep-05	60127901	6	6/8			NGÔ QUYỀN	
1094	VŨ HUỲNH QUỐC	HÙNG	03-Sep-05	60127925	6	6/8			NGÔ QUYỀN	
1095	NGUYỄN HUỲNH QUỐC	HƯƠNG	11-Oct-05	60127902	6	6/8			NGÔ QUYỀN	
1096	NGUYỄN NHẬT	HUY	14-Dec-05	60127905	6	6/8			NGÔ QUYỀN	
1097	NGUYỄN NHẬT	KHÔI	14-Dec-05	60127906	6	6/8			NGÔ QUYỀN	
1098	DƯƠNG GIA	LONG	12-Dec-05	60127890	6	6/8			NGÔ QUYỀN	
1099	ĐỖ LÂM HOÀNG	MY	28-Jul-05	60127889	6	6/8			NGÔ QUYỀN	
1100	CHÂU TRẦN PHƯƠNG	NGHI	20-Oct-05	60127885	6	6/8			NGÔ QUYỀN	
1101	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	10-Mar-05	60127910	6	6/8			NGÔ QUYỀN	
1102	TRẦN XUÂN	PHÚ	19-Jul-05	60127923	6	6/8			NGÔ QUYỀN	
1103	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	26-Feb-05	60127911	6	6/8			NGÔ QUYỀN	
1104	LÊ LƯƠNG NGỌC	QUÝ	08-Sep-05	60127894	6	6/8			NGÔ QUYỀN	
1105	HUỲNH TÔ QUANG	THẮNG	04-Aug-05	60127892	6	6/8			NGÔ QUYỀN	
1106	NGUYỄN TRẦN ĐÌNH	THANH	20-Nov-05	60127912	6	6/8			NGÔ QUYỀN	
1107	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	02-Feb-05	60127918	6	6/8			NGÔ QUYỀN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1108	HÀ LÊ ANH	THU'	4-Nov-05	60127891	6	6/8			NGÔ QUYỀN	
1109	PHAN NGỌC BẢO	TRÂM	02-Aug-05	60127920	6	6/8			NGÔ QUYỀN	
1110	NGUYỄN TĂNG	TRUNG	06-Jan-05	60127908	6	6/8			NGÔ QUYỀN	
1111	PHẠM MINH	TUẤN	10-Apr-05	60127917	6	6/8			NGÔ QUYỀN	
1112	NGUYỄN MAI	UYÊN	29-Dec-05	60127903	6	6/8			NGÔ QUYỀN	
1113	ĐÌNH NGỌC	VƯƠNG	16-Jan-05	60127886	6	6/8			NGÔ QUYỀN	
1114	CAO LÊ ANH	BẰNG	06-Aug-05	60138688	6	6/8			PHAM NGOC THACH	
1115	PHAN DUY	KIÊN	16-Nov-05	60138695	6	6/8			PHAM NGOC THACH	
1116	NGUYỄN TẤN	LỘC	29-Mar-05	60138693	6	6/8			PHAM NGOC THACH	
1117	LÊ HỒ NGỌC	THIÊN	25-Apr-05	60138691	6	6/8			PHAM NGOC THACH	
1118	PHẠM NGỌC	VÂN	04-Jan-05	60138694	6	6/8			PHAM NGOC THACH	
1119	NGUYỄN TRẦN KHÁNH	AN	17-May-05	60128472	6	6/9			NGÔ QUYỀN	
1120	NGUYỄN TUẤN	ANH	22-Jul-05	60128473	6	6/9			NGÔ QUYỀN	
1121	PHAN XUÂN	BẢO	10-Dec-05	60128480	6	6/9			NGÔ QUYỀN	
1122	NGUYỄN HOÀNG LINH	CHI	05-Dec-05	60128466	6	6/9			NGÔ QUYỀN	
1123	ĐỖ THÀNH	ĐẠT	01-Jul-05	60128451	6	6/9			NGÔ QUYỀN	
1124	NGUYỄN VŨ ĐỨC	DUY	10-Aug-05	60128475	6	6/9			NGÔ QUYỀN	
1125	LÊ THỊ MỸ	HẠNH	09-Jun-05	60128458	6	6/9			NGÔ QUYỀN	
1126	NGUYỄN DUY	HOÀNG	22-Apr-05	60128465	6	6/9			NGÔ QUYỀN	
1127	TRỊNH VŨ MINH	HUY	01-Apr-05	60128487	6	6/9			NGÔ QUYỀN	
1128	NGUYỄN TUẤN	KHẢI	03-Feb-05	60128474	6	6/9			NGÔ QUYỀN	
1129	NGUYỄN NGÔ QUỲNH	KHANH	09-Jun-05	60128469	6	6/9			NGÔ QUYỀN	
1130	DƯƠNG ĐĂNG	KHOA	07-Oct-05	60128452	6	6/9			NGÔ QUYỀN	
1131	ĐÌNH THẾ	KIÊN	04-Aug-05	60128449	6	6/9			NGÔ QUYỀN	
1132	NGÔ THỊ HOÀNG	KIM	15-Jan-05	60128462	6	6/9			NGÔ QUYỀN	
1133	VŨ HOÀNG	LONG	23-Mar-05	60128489	6	6/9			NGÔ QUYỀN	
1134	NGUYỄN VŨ NHẬT	MINH	06-Jun-05	60128476	6	6/9			NGÔ QUYỀN	
1135	PHẠM BẢO	NGỌC	27-Jan-05	60128477	6	6/9			NGÔ QUYỀN	
1136	HUỲNH NGỌC ANH	NHU'	10-Aug-05	60128456	6	6/9			NGÔ QUYỀN	
1137	DƯƠNG HUNG	PHÁT	30-May-05	60128453	6	6/9			NGÔ QUYỀN	
1138	TRẦN HỒNG	PHƯỚC	26-Dec-05	60128483	6	6/9			NGÔ QUYỀN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1139	NGUYỄN THỊ THU	PHƯƠNG	23-Oct-05	60128471	6	6/9			NGÔ QUYỀN	
1140	LÊ VĂN	QUANG	18-Feb-05	60128459	6	6/9			NGÔ QUYỀN	
1141	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	09-Mar-05	60128470	6	6/9			NGÔ QUYỀN	
1142	NGUYỄN CÔNG	THÀNH	13-Feb-05	60128464	6	6/9			NGÔ QUYỀN	
1143	NGUYỄN HUỲNH NGỌC	TRÂM	17-Jun-05	60128468	6	6/9			NGÔ QUYỀN	
1144	PHÙNG ĐỨC ANH	TUẤN	22-Aug-05	60128481	6	6/9			NGÔ QUYỀN	
1145	VÔ CHÂU THÁI	UYÊN	28-Jan-05	60128488	6	6/9			NGÔ QUYỀN	
1146	VƯƠNG THANH	VY	29-Jul-05	60128490	6	6/9			NGÔ QUYỀN	
1147	VÕ ANH	DUY	18-Feb-05	60138375	6	6/9			THCS ÂU LẠC	
1148	TRẦN LÊ KHÁNH	HÂN	26-Dec-05	60138373	6	6/9			THCS ÂU LẠC	
1149	NGUYỄN NGỌC	TRANG	21-Apr-05	60138370	6	6/9			THCS ÂU LẠC	
1150	HOÀNG LÊ HẢI	YẾN	19-Dec-05	60138368	6	6/9			THCS ÂU LẠC	
1151	TRẦN NGUYỄN CÔNG	DANH	22-Aug-05	60140146	6	6/9			THCS TÂN BÌNH	
1152	CAO GIA	PHÚ	06-Jan-05	60140143	6	6/9			THCS TÂN BÌNH	
1153	PHẠM QUỲNH	HƯƠNG	15-Dec-05	60139392	6	6/9			TRƯỜNG CHINH	
1154	NGUYỄN THANH	KHÔI	22-Apr-05	60139391	6	6/9			TRƯỜNG CHINH	
1155	LÊ KHẮC	KIÊN	09-Nov-05	60139389	6	6/9			TRƯỜNG CHINH	
1156	VŨ MẠNH VƯƠNG	THIÊN	21-May-05	60139395	6	6/9			TRƯỜNG CHINH	
1157	HUỲNH VIỆT	THY	20-Jan-05	60139387	6	6/9			TRƯỜNG CHINH	
1158	PHẠM TRỌNG ANH	TÚ	25-Nov-05	60139393	6	6/9			TRƯỜNG CHINH	
1159	BÙI THÀNH	ĐẠT	14-Mar-05	60127212	6	6A1			HOÀNG HOA THÁM	
1160	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	25-Jan-05	60127221	6	6A1			HOÀNG HOA THÁM	
1161	NGÔ KIM NHẬT	MINH	29-May-05	60127219	6	6A1			HOÀNG HOA THÁM	
1162	LÊ THỊ NI	NI	17-Mar-05	60127218	6	6A1			HOÀNG HOA THÁM	
1163	PHAN TẤN	PHÁT	29-Aug-05	60127228	6	6A1			HOÀNG HOA THÁM	
1164	TRẦN NGỌC	THÀNH	25-Jun-05	60127229	6	6A1			HOÀNG HOA THÁM	
1165	NGUYỄN THU	THẢO	20-Apr-05	60127224	6	6A1			HOÀNG HOA THÁM	
1166	NGUYỄN MINH	THƯ	22-Aug-05	60127222	6	6A1			HOÀNG HOA THÁM	
1167	PHẠM THỊ THU	TRANG	24-Feb-05	60127227	6	6A1			HOÀNG HOA THÁM	
1168	ĐỖ BÍCH	UYÊN	07-Jun-05	60127213	6	6A1			HOÀNG HOA THÁM	
1169	HỒ MINH	ANH	20-Sep-05	60138073	6	6a1			NGÔ SĨ LIÊN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1170	LÊ VŨ ĐỨC	ANH	10-Mar-05	60138078	6	6a1			NGÔ SĨ LIÊN	
1171	ĐOÀN NGÔ MINH	CHÂU	18-Feb-05	60138071	6	6a1			NGÔ SĨ LIÊN	
1172	BÙI HỮU NGỌC	ĐỨC	20-Jan-05	60138068	6	6a1			NGÔ SĨ LIÊN	
1173	HÀ SONG	HƯƠNG	21-Nov-05	60138072	6	6a1			NGÔ SĨ LIÊN	
1174	LÊ MINH	KHÔI	26-Mar-05	60138075	6	6a1			NGÔ SĨ LIÊN	
1175	PHAN NHẬT	NAM	15-Mar-05	60138084	6	6a1			NGÔ SĨ LIÊN	
1176	BÙI BẢO	NGÂN	05-Nov-05	60138067	6	6a1			NGÔ SĨ LIÊN	
1177	PHAN THỊ MINH	NGỌC	13-Feb-05	60138086	6	6a1			NGÔ SĨ LIÊN	
1178	PHAN THANH THẢO	NGUYỄN	04-Jan-05	60138085	6	6a1			NGÔ SĨ LIÊN	
1179	LÊ NGỌC TÚ	NHƯ	22-Aug-05	60138076	6	6a1			NGÔ SĨ LIÊN	
1180	BÙI TRÍ	NHUẬN	10-Sep-05	60138069	6	6a1			NGÔ SĨ LIÊN	
1181	NGUYỄN VĂN BẢO	PHÚC	26-Aug-05	60138082	6	6a1			NGÔ SĨ LIÊN	
1182	VÕ PHẠM HỒNG	PHÚC	21-Oct-05	60138089	6	6a1			NGÔ SĨ LIÊN	
1183	TRỊNH MINH	QUANG	12-Aug-05	60138087	6	6a1			NGÔ SĨ LIÊN	
1184	LA HOÀNG THIÊN	TÂM	8-Oct-05	60138074	6	6a1			NGÔ SĨ LIÊN	
1185	NGUYỄN THỊ KIỀU	THANH	28-Feb-05	60138081	6	6a1			NGÔ SĨ LIÊN	
1186	LÊ PHƯỚC MINH	THIỆN	24-Apr-05	60138077	6	6a1			NGÔ SĨ LIÊN	
1187	NGUYỄN HOÀNG BẢO	TRÂN	13-Jun-05	60138079	6	6a1			NGÔ SĨ LIÊN	
1188	ĐẶNG TƯỜNG	VÂN	14-Oct-05	60138070	6	6a1			NGÔ SĨ LIÊN	
1189	PHẠM TẤN GIA	KHANG	04-Jul-05	60139793	6	6A1			NGUYỄN GIA THIỀU	
1190	HỒ NGỌC GIA	KHÁNH	28-Jun-05	60139785	6	6A1			NGUYỄN GIA THIỀU	
1191	LÊ MAI BẢO	KHÁNH	09-Jul-05	60139787	6	6A1			NGUYỄN GIA THIỀU	
1192	NGUYỄN LÊ ĐĂNG	KHOA	15-Oct-05	60139790	6	6A1			NGUYỄN GIA THIỀU	
1193	HOÀNG MINH	ANH	02-May-05	60138380	6	6A1			THCS ÂU LẠC	
1194	VÕ NGUYỄN ĐÌNH	BẢO	25-Jun-05	60138385	6	6A1			THCS ÂU LẠC	
1195	NGUYỄN NHẬT	HIẾU	26-Jul-05	60138382	6	6A1			THCS ÂU LẠC	
1196	ĐỖ THỊ THỦY	TIÊN	19-Mar-04	60138379	6	6A1			THCS ÂU LẠC	
1197	MẠC NGUYỄN THIÊN	AN	03-Jun-05	60139408	6	6a1			TRƯỜNG CHÍNH	
1198	LÂM VÕ LAN	CHI	26-Jan-05	60139402	6	6a1			TRƯỜNG CHÍNH	
1199	VŨ HOÀNG	DUNG	20-Oct-05	60139427	6	6a1			TRƯỜNG CHÍNH	
1200	PHẠM NHẬT	DƯƠNG	15-Mar-05	60139420	6	6a1			TRƯỜNG CHÍNH	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1201	NGUYỄN QUỲNH	GIANG	13-Mar-05	60139414	6	6a1			TRƯỜNG CHINH	
1202	NGUYỄN LƯU THẢO	HƯƠNG	23-Aug-05	60139411	6	6a1			TRƯỜNG CHINH	
1203	TRỊNH QUANG	HUY	05-Jun-05	60139426	6	6a1			TRƯỜNG CHINH	
1204	NGUYỄN TRÍ ANH	KHOA	21-Jan-05	60139416	6	6a1			TRƯỜNG CHINH	
1205	HOÀNG CÔNG	LÝ	04-Nov-05	60139400	6	6a1			TRƯỜNG CHINH	
1206	PHẠM BẢO	NGỌC	25-Jun-05	60139418	6	6a1			TRƯỜNG CHINH	
1207	LÊ NGUYỄN GIA	NGUYỄN	18-Oct-05	60139404	6	6a1			TRƯỜNG CHINH	
1208	CHÂU NGỌC THẢO	NHI	28-Aug-05	60139397	6	6a1			TRƯỜNG CHINH	
1209	NGÔ PHƯƠNG	NHI	26-Nov-05	60139409	6	6a1			TRƯỜNG CHINH	
1210	NGUYỄN TẤN	PHƯỚC	12-Oct-05	60139415	6	6a1			TRƯỜNG CHINH	
1211	TRỊNH LÊ MỸ	QUYÊN	31-May-05	60139425	6	6a1			TRƯỜNG CHINH	
1212	VŨ MINH	TÂM	13-Jun-05	60139428	6	6a1			TRƯỜNG CHINH	
1213	TRẦN THANH	THANH	30-Apr-05	60139423	6	6a1			TRƯỜNG CHINH	
1214	THÂN NGỌC THIÊN	THẢO	04-Jan-05	60139421	6	6a1			TRƯỜNG CHINH	
1215	NGUYỄN TRỌNG NHÂN	THỊNH	17-Feb-05	60139417	6	6a1			TRƯỜNG CHINH	
1216	ĐẶNG MINH	THƯ	12-Sep-05	60139398	6	6a1			TRƯỜNG CHINH	
1217	NGUYỄN NGỌC MINH	THƯ	24-Nov-05	60139412	6	6a1			TRƯỜNG CHINH	
1218	TRẦN LÂM MINH	THƯ	15-Nov-05	60139422	6	6a1			TRƯỜNG CHINH	
1219	HUỲNH BẢO	ÂN	03-Nov-05	60127237	6	6A10			HOÀNG HOA THÁM	
1220	ĐỖ NGUYỄN QUỲNH	ANH	23-Jan-05	60127233	6	6A10			HOÀNG HOA THÁM	
1221	ĐÌNH TRẦN NGỌC	DIỆP	10-Dec-05	60127232	6	6A10			HOÀNG HOA THÁM	
1222	DƯƠNG HOÀNG	HUY	03-Apr-05	60127234	6	6A10			HOÀNG HOA THÁM	
1223	HOÀNG THỊ NGỌC	TRANG	29-Jan-05	60127236	6	6A10			HOÀNG HOA THÁM	
1224	LÊ VĂN ANH	TUẤN	26-Jun-05	60127238	6	6A10			HOÀNG HOA THÁM	
1225	HÀ HỒNG	ANH	23-Jul-05	60138091	6	6A10			NGÔ SĨ LIÊN	
1226	NGUYỄN HOÀNG NHẬT	ANH	10-Mar-05	60138096	6	6A10			NGÔ SĨ LIÊN	
1227	TRẦN PHÚC	ĐIỀN	15-Jan-05	60138101	6	6A10			NGÔ SĨ LIÊN	
1228	HUỲNH LÂM ĐĂNG	KHOA	13-Apr-05	60138092	6	6A10			NGÔ SĨ LIÊN	
1229	VĨNH PHẠM KHÁNH	NGỌC	28-Nov-05	60138102	6	6A10			NGÔ SĨ LIÊN	
1230	VŨ LÊ YẾN	NGỌC	05-Jan-05	60138103	6	6A10			NGÔ SĨ LIÊN	
1231	PHẠM VŨ THIÊN	AN	06-May-05	60139802	6	6A10			NGUYỄN GIA THIỀU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1232	TRẦN THIÊNG	ÂN	25-May-05	60139805	6	6A10			NGUYỄN GIA THIỀU	
1233	ĐOÀN NGỌC HẢI	ĐĂNG	18-Oct-05	60139796	6	6A10			NGUYỄN GIA THIỀU	
1234	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	19-Oct-05	60139801	6	6A10			NGUYỄN GIA THIỀU	
1235	CHANG BÙI BỘI	NHU'	10-May-05	60139794	6	6A10			NGUYỄN GIA THIỀU	
1236	NGUYỄN KHẮC NGỌC	QUYÊN	11-Mar-05	60139799	6	6A10			NGUYỄN GIA THIỀU	
1237	BÙI HOÀNG KHÁNH	LINH	18-Oct-05	60139430	6	6A10			TRƯỜNG CHINH	
1238	VŨ NGUYỄN	BÌNH	29-Oct-05	60127272	6	6A11			HOÀNG HOA THÁM	
1239	NGÔ QUỐC	ĐẠT	15-Jul-05	60127253	6	6A11			HOÀNG HOA THÁM	
1240	PHAN QUỐC	DŨNG	11-Mar-05	60127268	6	6A11			HOÀNG HOA THÁM	
1241	HUỲNH VŨ NGỌC	HÂN	28-Aug-05	60127251	6	6A11			HOÀNG HOA THÁM	
1242	ĐỖ THANH	HUY	18-Dec-04	60127245	6	6A11			HOÀNG HOA THÁM	
1243	NGUYỄN THÀNH QUỐC	KỶ	06-Aug-05	60127261	6	6A11			HOÀNG HOA THÁM	
1244	NGUYỄN TRUNG	THÀNH	15-Dec-05	60127263	6	6A11			HOÀNG HOA THÁM	
1245	BÙI THỊ HÀ	TIÊN	17-May-05	60127244	6	6A11			HOÀNG HOA THÁM	
1246	DƯƠNG HOÀNG	TRINH	11-Nov-05	60127246	6	6A11			HOÀNG HOA THÁM	
1247	TRẦN LÊ ĐĂNG	DŨNG	04-Jul-05	60138107	6	6A11			NGÔ SĨ LIÊN	
1248	LÊ MINH	KHOA	29-Oct-05	60138105	6	6A11			NGÔ SĨ LIÊN	
1249	NGUYỄN ÁNH	NGỌC	30-Apr-05	60138865	6	6A11			NGÔ SĨ LIÊN	
1250	NGUYỄN THẢO	NGUYỄN	19-May-05	60138867	6	6A11			NGÔ SĨ LIÊN	
1251	ĐỖ THỊ THẢO	DUNG	09-Dec-05	60127273	6	6A12			HOÀNG HOA THÁM	
1252	HOÀNG ANH	QUÂN	22-Oct-05	60127274	6	6A12			HOÀNG HOA THÁM	
1253	LÊ HOÀNG	ANH	23-Apr-05	60138114	6	6a12			NGÔ SĨ LIÊN	
1254	TRẦN QUỐC	BẢO	23-Jan-05	60138120	6	6a12			NGÔ SĨ LIÊN	
1255	HÀ KIM	CHI	03-Apr-05	60138111	6	6a12			NGÔ SĨ LIÊN	
1256	NGUYỄN NGỌC THANH	HẰNG	25-Jun-05	60138116	6	6a12			NGÔ SĨ LIÊN	
1257	PHẠM LÊ MINH	KHÔI	15-Mar-05	60138119	6	6a12			NGÔ SĨ LIÊN	
1258	BÙI NGỌC VÂN	NHI	22-Nov-05	60138109	6	6a12			NGÔ SĨ LIÊN	
1259	LÊ ĐĂNG THỤY	NHI	28-Mar-05	60138113	6	6a12			NGÔ SĨ LIÊN	
1260	LÊ ANH	TUẤN	16-Dec-05	60138112	6	6a12			NGÔ SĨ LIÊN	
1261	DƯƠNG THỊ BẢO	TRÂN	18-Sep-05	60127275	6	6A13			HOÀNG HOA THÁM	
1262	NGUYỄN PHẠM THANH	TRÚC	29-Jul-05	60127276	6	6A13			HOÀNG HOA THÁM	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1263	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	06-Jun-05	60138129	6	6a13			NGÔ SĨ LIÊN	
1264	KHÔNG PHAN MINH	KHÔI	14-Oct-05	60138126	6	6a13			NGÔ SĨ LIÊN	
1265	ĐÀO LƯU HIẾU	NGÂN	28-Oct-05	60138123	6	6a13			NGÔ SĨ LIÊN	
1266	ĐẶNG PHẠM NHÃ	QUYÊN	25-Aug-05	60138122	6	6a13			NGÔ SĨ LIÊN	
1267	TRẦN PHẠM ANH	VŨ	5-Jan-05	60138137	6	6A13			NGÔ SĨ LIÊN	
1268	NGUYỄN BẢO GIA	LINH	11-Oct-05	60139436	6	6A13			TRƯỜNG CHINH	
1269	NGUYỄN THẢO	NGUYỄN	26-Jul-05	60139438	6	6A13			TRƯỜNG CHINH	
1270	BÙI ĐẶNG PHƯƠNG	TRÂN	30-Mar-05	60139434	6	6A13			TRƯỜNG CHINH	
1271	NGÔ THỊ NGỌC	NGA	11-Jun-05	60127278	6	6A14			HOÀNG HOA THÁM	
1272	HỒ NGUYỄN MINH	HUY	07-Jul-05	60127281	6	6A17			HOÀNG HOA THÁM	
1273	NGUYỄN MINH	KHÔI	01-May-05	60127282	6	6A17			HOÀNG HOA THÁM	
1274	TRẦN QUỐC	TUẤN	05-Dec-05	60127285	6	6A18			HOÀNG HOA THÁM	
1275	BÙ NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	20-Jun-05	60127287	6	6A2			HOÀNG HOA THÁM	
1276	LÊ NGUYỄN QUỲNH	ANH	24-Feb-05	60138149	6	6A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1277	NGUYỄN ĐỖ PHƯƠNG	ANH	10-Nov-05	60138155	6	6A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1278	NGUYỄN MINH	ANH	30-Apr-05	60138156	6	6A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1279	TRẦN KHÁNH	HÀ	10-Feb-05	60138169	6	6A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1280	TRẦN ANH MINH	HƯƠNG	13-Aug-05	60138167	6	6A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1281	PHAN THANH	KHANG	23-May-05	60138163	6	6A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1282	VŨ MINH	KHANG	01-Jan-05	60138171	6	6A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1283	LƯƠNG QUỐC	KHÁNH	14-Sep-05	60138151	6	6A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1284	BÙI DUY	KHIÊM	08-Jun-05	60138140	6	6A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1285	TRẦN ĐĂNG	KHOA	5-Nov-05	60138168	6	6A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1286	HOÀNG KIM	KHÔI	12-Apr-05	60138147	6	6A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1287	NGUYỄN TRẦN THY	KHUÊ	30-Aug-05	60138161	6	6A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1288	MAI NGUYỄN PHÚC	MINH	17-May-05	60138152	6	6A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1289	NGUYỄN NGỌC THẢO	NGHI	23-Jul-05	60138158	6	6A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1290	TẠ VŨ HỒNG	PHÚC	06-Feb-05	60138166	6	6A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1291	PHAN VŨ THANH	THẢO	22-Jan-05	60138165	6	6A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1292	ĐINH PHẠM HOÀI	TRANG	15-Feb-05	60138141	6	6A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1293	NGUYỄN MINH	TRIẾT	10-May-05	60138157	6	6A2			NGÔ SĨ LIÊN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1294	ĐOÀN THUY TƯỜNG	VY	19-Dec-05	60138145	6	6A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1295	TRỊNH NGÔ MAI	THY	14-Jun-05	60139814	6	6A2			NGUYỄN GIA THIỀU	
1296	NGUYỄN HỒNG KHÁNH	VY	24-Oct-05	60139810	6	6A2			NGUYỄN GIA THIỀU	
1297	DƯƠNG PHƯƠNG	ANH	25-Feb-05	60139444	6	6a2			TRƯỜNG CHINH	
1298	LÊ PHƯƠNG	ANH	26-Jul-05	60139450	6	6a2			TRƯỜNG CHINH	
1299	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	15-Jan-05	60139456	6	6a2			TRƯỜNG CHINH	
1300	PHẠM HUỲNH NGỌC	CHÂU	26-Nov-05	60139457	6	6a2			TRƯỜNG CHINH	
1301	NGUYỄN MINH	ĐỨC	20-Oct-05	60139453	6	6a2			TRƯỜNG CHINH	
1302	TRẦN LÊ PHƯƠNG	LAN	20-Nov-05	60139460	6	6a2			TRƯỜNG CHINH	
1303	TRƯƠNG HOÀNG KHÁNH	LINH	24-Dec-05	60139462	6	6a2			TRƯỜNG CHINH	
1304	BÙI MINH	LONG	01-May-05	60139440	6	6a2			TRƯỜNG CHINH	
1305	LÊ NGUYỄN HẢI	MY	15-Dec-05	60139449	6	6a2			TRƯỜNG CHINH	
1306	TRẦN VÕ MAI	NGHI	19-Jan-05	60139461	6	6a2			TRƯỜNG CHINH	
1307	ĐỖ HỒNG	NHUNG	01-Mar-05	60139441	6	6a2			TRƯỜNG CHINH	
1308	LÊ MINH	QUANG	26-Sep-05	60139447	6	6a2			TRƯỜNG CHINH	
1309	HUỲNH HOÀNG KHÁNH	TÂM	14-Dec-05	60139445	6	6a2			TRƯỜNG CHINH	
1310	DƯƠNG NGUYỄN SONG	THÚ	14-Apr-05	60139443	6	6a2			TRƯỜNG CHINH	
1311	NGUYỄN THỊ MINH	THÚ	07-Jul-05	60139455	6	6a2			TRƯỜNG CHINH	
1312	VŨ NGỌC	TIẾN	22-Apr-05	60139463	6	6a2			TRƯỜNG CHINH	
1313	ĐỖ QUANG	TUẤN	17-Apr-05	60139442	6	6a2			TRƯỜNG CHINH	
1314	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	VY	08-Jan-05	60139454	6	6a2			TRƯỜNG CHINH	
1315	TRẦN HOÀI THIÊN	ÂN	17-Feb-05	60127311	6	6A3			HOÀNG HOA THÁM	
1316	NGUYỄN HỒNG	ÁNH	30-Aug-05	60127302	6	6A3			HOÀNG HOA THÁM	
1317	NGÔ PHI	BẢO	23-Jun-05	60127300	6	6A3			HOÀNG HOA THÁM	
1318	LIÊU NGỌC	BÍCH	24-Sep-05	60127299	6	6A3			HOÀNG HOA THÁM	
1319	TRẦN MINH	ĐĂNG	19-May-05	60127312	6	6A3			HOÀNG HOA THÁM	
1320	ĐỖ HOÀNG HƯƠNG	GIANG	01-Dec-05	60127294	6	6A3			HOÀNG HOA THÁM	
1321	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	11-Mar-05	60127303	6	6A3			HOÀNG HOA THÁM	
1322	PHAN MINH	HUY	18-Nov-05	60127310	6	6A3			HOÀNG HOA THÁM	
1323	NGUYỄN DUY	KHÁNH	22-Dec-05	60127301	6	6A3			HOÀNG HOA THÁM	
1324	NGUYỄN XUÂN	KHÔI	30-Dec-05	60127309	6	6A3			HOÀNG HOA THÁM	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1325	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	LINH	15-Jan-05	60127305	6	6A3			HOÀNG HOA THÁM	
1326	VŨ LÊ ĐỨC	MINH	06-Sep-05	60127314	6	6A3			HOÀNG HOA THÁM	
1327	TRẦN NGỌC BÍCH	NGÂN	10-Jul-05	60127313	6	6A3			HOÀNG HOA THÁM	
1328	LÊ NGUYỄN THẢO	NHI	15-Apr-05	60127298	6	6A3			HOÀNG HOA THÁM	
1329	NGUYỄN LÊ BẢO	NHI	04-Nov-05	60127304	6	6A3			HOÀNG HOA THÁM	
1330	HOÀNG MỸ	TÂM	18-Nov-05	60127295	6	6A3			HOÀNG HOA THÁM	
1331	VŨ NGỌC	TRÂM	07-Oct-05	60127315	6	6A3			HOÀNG HOA THÁM	
1332	CAO THUỶ PHƯƠNG	UYÊN	05-Feb-05	60127293	6	6A3			HOÀNG HOA THÁM	
1333	HOÀNG MINH	ĐĂNG	15-Oct-05	60138175	6	6a3			NGÔ SĨ LIÊN	
1334	HÀ NGUYỄN TÙNG	DƯƠNG	29-May-05	60138174	6	6a3			NGÔ SĨ LIÊN	
1335	NGÔ BÙI ANH	DUY	14-Feb-05	60138179	6	6a3			NGÔ SĨ LIÊN	
1336	ĐINH NGUYỄN NGUYỆT	HÀ	14-Aug-05	60138173	6	6a3			NGÔ SĨ LIÊN	
1337	LƯƠNG NGỌC	HUY	19-Mar-05	60138177	6	6a3			NGÔ SĨ LIÊN	
1338	NGUYỄN MINH	TÂM	29-Apr-05	60138182	6	6a3			NGÔ SĨ LIÊN	
1339	NGÔ HOÀNG NHÃ	UYÊN	08-Jan-05	60138180	6	6a3			NGÔ SĨ LIÊN	
1340	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	18-Jul-05	60138395	6	6A3			THCS ÂU LẠC	
1341	NÔNG HOÀNG	HƯƠNG	27-Sep-05	60138393	6	6A3			THCS ÂU LẠC	
1342	NGUYỄN NGỌC THẢO	MY	13-Sep-05	60138390	6	6A3			THCS ÂU LẠC	
1343	PHẠM NHƯ	NGỌC	11-Jun-05	60138394	6	6A3			THCS ÂU LẠC	
1344	NGUYỄN HOÀNG	QUÂN	28-Feb-05	60138387	6	6A3			THCS ÂU LẠC	
1345	NGUYỄN NGỌC CÁT	TUỜNG	03-Feb-05	60138389	6	6A3			THCS ÂU LẠC	
1346	NGUYỄN HOÀNG ANH	NGỌC	13-Sep-05	60139467	6	6A3			TRƯỜNG CHINH	
1347	NGÔ ĐỨC	AN	08-Sep-05	60127325	6	6A4			HOÀNG HOA THÁM	
1348	HOÀNG KHẢ	ÂN	18-Jun-05	60127320	6	6A4			HOÀNG HOA THÁM	
1349	NGUYỄN THÁI	ÂN	31-Jan-05	60127329	6	6A4			HOÀNG HOA THÁM	
1350	TỔNG HOÀNG	ANH	14-May-05	60127338	6	6A4			HOÀNG HOA THÁM	
1351	ĐẶNG GIA	BẢO	14-Feb-04	60127318	6	6A4			HOÀNG HOA THÁM	
1352	ĐỖ VĂN	BÌNH	28-Mar-05	60127319	6	6A4			HOÀNG HOA THÁM	
1353	BÙI LÊ	ĐÌNH	09-Mar-05	60127316	6	6A4			HOÀNG HOA THÁM	
1354	HOÀNG VÂN	HẰNG	07-Jan-05	60127321	6	6A4			HOÀNG HOA THÁM	
1355	PHẠM QUANG	HIỂN	12-Oct-05	60127334	6	6A4			HOÀNG HOA THÁM	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1356	TRẦN ĐÀO PHƯƠNG	HỒNG	13-Nov-05	60127339	6	6A4			HOÀNG HOA THÁM	
1357	NGUYỄN TRỊNH MINH	HƯƠNG	23-Dec-05	60127331	6	6A4			HOÀNG HOA THÁM	
1358	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	KHANG	06-Aug-05	60127333	6	6A4			HOÀNG HOA THÁM	
1359	NGUYỄN ANH	KHOA	05-Nov-05	60127326	6	6A4			HOÀNG HOA THÁM	
1360	NGUYỄN LÊ ANH	KỶ	13-Jul-05	60127327	6	6A4			HOÀNG HOA THÁM	
1361	NGUYỄN THUỶ	LINH	12-Apr-05	60127330	6	6A4			HOÀNG HOA THÁM	
1362	TÔN BẢO	MINH	06-Dec-05	60127337	6	6A4			HOÀNG HOA THÁM	
1363	LẠI KHÁNH	NGỌC	02-Jun-05	60127322	6	6A4			HOÀNG HOA THÁM	
1364	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ	18-Jan-05	60127328	6	6A4			HOÀNG HOA THÁM	
1365	PHAN NGUYỄN NGỌC	TRÂM	25-Aug-05	60127336	6	6A4			HOÀNG HOA THÁM	
1366	TRƯỜNG NGUYỄN ANH	THY	06-Aug-05	60139829	6	6A4			NGUYỄN GIA THIỀU	
1367	NGUYỄN LÊ THẾ	KHANG	10-Jul-05	60139477	6	6A4			TRƯỜNG CHINH	
1368	TRỊNH VÕ NHẬT	NAM	26-May-05	60139479	6	6A4			TRƯỜNG CHINH	
1369	DƯƠNG QUỲNH	ANH	31-Oct-05	60127345	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1370	PHAN NHẬT	ANH	13-Jul-05	60127374	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1371	VŨ NGUYỄN THY	ANH	13-Dec-05	60127383	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1372	NGUYỄN MINH	ĐỨC	15-Aug-05	60127359	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1373	HUỲNH NGỌC THÙY	DƯƠNG	16-Feb-05	60127350	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1374	PHẠM NGUYỄN NGÂN	HÀ	06-Apr-05	60127372	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1375	NGUYỄN ĐỖ GIA	HÂN	12-Aug-05	60127355	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1376	LÊ MINH	HIẾU	23-Sep-05	60127351	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1377	NGUYỄN LÊ BÁ	HOÀNG	23-Aug-05	60127357	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1378	VŨ HOÀNG NHẬT	HÙNG	23-Jun-05	60127381	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1379	NGUYỄN QUANG	HUY	25-Jan-05	60127364	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1380	PHẠM NGỌC MINH	KHANH	19-May-05	60127371	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1381	TRẦN TUẤN	KIỆT	25-Jan-05	60127379	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1382	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	08-Dec-05	60127367	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1383	TRẦN NGU' TRÚC	LINH	24-Sep-05	60127378	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1384	TẠ THỊ NHƯ	MAI	16-Nov-05	60127375	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1385	HOÀNG THỊ TRÀ	MY	14-Dec-05	60127349	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1386	ĐÀO HOÀNG	NAM	23-Aug-05	60127342	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1387	ĐOÀN LÊ PHƯƠNG	NGHI	02-Jul-05	60127344	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1388	HOÀNG THỊ BÍCH	NGỌC	09-Mar-05	60127348	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1389	NGUYỄN BẢO	NGỌC	15-Mar-05	60127353	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1390	VŨ HÀ NHƯ	NGỌC	16-Jan-05	60127380	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1391	NGUYỄN TỪ THẢO	NHI	01-Mar-05	60127370	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1392	VŨ THÀNH TÂM	NHƯ	09-Nov-05	60127384	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1393	HÀ ANH	PHÚC	07-Jan-05	60127346	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1394	VŨ HOÀNG NHẬT	PHÚC	23-Jun-05	60127382	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1395	NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	25-Apr-05	60127358	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1396	NGUYỄN TÚ	QUỲNH	16-Sep-05	60127369	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1397	ĐẶNG NGỌC BẢO	TRÂM	24-Sep-05	60127341	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1398	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	TRÂM	10-Feb-05	60127363	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1399	NGUYỄN CAO	TRÚC	02-Mar-05	60127354	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1400	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	04-Feb-05	60127365	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1401	HỒ HOÀNG	VINH	04-Jun-05	60127347	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1402	MAI THIÊN	Ý	18-May-05	60127352	6	6A5			HOÀNG HOA THÁM	
1403	LÊ NGUYỄN MỸ	HUYỀN	5-May-05	60138191	6	6A5			NGÔ SĨ LIÊN	
1404	NGUYỄN TRÍ	NGUYỄN	14-Aug-05	60138194	6	6A5			NGÔ SĨ LIÊN	
1405	VÕ TÁ	PHÚC	16-Jun-05	60138196	6	6A5			NGÔ SĨ LIÊN	
1406	BÙI HOÀNG	TÙNG	02-Jul-05	60138189	6	6A5			NGÔ SĨ LIÊN	
1407	NGUYỄN THANH HẢI	NGUYỆT	18-Sep-05	60139832	6	6A5			NGUYỄN GIA THIỀU	
1408	LÊ NHÃ	DUYÊN	11-Dec-05	60138398	6	6A5			THCS ÂU LẠC	
1409	PHẠM QUANG	HUY	6-Jan-05	60138405	6	6A5			THCS ÂU LẠC	
1410	TRẦN HIẾU	NGHI	27-Nov-05	60138407	6	6A5			THCS ÂU LẠC	
1411	NGUYỄN THỦY	TRÂM	07-Nov-05	60138402	6	6A5			THCS ÂU LẠC	
1412	NGUYỄN NGỌC THU	AN	30-Nov-05	60127406	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1413	TRẦN THỰC	ANH	29-Jan-05	60127427	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1414	VŨ ĐÀO PHƯƠNG	ANH	04-Oct-05	60127430	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1415	LÊ THÁI	BẢO	08-Sep-05	60127396	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1416	NGUYỄN MINH	CHÂU	23-Nov-05	60127405	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1417	LÊ CÔNG	ĐỨC	28-Apr-05	60127394	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1418	TRẦN THÙY	DƯƠNG	30-Apr-05	60127428	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1419	LÊ THANH	HÀ	25-May-05	60127397	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1420	PHẠM TRẦN GIA	HÂN	10-May-05	60127415	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1421	NGUYỄN HUY	HOÀNG	24-Apr-05	60127403	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1422	PHẠM ĐỨC THIÊN	HOÀNG	06-Jan-05	60127411	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1423	NGUYỄN QUANG	HÙNG	11-Mar-05	60127407	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1424	MAI PHƯƠNG	KHANH	07-Aug-05	60127400	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1425	TRẦN NHẬT	KHOA	23-Jun-05	60127424	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1426	PHAN THANH HỒNG	NGỌC	26-Jun-05	60127417	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1427	NGUYỄN SONG	NGUYỄN	27-Sep-05	60127408	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1428	THÁI HOÀNG BẢO	NHI	14-Jun-05	60127422	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1429	PHAN ĐẠI	PHƯỚC	07-Nov-05	60127416	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1430	PHẠM PHƯƠNG	PHƯƠNG	07-Dec-05	60127414	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1431	TRẦN THỊ MAI	PHƯƠNG	31-Jul-05	60127425	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1432	BÙI THỦY THÚY	QUỲNH	24-Sep-05	60127387	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1433	PHÙNG NHƯ	QUỲNH	20-Sep-05	60127420	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1434	HỒ THANH	THẢO	18-Dec-05	60127392	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1435	TRƯỜNG NGUYỄN THANH	THẢO	21-Dec-05	60127429	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1436	ĐẶNG THÁI MINH	THƯ	11-Jul-05	60127389	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1437	NGHIÊM BẢO	TRÂM	21-May-05	60127401	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1438	LƯƠNG THỰC	TRÂN	09-Aug-05	60127399	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1439	NGUYỄN THANH	TRÂN	26-Aug-05	60127409	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1440	TRẦN MINH	TRÍ	14-Sep-05	60127423	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1441	VƯƠNG MINH	TRÍ	06-Jun-05	60127433	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1442	ĐỖ THÀNH	TRUNG	05-Oct-05	60127390	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1443	HUỲNH NGUYỄN CẨM	TÚ	12-Jul-05	60127393	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1444	TẠ THẢO	VÂN	17-Dec-05	60127421	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1445	PHẠM HẢI	YẾN	12-May-05	60127412	6	6A6			HOÀNG HOA THÁM	
1446	LA TUỆ	MÃN	13-Aug-05	60139833	6	6A6			NGUYỄN GIA THIỀU	
1447	ĐỒNG NGUYỄN GIA	HUY	09-Feb-05	60127436	6	6A7			HOÀNG HOA THÁM	
1448	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG	LINH	25-Oct-05	60127437	6	6A7			HOÀNG HOA THÁM	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1449	NGUYỄN MINH	TRÍ	03-Apr-05	60127439	6	6A7			HOÀNG HOA THÁM	
1450	VŨ HOÀNG BẢO	HÂN	12-Oct-05	60138874	6	6A7			NGÔ SĨ LIÊN	
1451	NGUYỄN CHU GIÁNG	NGỌC	24-Jun-05	60138872	6	6A7			NGÔ SĨ LIÊN	
1452	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	01-Dec-05	60127449	6	6A8			HOÀNG HOA THÁM	
1453	TRẦN NGỌC MINH	CHÂU	09-Apr-05	60127454	6	6A8			HOÀNG HOA THÁM	
1454	PHẠM ANH	KHANG	17-Aug-05	60127452	6	6A8			HOÀNG HOA THÁM	
1455	ĐOÀN GIA	NGHI	08-Dec-05	60127440	6	6A8			HOÀNG HOA THÁM	
1456	PHẠM BÁ KHÔI	NGUYỄN	02-Mar-05	60127453	6	6A8			HOÀNG HOA THÁM	
1457	NGUYỄN MINH	NHI	25-Mar-05	60127447	6	6A8			HOÀNG HOA THÁM	
1458	NGUYỄN LUÂN KHÁNH	VÂN	06-Aug-05	60127446	6	6A8			HOÀNG HOA THÁM	
1459	BÙI NGUYỄN KIM	PHÚ	30-Jun-05	60138199	6	6a8			NGÔ SĨ LIÊN	
1460	TRẦN ĐÌNH ANH	DUY	02-Dec-05	60138416	6	6A8			THCS ÂU LẠC	
1461	TÀO PHƯƠNG HỒNG	NGỌC	31-Mar-05	60138415	6	6A8			THCS ÂU LẠC	
1462	ĐOÀN TRẦN NGỌC	THỊNH	14-Jun-05	60138410	6	6A8			THCS ÂU LẠC	
1463	ĐỖ THANH	HOÀI	29-Nov-05	60139485	6	6A8			TRƯỜNG CHINH	
1464	PHẠM TÂN	MINH	12-Jul-05	60139488	6	6A8			TRƯỜNG CHINH	
1465	HUỲNH HỮU	NGHIÊM	03-Nov-05	60139486	6	6A8			TRƯỜNG CHINH	
1466	TRẦN XUÂN	LỘC	19-Mar-05	60127458	6	6A9			HOÀNG HOA THÁM	
1467	NGUYỄN HÀN HOÀI	NAM	20-Jan-05	60127457	6	6A9			HOÀNG HOA THÁM	
1468	VÕ HOÀNG	MINH	20-Feb-05	60139842	6	6A9			NGUYỄN GIA THIỀU	
1469	TẠ ĐÌNH HÀ	PHƯƠNG	12-Mar-05	60139841	6	6A9			NGUYỄN GIA THIỀU	
1470	VÕ VĂN MẠNH	TÂM	03-Jun-05	60139843	6	6A9			NGUYỄN GIA THIỀU	
1471	NGUYỄN HUỲNH THÀNH	PHÁT	06-Mar-04	60143376	7	7			NGÔ QUYỀN	
1472	LÊ DUY	NGUYỄN	01-Jul-14	60138652	7	7			VIỆT MỸ	
1473	DƯƠNG PHẠM LINH	ĐAN	09-Sep-04	60139678	7	7.1			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1474	NGUYỄN HỒNG	HÂN	14-Feb-04	60139684	7	7.1			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1475	MAI HỮU	HIẾU	14-Sep-04	60139681	7	7.1			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1476	NGÔ TRỌNG	HÒA	31-Mar-04	60139682	7	7.1			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1477	PHAN PHÚC PHƯƠNG	NAM	06-Aug-04	60139688	7	7.1			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1478	NGUYỄN BÙI KIM	NGÂN	15-Feb-04	60139677	7	7.1			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1479	HÀ VỊNH	NHU	08-Mar-04	60139679	7	7.1			LÝ THƯỜNG KIỆT	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1480	NGUYỄN PHẠM THANH	NHƯ	29-Mar-04	60139685	7	7.1			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1481	PHẠM CÔNG	THÀNH	13-Aug-04	60139687	7	7.1			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1482	LƯỠNG CẨM	VINH	31-Oct-04	60139680	7	7.1			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1483	NGUYỄN MINH LAN	ANH	29-Jan-04	60139695	7	7.2			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1484	VƯƠNG TÂM	ĐAN	09-Jul-04	60139704	7	7.2			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1485	TRẦN GIA	ĐẠT	03-Sep-04	60139699	7	7.2			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1486	NGUYỄN TUẤN	DŨNG	27-Feb-04	60139697	7	7.2			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1487	TRƯƠNG VĂN HOÀI	KHANH	21-Jul-04	60139703	7	7.2			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1488	NGUYỄN XUÂN	NHI	16-Feb-04	60139698	7	7.2			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1489	NGUYỄN THẢO	NHƯ	15-Feb-04	60139696	7	7.2			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1490	NGUYỄN MINH	PHÁT	11-Feb-04	60139694	7	7.2			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1491	NGUYỄN GIA	PHÚC	29-Aug-04	60139691	7	7.2			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1492	TRẦN SÁNG	THÀNH	21-Aug-04	60139701	7	7.2			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1493	TRẦN THỊ DIỄM	TRINH	16-Jul-04	60139702	7	7.2			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1494	NGUYỄN MINH	TRUNG	21-Dec-04	60139693	7	7.2			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1495	TRẦN LÂM	VŨ	28-Feb-04	60139700	7	7.2			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1496	CHÂU HỒNG	ĐÀO	20-Jun-04	60139705	7	7.3			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1497	NGUYỄN HOÀNG MINH	THÔNG	13-Dec-04	60139707	7	7.3			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1498	TÔ MINH	THY	15-Feb-04	60139708	7	7.3			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1499	NGÔ PHÚI	NGHI	25-Mar-04	60139712	7	7.4			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1500	PHẠM NGỌC LINH	TRANG	10-Apr-04	60139714	7	7.4			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1501	CAO ĐÌNH BẢO	VY	12-Jul-04	60139710	7	7.4			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1502	ĐỖ VŨ KHÁNH	AN	02-Jan-04	60139721	7	7.6			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1503	LÃ ĐOÀN ANH	THƯ	05-Aug-04	60139723	7	7.6			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1504	NGUYỄN BIÊN	THÙY	14-May-04	60139724	7	7.6			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1505	BÙI THỊ BÍCH	TRÂM	26-Jul-04	60139726	7	7.7			LÝ THƯỜNG KIỆT	
1506	NGUYỄN THỤY HỒNG	ANH	08-Jan-04	60138588	7	7/1			TRẦN VĂN ĐANG	
1507	LÊ THÀNH	ĐẠT	30-Jan-04	60138581	7	7/1			TRẦN VĂN ĐANG	
1508	CHU NHẬT	KHA	15-Dec-04	60138576	7	7/1			TRẦN VĂN ĐANG	
1509	VÕ DUY	KHOA	25-Nov-04	60138590	7	7/1			TRẦN VĂN ĐANG	
1510	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	NHI	04-Apr-04	60138585	7	7/1			TRẦN VĂN ĐANG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1511	ĐINH HOÀNG	PHÚC	13-Jun-04	60138578	7	7/1			TRẦN VĂN ĐANG	
1512	TRƯƠNG NGỌC MINH	THƯ	03-Nov-04	60138589	7	7/1			TRẦN VĂN ĐANG	
1513	NGUYỄN CHẾ HUYỀN	VI	08-Jul-04	60138583	7	7/1			TRẦN VĂN ĐANG	
1514	ĐÀO NGUYỄN PHƯƠNG	VY	20-May-04	60138577	7	7/1			TRẦN VĂN ĐANG	
1515	NGUYỄN THẢO	VY	27-Sep-04	60138586	7	7/1			TRẦN VĂN ĐANG	
1516	NGUYỄN THỊ MINH	HIỀN	06-May-04	60140149	7	7/10			THCS TÂN BÌNH	
1517	PHẠM LÊ PHƯƠNG	THẢO	21-May-04	60140150	7	7/10			THCS TÂN BÌNH	
1518	NGUYỄN THANH	VY	16-Jan-04	60140148	7	7/10			THCS TÂN BÌNH	
1519	ĐỖ NGUYỄN THÁI	KHANG	09-Aug-04	60140152	7	7/11			THCS TÂN BÌNH	
1520	NGUYỄN THIÊN	PHÚ	18-May-04	60140160	7	7/11			THCS TÂN BÌNH	
1521	PHẠM THỊ NGỌC	TRÂM	16-Jan-04	60140162	7	7/11			THCS TÂN BÌNH	
1522	PHẠM LÊ ANH	TÚ	09-Mar-04	60140161	7	7/11			THCS TÂN BÌNH	
1523	TRẦN CAO THANH	VÂN	8-Aug-04	60140163	7	7/11			THCS TÂN BÌNH	
1524	NGUYỄN PHÚC ĐĂNG	HUY	28-Oct-04	60120525	7	7/13			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1525	TRẦN VĨNH	KHANG	09-Apr-04	60120531	7	7/13			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1526	PHAN NGUYỄN PHƯƠNG	NHI	22-May-04	60120529	7	7/13			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1527	PHẠM NGỌC KHÁNH	NHƯ	04-Sep-04	60120526	7	7/13			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1528	PHẠM NGỌC MINH	THƯ	25-Aug-04	60120527	7	7/13			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1529	PHAN NGUYỄN HẢI	TRIỀU	16-Sep-04	60120528	7	7/13			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1530	NGUYỄN HOÀNG MỸ	Ý	29-Nov-04	60120524	7	7/13			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1531	PHAN BẢO	NGHI	19-Jul-04	60139218	7	7/13			THCS TÂN BÌNH	
1532	HỒNG NGỌC	NHƯ	07-Oct-04	60139216	7	7/13			THCS TÂN BÌNH	
1533	NGÔ NGUYỄN QUỲNH	ANH	21-Feb-04	60120537	7	7/14			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1534	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	ANH	25-Nov-04	60120541	7	7/14			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1535	LÊ MINH	HOÀNG	10-Feb-04	60120535	7	7/14			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1536	HUỲNH ĐÌNH	PHONG	22-Oct-04	60120533	7	7/14			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1537	TRẦN LÊ ANH	THY	04-Jan-04	60120540	7	7/14			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1538	PHAN NGUYỄN PHƯỚC	TIẾN	09-Mar-04	60120539	7	7/14			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1539	PHAN HỒNG BẢO	TRÂN	11-Nov-04	60120538	7	7/14			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1540	VÕ HOÀNG	DUY	31-Jan-04	60139234	7	7/14			THCS TÂN BÌNH	
1541	TRẦN MINH	HẰNG	09-May-04	60139232	7	7/14			THCS TÂN BÌNH	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1542	NGUYỄN THỊ THANH	HIỀN	01-Jun-04	60139225	7	7/14			THCS TÂN BÌNH	
1543	PHAN ĐÌNH MINH	KHÔI	29-Feb-04	60139229	7	7/14			THCS TÂN BÌNH	
1544	TRẦN ĐÔNG	KHUÊ	12-May-04	60139231	7	7/14			THCS TÂN BÌNH	
1545	NGUYỄN HUỲNH THANH	LIÊM	07-Feb-04	60139223	7	7/14			THCS TÂN BÌNH	
1546	NINH TRẦN THUY	LINH	09-Sep-04	60139228	7	7/14			THCS TÂN BÌNH	
1547	CHÂU NGỌC UYÊN	PHƯƠNG	07-Sep-04	60139220	7	7/14			THCS TÂN BÌNH	
1548	TRẦN CÔNG	THỊNH	06-Mar-04	60139230	7	7/14			THCS TÂN BÌNH	
1549	VÕ TRƯỞNG ĐỨC	THUẦN	07-Jan-04	60139235	7	7/14			THCS TÂN BÌNH	
1550	PHẠM NGUYỄN TUẤN	ANH	06-Oct-04	60120550	7	7/15			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1551	LÝ TU	HOA	21-Jun-04	60120546	7	7/15			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1552	LƯƠNG MỸ	LINH	16-Apr-04	60120544	7	7/15			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1553	LÊ QUỲNH	MAI	1-Jan-04	60120543	7	7/15			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1554	NGÔ NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	23-Dec-04	60120548	7	7/15			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1555	NGUYỄN HUỲNH DUY	ANH	16-Oct-04	60120559	7	7/16			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1556	NGUYỄN TRẦN MINH	ANH	03-Mar-04	60120561	7	7/16			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1557	NGUYỄN MINH	ĐỨC	16-Aug-04	60120560	7	7/16			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1558	TRƯƠNG ĐÌNH	DUY	01-Dec-04	60120565	7	7/16			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1559	PHI TRẦN NHẬT	HẠ	07-Sep-04	60120564	7	7/16			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1560	NGUYỄN ĐÌNH DUY	HẠO	18-Nov-04	60120556	7	7/16			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1561	BÙI SỸ ANH	KHÔI	10-Feb-04	60120553	7	7/16			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1562	AMY UYEN PHUONG	NGUYEN	29-Jun-03	60120552	7	7/16			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1563	LINDSEY THY PHUONG	NGUYEN	09-May-04	60120555	7	7/16			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1564	LÊ TRỌNG	NHÂN	05-Oct-04	60120554	7	7/16			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1565	NGUYỄN HOÀNG	THẮNG	3-Mar-04	60120558	7	7/16			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1566	PHAN HOÀNG THANH	TRÚC	13-Jul-04	60120563	7	7/16			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1567	LÊ NGUYỄN HẢI	ANH	04-May-04	60120572	7	7/17			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1568	CHENG MINH	CHU	12-Aug-04	60120568	7	7/17			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1569	NGÔ HOÀNG	LONG	18-Jan-04	60120574	7	7/17			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1570	VÕ QUỐC	NAM	05-Jul-04	60120581	7	7/17			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1571	VƯƠNG THÚY	NGỌC	30-Aug-04	60120582	7	7/17			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1572	VÕ ĐẶNG PHÚC	THỊNH	11-Nov-04	60120580	7	7/17			QUỐC TẾ Á CHÂU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1573	PHẠM THỊ DIỆU	VY	19-Oct-04	60120577	7	7/17			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1574	HÀ THỊ VÂN	ANH	18-Jan-04	60120585	7	7/18			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1575	TRẦN MINH	HUY	12-Jun-04	60120592	7	7/18			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1576	PHÙNG NGỌC HỒNG	LAM	15-Jan-04	60120591	7	7/18			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1577	DƯƠNG BẢO	NGỌC	30-Nov-04	60120584	7	7/18			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1578	LÊ NGỌC TUYẾT	NHUNG	28-Sep-04	60120586	7	7/18			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1579	PHẠM NHẬT	TUYẾT	27-Oct-04	60120590	7	7/18			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1580	MAI CAO TÚ	UYÊN	22-Sep-04	60120588	7	7/18			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1581	TRẦN THẢO	NGỌC	26-Oct-04	60120594	7	7/19			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1582	PHAN NGUYỄN NHẬT	PHƯƠNG	09-Sep-04	60120593	7	7/19			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1583	NGUYỄN SONG CÁT	TƯỜNG	7-Aug-04	60138698	7	7/2			PHAM NGOC THACH	
1584	TRẦN MỸ	DUYÊN	21-Aug-04	60138288	7	7/2			QUANG TRUNG	
1585	ĐÀO PHẠM KHẢI	HOÀN	13-Dec-04	60138279	7	7/2			QUANG TRUNG	
1586	NGUYỄN VŨ	KHÊ	28-Oct-04	60138287	7	7/2			QUANG TRUNG	
1587	VÕ NGỌC PHƯƠNG	LINH	06-Jul-04	60138290	7	7/2			QUANG TRUNG	
1588	ĐÀO VĂN	MINH	27-Jun-04	60138280	7	7/2			QUANG TRUNG	
1589	ĐOÀN ĐẶNG PHƯƠNG	NAM	08-Oct-04	60138281	7	7/2			QUANG TRUNG	
1590	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	09-Apr-04	60138289	7	7/2			QUANG TRUNG	
1591	ĐỖ SỸ QUỐC	ANH	7-Oct-04	60120595	7	7/20			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1592	PHẠM THẢO	DUYÊN	23-Dec-04	60120603	7	7/20			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1593	NGUYỄN DỊU	HIỀN	07-May-04	60120599	7	7/20			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1594	TẶNG VIỆT	HƯƠNG	05-Nov-04	60120605	7	7/20			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1595	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	LINH	23-Apr-04	60120600	7	7/20			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1596	TRẦN LÊ YẾN	NHI	01-Nov-04	60120606	7	7/20			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1597	ĐỖ THỊ KIỀU	OANH	3-Sep-04	60120596	7	7/20			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1598	NGUYỄN PHƯƠNG	QUỲNH	13-Jun-04	60120601	7	7/20			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1599	NGUYỄN ĐÌNH ANH	THU'	27-Sep-01	60120598	7	7/20			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1600	LÊ NGUYỄN QUỲNH	TRÂM	17-Jun-04	60120597	7	7/20			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1601	LÊ HOÀNG	ANH	08-Jul-04	60120612	7	7/21			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1602	NGUYỄN QUỲNH	ANH	21-Dec-04	60120613	7	7/21			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1603	HUỲNH VIỆT	KHOA	03-Mar-04	60120611	7	7/21			QUỐC TẾ Á CHÂU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1604	HỒ KHẢI	PHƯƠNG	05-Apr-04	60120609	7	7/21			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1605	NGUYỄN NAM	AN	18-Jul-04	60120622	7	7/22			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1606	TRẦN BUI TUẤN	ANH	27-May-04	60120624	7	7/22			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1607	LÊ THANH	HOÀNG	19-Oct-04	60120618	7	7/22			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1608	LÊ HOÀNG	MỸ	31-Jul-04	60120617	7	7/22			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1609	NGUYỄN KỶ	NGUYỄN	28-Aug-04	60120621	7	7/22			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1610	NGUYỄN CÔNG	PHÚ	23-Mar-04	60120620	7	7/22			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1611	NGÔ VÕ MINH	THÀNH	7-Apr-04	60120619	7	7/22			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1612	PHAN THỊ ANH	TÂM	30-Dec-04	60120630	7	7/23			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1613	NGÔ MINH	TRIẾT	05-Jun-04	60120627	7	7/23			QUỐC TẾ Á CHÂU	
1614	TRẦN LÊ KIM	NGÂN	10-Dec-04	60138699	7	7/4			PHAM NGOC THACH	
1615	DƯƠNG QUỐC	ANH	10-Feb-04	60138291	7	7/4			QUANG TRUNG	
1616	NGUYỄN QUỐC TUẤN	ANH	24-Oct-04	60128504	7	7/6			NGÔ QUYỀN	
1617	NGUYỄN THÁI	BẢO	26-May-04	60128505	7	7/6			NGÔ QUYỀN	
1618	TRẦN NGỌC ANH	GIAO	13-Feb-04	60128511	7	7/6			NGÔ QUYỀN	
1619	HUỲNH NGỌC	GIÀU	23-Apr-04	60128498	7	7/6			NGÔ QUYỀN	
1620	TRẦN QUANG	HUY	11-Jan-04	60128512	7	7/6			NGÔ QUYỀN	
1621	PHẠM TRỌNG MINH	KHÔI	03-Sep-04	60128509	7	7/6			NGÔ QUYỀN	
1622	BUI THANH	NGHI	03-Feb-04	60128493	7	7/6			NGÔ QUYỀN	
1623	NGUYỄN LÊ MỸ	NGỌC	17-Jan-04	60128500	7	7/6			NGÔ QUYỀN	
1624	TRÀ LÊ BẢO	NGỌC	19-Jul-04	60128510	7	7/6			NGÔ QUYỀN	
1625	BUI XUÂN	NGUYỄN	02-Mar-04	60128495	7	7/6			NGÔ QUYỀN	
1626	NGUYỄN VŨ	NGUYỄN	24-Apr-04	60128508	7	7/6			NGÔ QUYỀN	
1627	NGUYỄN NỮ HOÀI	NHƯ	10-Jun-04	60128502	7	7/6			NGÔ QUYỀN	
1628	NGUYỄN THIÊN	PHÚC	13-Mar-04	60128506	7	7/6			NGÔ QUYỀN	
1629	BUI THẾ	QUÂN	27-Jan-04	60128494	7	7/6			NGÔ QUYỀN	
1630	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ	01-Dec-04	60128501	7	7/6			NGÔ QUYỀN	
1631	NGUYỄN PHẠM HOÀNG	TÙNG	10-Apr-04	60128503	7	7/6			NGÔ QUYỀN	
1632	ĐÀO DUY	AN	02-Jul-04	60128516	7	7/7			NGÔ QUYỀN	
1633	ĐỖ HỮU	BẰNG	04-Feb-04	60128518	7	7/7			NGÔ QUYỀN	
1634	LÔ HOÀNG	BẢO	03-May-04	60128527	7	7/7			NGÔ QUYỀN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1635	TRỊNH GIA	BẢO	10-Oct-04	60128548	7	7/7			NGÔ QUYỀN	
1636	ĐÌNH NGỌC KIM	DUNG	25-Sep-04	60128517	7	7/7			NGÔ QUYỀN	
1637	NGUYỄN NGỌC MINH	DŨNG	08-Mar-04	60128536	7	7/7			NGÔ QUYỀN	
1638	NGUYỄN CHÍ	HIẾU	16-Apr-04	60128530	7	7/7			NGÔ QUYỀN	
1639	NGUYỄN QUANG	HUY	29-Jan-04	60128537	7	7/7			NGÔ QUYỀN	
1640	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	20-Nov-04	60128525	7	7/7			NGÔ QUYỀN	
1641	NGUYỄN HUỲNH PHÚC	LINH	14-Feb-04	60128534	7	7/7			NGÔ QUYỀN	
1642	NGUYỄN VŨ TRÀ	MY	17-Jun-04	60128542	7	7/7			NGÔ QUYỀN	
1643	TRẦN NGỌC KIM	NGÂN	03-Jun-04	60128546	7	7/7			NGÔ QUYỀN	
1644	BÙI YẾN	NHI	23-Apr-04	60128514	7	7/7			NGÔ QUYỀN	
1645	NGUYỄN TẤN	PHÁT	08-Mar-04	60128539	7	7/7			NGÔ QUYỀN	
1646	NGUYỄN QUANG	PHÚ	19-Apr-04	60128538	7	7/7			NGÔ QUYỀN	
1647	HUỲNH MAI BẢO	QUYÊN	26-Jan-04	60128520	7	7/7			NGÔ QUYỀN	
1648	LÂM NHƯ	QUỲNH	30-Mar-04	60128521	7	7/7			NGÔ QUYỀN	
1649	LÂM THUY ANH	THƯ	24-Nov-04	60128522	7	7/7			NGÔ QUYỀN	
1650	TRẦN NGUYỄN BẢO	TRÂN	29-Aug-04	60128547	7	7/7			NGÔ QUYỀN	
1651	ĐOÀN NGỌC	TRUNG	02-Feb-04	60128519	7	7/7			NGÔ QUYỀN	
1652	ĐÀO ANH	TÙNG	21-Apr-04	60128515	7	7/7			NGÔ QUYỀN	
1653	NGUYỄN ĐỖ MINH	UYÊN	04-Oct-04	60128531	7	7/7			NGÔ QUYỀN	
1654	PHAN HOÀNG PHƯƠNG	UYÊN	02-Jan-04	60128545	7	7/7			NGÔ QUYỀN	
1655	PHẠM KHÁNH	VY	24-Feb-04	60128544	7	7/7			NGÔ QUYỀN	
1656	NGUYỄN HOÀNG	VŨ	01-Jun-04	60139239	7	7/7			THCS TÂN BÌNH	
1657	LÊ TRÚC	ANH	26-Sep-04	60128556	7	7/8			NGÔ QUYỀN	
1658	LƯƠNG DUY ĐỨC	ANH	07-Nov-04	60128557	7	7/8			NGÔ QUYỀN	
1659	NGUYỄN VÕ THIÊN	BẢO	28-Jun-04	60128564	7	7/8			NGÔ QUYỀN	
1660	TRẦN HOÀNG PHI	BẢO	16-Aug-04	60128572	7	7/8			NGÔ QUYỀN	
1661	TRẦN THANH	BÌNH	15-Feb-04	60128578	7	7/8			NGÔ QUYỀN	
1662	TRẦN TÂM	CHÂU	12-Feb-04	60128577	7	7/8			NGÔ QUYỀN	
1663	NGUYỄN GIA	ĐẠI	02-Oct-04	60128559	7	7/8			NGÔ QUYỀN	
1664	HUỲNH NGỌC BẢO	HÂN	29-Aug-04	60128554	7	7/8			NGÔ QUYỀN	
1665	LÊ NGUYỄN NGỌC	HÂN	03-Mar-04	60128555	7	7/8			NGÔ QUYỀN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1666	ĐẶNG NGỌC PHƯƠNG	LINH	06-Aug-04	60128550	7	7/8			NGÔ QUYỀN	
1667	PHAN TRẦN KHÁNH	LINH	01-Aug-04	60128568	7	7/8			NGÔ QUYỀN	
1668	NGUYỄN THÀNH	NAM	06-Mar-04	60128563	7	7/8			NGÔ QUYỀN	
1669	PHAN THỊ THU	NGÂN	22-Jan-04	60128567	7	7/8			NGÔ QUYỀN	
1670	HUỖNH KHẢ	NHI	15-Sep-04	60128553	7	7/8			NGÔ QUYỀN	
1671	TRƯỜNG NGỌC ANH	NHI	20-Aug-04	60128579	7	7/8			NGÔ QUYỀN	
1672	DƯƠNG NGỌC DIỄM	PHÚC	26-Sep-04	60128552	7	7/8			NGÔ QUYỀN	
1673	PHAN HUỖNH THIÊN	PHÚC	16-Jun-04	60128566	7	7/8			NGÔ QUYỀN	
1674	NGUYỄN XUÂN	QUỖNH	22-May-04	60128565	7	7/8			NGÔ QUYỀN	
1675	VŨ LÊ TRÚC	QUỖNH	06-Oct-04	60128582	7	7/8			NGÔ QUYỀN	
1676	NGUYỄN HOÀNG	SANG	05-May-04	60128561	7	7/8			NGÔ QUYỀN	
1677	TRẦN MINH	THY	09-Mar-04	60128574	7	7/8			NGÔ QUYỀN	
1678	VÕ MINH	TRÍ	12-Sep-04	60128580	7	7/8			NGÔ QUYỀN	
1679	TRẦN PHẠM NGỌC	TRINH	12-Dec-04	60128576	7	7/8			NGÔ QUYỀN	
1680	TRẦN MAI PHƯƠNG	VI	24-Apr-04	60128573	7	7/8			NGÔ QUYỀN	
1681	NGUYỄN HÀ TƯỜNG	VY	20-Oct-04	60128560	7	7/8			NGÔ QUYỀN	
1682	VÕ TƯỜNG	VY	29-Oct-04	60128581	7	7/8			NGÔ QUYỀN	
1683	LÊ HUỖNH HÀ	AN	29-Apr-04	60138705	7	7/8			PHAM NGOC THACH	
1684	CỔ KIM THÚY	HÀNG	15-Jan-04	60138700	7	7/8			PHAM NGOC THACH	
1685	LÊ TRUNG	KIÊN	22-Aug-04	60138706	7	7/8			PHAM NGOC THACH	
1686	HUỖNH TUẤN	MINH	29-Oct-04	60138704	7	7/8			PHAM NGOC THACH	
1687	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	11-Jan-04	60138709	7	7/8			PHAM NGOC THACH	
1688	TRẦN NGỌC	PHÚ	02-Jan-04	60138713	7	7/8			PHAM NGOC THACH	
1689	HỒ TRẦN NHẬT	QUYỀN	20-Sep-04	60138702	7	7/8			PHAM NGOC THACH	
1690	TÔ VĨNH	TIẾN	17-Aug-04	60138712	7	7/8			PHAM NGOC THACH	
1691	NGÔ LÊ VIỆT	TRƯỜNG	16-Jan-04	60138707	7	7/8			PHAM NGOC THACH	
1692	PHẠM ĐĂNG	DƯƠNG	07-Feb-04	60139242	7	7/8			THCS TÂN BÌNH	
1693	ĐỖ THÁI KHÔI	NGUYỄN	02-Oct-04	60139241	7	7/8			THCS TÂN BÌNH	
1694	NGUYỄN HỮU KỶ	ANH	01-Jul-04	60128598	7	7/9			NGÔ QUYỀN	
1695	TRẦN LÊ GIA	BẢO	07-Jun-04	60128606	7	7/9			NGÔ QUYỀN	
1696	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÌNH	26-Apr-04	60128601	7	7/9			NGÔ QUYỀN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1697	PHAN KHÁNH	CHƯƠNG	21-Mar-04	60128604	7	7/9			NGÔ QUYỀN	
1698	CHU THỊ THÙY	DUNG	14-Oct-04	60128585	7	7/9			NGÔ QUYỀN	
1699	CÙ NGỌC ÁNH	LINH	05-Nov-04	60128586	7	7/9			NGÔ QUYỀN	
1700	NGUYỄN HỒ HUYỀN	NGỌC	13-Apr-04	60128596	7	7/9			NGÔ QUYỀN	
1701	NGUYỄN THỊ LAM	NGỌC	20-Aug-04	60128600	7	7/9			NGÔ QUYỀN	
1702	LÊ VIỄN	PHÁT	05-Sep-04	60128594	7	7/9			NGÔ QUYỀN	
1703	DƯƠNG THỊ HẢI	PHUƠNG	06-Oct-04	60128588	7	7/9			NGÔ QUYỀN	
1704	VÕ NGỌC NGUYỄN	SA	11-Oct-04	60128609	7	7/9			NGÔ QUYỀN	
1705	ĐINH THỊ PHƯƠNG	THANH	27-Nov-04	60128587	7	7/9			NGÔ QUYỀN	
1706	NGUYỄN TRÌNH XUÂN	THANH	10-Jun-04	60128602	7	7/9			NGÔ QUYỀN	
1707	TRẦN ĐÀO ĐÌNH	THƯƠNG	12-Dec-04	60128605	7	7/9			NGÔ QUYỀN	
1708	LÊ SĨ	TOÀN	27-Nov-04	60128592	7	7/9			NGÔ QUYỀN	
1709	TRẦN NHÃ	TRÚC	12-Nov-04	60128607	7	7/9			NGÔ QUYỀN	
1710	BÙI TIẾN	TRUNG	04-Feb-04	60128584	7	7/9			NGÔ QUYỀN	
1711	LÊ KIM	UYÊN	29-Jul-04	60128591	7	7/9			NGÔ QUYỀN	
1712	NGUYỄN ĐOÀN DIỄM	VY	24-Jun-04	60128595	7	7/9			NGÔ QUYỀN	
1713	VÕ HỒNG	NGỌC	18-Jan-04	60127468	7	7A1			HOÀNG HOA THÁM	
1714	HOÀNG QUỲNH	NHƯ	21-May-04	60127461	7	7A1			HOÀNG HOA THÁM	
1715	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	13-Jul-04	60127465	7	7A1			HOÀNG HOA THÁM	
1716	NGUYỄN HOÀNG MINH	PHƯƠNG	05-Apr-04	60127466	7	7A1			HOÀNG HOA THÁM	
1717	BÙI HỒNG HẢI	YẾN	06-Feb-04	60127460	7	7A1			HOÀNG HOA THÁM	
1718	LA HUỲNH	ANH	29-Apr-04	60138881	7	7A1			NGÔ SĨ LIÊN	
1719	LÊ ĐỖ MINH	ANH	22-Aug-04	60138884	7	7A1			NGÔ SĨ LIÊN	
1720	MAI NGUYỄN ĐÔNG	ANH	20-Nov-04	60138887	7	7A1			NGÔ SĨ LIÊN	
1721	PHẠM NGỌC	ÁNH	01-May-04	60138898	7	7A1			NGÔ SĨ LIÊN	
1722	HOÀNG GIA	BẢO	11-Dec-04	60138880	7	7A1			NGÔ SĨ LIÊN	
1723	NGUYỄN NGỌC UYÊN	CHI	23-Aug-04	60138892	7	7A1			NGÔ SĨ LIÊN	
1724	ĐINH MẠNH	ĐẠT	07-Jan-04	60138876	7	7A1			NGÔ SĨ LIÊN	
1725	TRẦN TIẾN	ĐẠT	04-May-04	60138904	7	7A1			NGÔ SĨ LIÊN	
1726	VŨ QUANG	DŨNG	15-Jul-04	60138906	7	7A1			NGÔ SĨ LIÊN	
1727	VÕ LÊ VINH	HIỂN	11-Feb-04	60138905	7	7A1			NGÔ SĨ LIÊN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1728	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	HƯƠNG	25-Jun-04	60138891	7	7A1			NGÔ SĨ LIÊN	
1729	ĐỖ TRÍ	KHANG	25-Jun-04	60138878	7	7A1			NGÔ SĨ LIÊN	
1730	NGUYỄN GIA	KHÁNH	18-Jul-04	60138890	7	7A1			NGÔ SĨ LIÊN	
1731	TRẦN ĐĂNG	KHOA	26-Jun-04	60138902	7	7A1			NGÔ SĨ LIÊN	
1732	PHẠM VÕ TUẤN	KIỆT	19-May-04	60138899	7	7A1			NGÔ SĨ LIÊN	
1733	TRẦN THỊ MỸ	LINH	12-Jan-04	60138903	7	7A1			NGÔ SĨ LIÊN	
1734	ĐỖ TRẦN QUANG	NGHĨA	09-Mar-04	60138877	7	7A1			NGÔ SĨ LIÊN	
1735	BÙI DIỆP XUÂN	NHI	06-Jan-04	60138875	7	7A1			NGÔ SĨ LIÊN	
1736	LÊ NGUYỄN MINH	NHU'	28-Oct-04	60138885	7	7A1			NGÔ SĨ LIÊN	
1737	ĐOÀN NGUYỄN	PHÚC	13-Nov-04	60138879	7	7A1			NGÔ SĨ LIÊN	
1738	LÊ BÍCH	PHU'ONG	20-Feb-04	60138882	7	7A1			NGÔ SĨ LIÊN	
1739	LÊ BÙI NGUYỄN	QUỐC	9-Oct-04	60138883	7	7A1			NGÔ SĨ LIÊN	
1740	LÊ THỊ MINH	TÂM	01-May-04	60138886	7	7A1			NGÔ SĨ LIÊN	
1741	NGUYỄN PHÚ	THÀNH	14-Jan-04	60138894	7	7A1			NGÔ SĨ LIÊN	
1742	NGUYỄN NGỌC UYÊN	THẢO	05-Apr-04	60138893	7	7A1			NGÔ SĨ LIÊN	
1743	PHẠM CAO ĐAN	VY	13-Apr-04	60138897	7	7A1			NGÔ SĨ LIÊN	
1744	NGUYỄN BỬU KHÁNH	AN	08-Nov-04	60139850	7	7A1			NGUYỄN GIA THIỀU	
1745	NGUYỄN HUỲNH TRÚC	ANH	08-Sep-04	60139852	7	7A1			NGUYỄN GIA THIỀU	
1746	PHAN LÊ BẢO	CHÂU	18-Aug-04	60139858	7	7A1			NGUYỄN GIA THIỀU	
1747	LÊ HẠNH	DUNG	17-Jul-04	60139847	7	7A1			NGUYỄN GIA THIỀU	
1748	LÊ QUANG	KHÔI	07-Oct-04	60139848	7	7A1			NGUYỄN GIA THIỀU	
1749	ĐẶNG THÀNH	NHÂN	16-Feb-04	60139846	7	7A1			NGUYỄN GIA THIỀU	
1750	PHẠM MINH	QUÂN	08-Feb-04	60139856	7	7A1			NGUYỄN GIA THIỀU	
1751	CÙ NGỌC THÚY	VI	25-Apr-04	60139845	7	7A1			NGUYỄN GIA THIỀU	
1752	BÙI MINH	VỸ	29-Jan-04	60139844	7	7A1			NGUYỄN GIA THIỀU	
1753	NGUYỄN NGỌC MINH	ANH	26-Oct-04	60138432	7	7A1			THCS ÂU LẠC	
1754	NGUYỄN NGỌC TRIẾT	GIAO	7-May-04	60138434	7	7A1			THCS ÂU LẠC	
1755	NGUYỄN THỊ GIA	HÂN	16-Sep-04	60138437	7	7A1			THCS ÂU LẠC	
1756	NGUYỄN	KHIÊM	10-Mar-04	60138430	7	7A1			THCS ÂU LẠC	
1757	PHẠM THÁI VIỆT	LINH	6-May-04	60138440	7	7A1			THCS ÂU LẠC	
1758	LÊ THỊ TUYẾT	MAI	12-Feb-04	60138428	7	7A1			THCS ÂU LẠC	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1759	NGUYỄN ĐỨC	MINH	25-Feb-04	60138431	7	7A1			THCS ÂU LẠC	
1760	MAI NHẬT	NAM	22-Oct-04	60138429	7	7A1			THCS ÂU LẠC	
1761	HUỖNH THIỀU BẢO	NGHI	19-Nov-04	60138425	7	7A1			THCS ÂU LẠC	
1762	VÕ THANH KIM	NGỌC	06-Sep-04	60138442	7	7A1			THCS ÂU LẠC	
1763	DƯƠNG NGỌC LAN	NHI	10-Apr-04	60138423	7	7A1			THCS ÂU LẠC	
1764	ĐẶNG ĐỨC	PHÁT	6-Jan-04	60138420	7	7A1			THCS ÂU LẠC	
1765	HUỖNH YẾN	PHỤNG	15-May-04	60138426	7	7A1			THCS ÂU LẠC	
1766	ĐẶNG ĐỨC MINH	QUÂN	18-May-04	60138421	7	7A1			THCS ÂU LẠC	
1767	NGUYỄN NGỌC NHƯ	QUỲNH	23-Aug-04	60138433	7	7A1			THCS ÂU LẠC	
1768	TRẦN MINH ANH	THƯ	27-Oct-04	60138441	7	7A1			THCS ÂU LẠC	
1769	NGUYỄN THANH HOÀI	THƯƠNG	28-Oct-04	60138436	7	7A1			THCS ÂU LẠC	
1770	NGUYỄN THU	TRANG	21-Jan-04	60138439	7	7A1			THCS ÂU LẠC	
1771	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VÂN	28-Jun-04	60138438	7	7A1			THCS ÂU LẠC	
1772	LÊ NGUYỄN THẢO	VY	12-Nov-04	60138427	7	7A1			THCS ÂU LẠC	
1773	VÕ THỊ THÙY	VY	3-Aug-04	60138443	7	7A1			THCS ÂU LẠC	
1774	PHAN DUY	HOÀNG	15-Jan-04	60139494	7	7A1			TRƯỜNG CHINH	
1775	NGUYỄN DUY PHƯƠNG	MAI	14-Mar-04	60139493	7	7A1			TRƯỜNG CHINH	
1776	NGUYỄN XUÂN	SƠN	05-Mar-04	60139495	7	7A1			TRƯỜNG CHINH	
1777	HÀ THIÊN	ĐẠT	09-Jul-04	60138717	7	7A1			VỖ VĂN TÀN	
1778	NGUYỄN CAO KỶ	DUYÊN	27-Jul-04	60138727	7	7A1			VỖ VĂN TÀN	
1779	NGUYỄN HÀ HOÀNG	KHA	25-Aug-04	60138728	7	7A1			VỖ VĂN TÀN	
1780	KIỀU PHÚC	KHANG	07-Sep-04	60138719	7	7A1			VỖ VĂN TÀN	
1781	TRẦN THỊ NGỌC	MAI	29-Apr-04	60138740	7	7A1			VỖ VĂN TÀN	
1782	LÊ KIỀU THẢO	MY	15-Aug-04	60138722	7	7A1			VỖ VĂN TÀN	
1783	ĐỖ TỐ	NGUYỄN	22-Feb-04	60138716	7	7A1			VỖ VĂN TÀN	
1784	NGUYỄN HOÀNG	NGUYỄN	30-Jul-04	60138729	7	7A1			VỖ VĂN TÀN	
1785	PHẠM MINH	NGUYỆT	02-Oct-04	60138733	7	7A1			VỖ VĂN TÀN	
1786	TRẦN VŨ HƯƠNG	NHI	04-Feb-04	60138741	7	7A1			VỖ VĂN TÀN	
1787	THÔNG TRUNG	QUYỀN	18-Jun-04	60138736	7	7A1			VỖ VĂN TÀN	
1788	PHẠM NGỌC ĐAN	THANH	05-Oct-04	60138734	7	7A1			VỖ VĂN TÀN	
1789	LÊ NGỌC	THẢO	05-Jan-04	60138723	7	7A1			VỖ VĂN TÀN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1790	LÂM NGUYỄN ANH	THƯ	07-Feb-04	60138721	7	7A1			VỖ VĂN TÀN	
1791	YU VÕ GIA	TIỀN	23-Mar-04	60138742	7	7A1			VỖ VĂN TÀN	
1792	VÕ THỰC MINH	THƯ	11-Jun-04	60138444	7	7Á1			THCS ÂU LẠC	
1793	PHẠM ĐÌNH	CHƯƠNG	11-Mar-04	60127479	7	7A10			HOÀNG HOA THÁM	
1794	CHU ĐÌNH	NAM	23-Dec-04	60127469	7	7A10			HOÀNG HOA THÁM	
1795	NGUYỄN THANH	NGÂN	04-Oct-04	60127475	7	7A10			HOÀNG HOA THÁM	
1796	NGUYỄN TRẦN BẢO	TRÂN	18-Jan-04	60127477	7	7A10			HOÀNG HOA THÁM	
1797	HÀ PHƯƠNG	TRINH	06-Jan-04	60127471	7	7A10			HOÀNG HOA THÁM	
1798	NGUYỄN KIM	UYÊN	11-Mar-04	60127474	7	7A10			HOÀNG HOA THÁM	
1799	NGUYỄN VY	YẾN	16-Aug-04	60127478	7	7A10			HOÀNG HOA THÁM	
1800	TỪ HUỠNH THY	ANH	21-Nov-04	60138919	7	7A10			NGÔ SĨ LIÊN	
1801	NGUYỄN HOÀNG ÂN	THIÊN	07-May-04	60138912	7	7A10			NGÔ SĨ LIÊN	
1802	TRẦN	THỊNH	02-Jan-04	60138917	7	7A10			NGÔ SĨ LIÊN	
1803	LÊ HOÀNG LAN	TRINH	18-Jun-04	60138910	7	7A10			NGÔ SĨ LIÊN	
1804	NGUYỄN MINH	ANH	30-Jul-04	60139864	7	7A10			NGUYỄN GIA THIỀU	
1805	TRẦN VÕ QUỲNH	CHI	21-Mar-04	60139869	7	7A10			NGUYỄN GIA THIỀU	
1806	TRẦN BẢO	DUY	06-Feb-04	60139867	7	7A10			NGUYỄN GIA THIỀU	
1807	TRẦN MINH	HOÀN	23-Jan-04	60139868	7	7A10			NGUYỄN GIA THIỀU	
1808	NGUYỄN HOÀNG	NHI	12-Aug-04	60139861	7	7A10			NGUYỄN GIA THIỀU	
1809	LÊ NGỌC BẢO	NHƯ	16-Sep-04	60139860	7	7A10			NGUYỄN GIA THIỀU	
1810	QUÁCH THẾ	PHONG	15-Dec-04	60139866	7	7A10			NGUYỄN GIA THIỀU	
1811	ĐỖ LÊ HOÀNG	YẾN	03-Apr-04	60139859	7	7A10			NGUYỄN GIA THIỀU	
1812	LƯU HOÀNG MAI	PHƯƠNG	04-Sep-04	60139497	7	7A10			TRƯỜNG CHINH	
1813	HUỠNH QUỐC	TUẤN	10-Oct-04	60139496	7	7A10			TRƯỜNG CHINH	
1814	HOÀNG HUY	MINH	16-Jul-04	60138744	7	7A13			VỖ VĂN TÀN	
1815	NGUYỄN ĐỨC	HUY	29-Jan-04	60127483	7	7A15			HOÀNG HOA THÁM	
1816	ĐÌNH VIỆT	ĐỨC	15-Jan-04	60127485	7	7A16			HOÀNG HOA THÁM	
1817	HOÀNG VĨNH	KHÁNH	04-Jun-04	60127487	7	7A16			HOÀNG HOA THÁM	
1818	ĐỖ QUANG	THIỆN	15-Oct-04	60127486	7	7A16			HOÀNG HOA THÁM	
1819	PHẠM THÚY	HÀ	07-Oct-04	60127493	7	7A17			HOÀNG HOA THÁM	
1820	NGUYỄN TRỊNH BẢO	HÂN	15-Nov-04	60127492	7	7A17			HOÀNG HOA THÁM	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1821	ĐỖ QUỲNH	NHƯ	09-Feb-04	60127489	7	7A17			HOÀNG HOA THÁM	
1822	PHAN THỊ THANH	THẢO	16-Jan-04	60127494	7	7A17			HOÀNG HOA THÁM	
1823	NGUYỄN ĐỨC	TRUNG	18-Oct-04	60127495	7	7A18			HOÀNG HOA THÁM	
1824	HOÀNG PHƯƠNG	ANH	20-May-04	60127499	7	7A2			HOÀNG HOA THÁM	
1825	NGUYỄN ĐỒNG	ANH	14-Sep-04	60127502	7	7A2			HOÀNG HOA THÁM	
1826	PHAN HUY MINH	ANH	15-May-04	60127507	7	7A2			HOÀNG HOA THÁM	
1827	ĐINH TUẤN	KIỆT	08-Feb-04	60127496	7	7A2			HOÀNG HOA THÁM	
1828	HOÀNG NGỌC	LINH	28-Dec-04	60127497	7	7A2			HOÀNG HOA THÁM	
1829	NGUYỄN MINH PHÚC	NGUYỄN	25-Jan-04	60127506	7	7A2			HOÀNG HOA THÁM	
1830	NGUYỄN ANH	TUẤN	27-Feb-04	60127501	7	7A2			HOÀNG HOA THÁM	
1831	NGUYỄN ĐỨC	VĨNH	12-Dec-04	60127503	7	7A2			HOÀNG HOA THÁM	
1832	NGUYỄN ĐÌNH HOÀI	AN	04-Oct-04	60138933	7	7A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1833	ĐỖ NGUYỄN NGỌC VY	ANNA	07-Apr-04	60138926	7	7A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1834	NGUYỄN VIỆT	ĐỨC	25-Apr-04	60138937	7	7A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1835	ĐÌNH NGUYỆT	HÀ	27-Jul-04	60138925	7	7A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1836	LÊ NGỌC GIA	HÂN	14-Feb-04	60138930	7	7A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1837	TRẦN THANH	HUYỀN	30-Aug-04	60138943	7	7A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1838	PHAN GIA	KHANG	18-Feb-04	60138941	7	7A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1839	TRẦN KHÁNH	LINH	11-Nov-04	60138942	7	7A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1840	LƯƠNG HẢI	LONG	22-Apr-04	60138932	7	7A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1841	TRƯƠNG NGUYỄN NGỌC	MINH	07-Jan-04	60138944	7	7A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1842	NGUYỄN TRẦN YẾN	NHI	16-Aug-04	60138936	7	7A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1843	PHẠM NAM	PHƯƠNG	01-Oct-04	60138939	7	7A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1844	NGUYỄN XUÂN	QUÂN	22-Sep-04	60138938	7	7A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1845	HUỲNH HUNG HUYỀN	THOẠI	17-Oct-04	60138929	7	7A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1846	LÊ NGỌC THANH	TRÚC	02-Aug-04	60138931	7	7A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1847	DƯƠNG ANH	TUẤN	11-Dec-04	60138927	7	7A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1848	DƯƠNG TRIỆU	VY	23-Mar-04	60138928	7	7A2			NGÔ SĨ LIÊN	
1849	DƯƠNG NGỌC MỸ	HẠNH	04-Jan-04	60139871	7	7A2			NGUYỄN GIA THIỀU	
1850	LÊ THIÊN	HOÀN	13-Mar-04	60138446	7	7A2			THCS ÂU LẠC	
1851	NGUYỄN THỊ THANH	HƯƠNG	15-Jun-04	60138449	7	7A2			THCS ÂU LẠC	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1852	TRẦN NGUYỄN LINH	NHU	13-Mar-04	60138450	7	7A2			THCS ÂU LẠC	
1853	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	UYÊN	29-Jun-04	60138448	7	7A2			THCS ÂU LẠC	
1854	NGUYỄN ĐẶNG TƯỜNG	VY	7-Oct-04	60138447	7	7A2			THCS ÂU LẠC	
1855	LÝ GIA	HUNG	28-Nov-04	60139500	7	7A2			TRƯỜNG CHINH	
1856	LÊ MINH	THÚ	17-Jun-04	60139498	7	7A2			TRƯỜNG CHINH	
1857	NGUYỄN TRẦN NHẬT	ĐẠT	19-Jul-04	60138754	7	7A2			VỖ VĂN TÀN	
1858	LÊ THỊ HỒNG	HẠNH	12-Jun-04	60138750	7	7A2			VỖ VĂN TÀN	
1859	HUỲNH NHẬT	MINH	16-Mar-04	60138747	7	7A2			VỖ VĂN TÀN	
1860	NGUYỄN NHẬT	NAM	18-Feb-04	60138753	7	7A2			VỖ VĂN TÀN	
1861	HÀ MỸ	NGỌC	11-Jan-04	60138745	7	7A2			VỖ VĂN TÀN	
1862	PHAN TRUNG	NGUYỄN	30-Jan-04	60138756	7	7A2			VỖ VĂN TÀN	
1863	TĂNG NGÔ GIA	PHÚ	11-Jan-04	60138757	7	7A2			VỖ VĂN TÀN	
1864	LÊ NGUYỄN HUNG	THỊNH	07-Mar-04	60138748	7	7A2			VỖ VĂN TÀN	
1865	LÊ PHÚC NHƯ	THÙY	30-Nov-04	60138749	7	7A2			VỖ VĂN TÀN	
1866	NGUYỄN HỒ THU	VÂN	01-Jul-04	60138751	7	7A2			VỖ VĂN TÀN	
1867	TRẦN GIA	BẢO	16-Jan-04	60127512	7	7A3			HOÀNG HOA THÁM	
1868	ĐỖ HUY	THỌ	18-Jan-04	60127509	7	7A3			HOÀNG HOA THÁM	
1869	DƯƠNG NHẬT TƯỜNG	VI	14-Sep-04	60127510	7	7A3			HOÀNG HOA THÁM	
1870	LŨ ĐÌNH QUỐC	BẢO	14-Jul-04	60138949	7	7A3			NGÔ SĨ LIÊN	
1871	TẠ ĐỖ QUANG	ĐÔNG	26-Mar-04	60138956	7	7A3			NGÔ SĨ LIÊN	
1872	NGUYỄN ANH AN	KHANG	14-Dec-04	60138951	7	7A3			NGÔ SĨ LIÊN	
1873	NGUYỄN HÀ	MY	19-Oct-04	60138952	7	7A3			NGÔ SĨ LIÊN	
1874	VŨ GIANG HOÀNG	NGÂN	12-Nov-04	60139876	7	7A3			NGUYỄN GIA THIỀU	
1875	NGUYỄN TỔNG DUY	ANH	25-Sep-04	60138454	7	7A3			THCS ÂU LẠC	
1876	NGUYỄN ĐỨC ANH	HÀO	20-Oct-04	60138452	7	7A3			THCS ÂU LẠC	
1877	TRẦN TRUNG	HIẾU	8-Apr-04	60138459	7	7A3			THCS ÂU LẠC	
1878	VŨ SỸ	HỌC	1-Jun-04	60138461	7	7A3			THCS ÂU LẠC	
1879	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	NHẬT	15-Feb-04	60138456	7	7A3			THCS ÂU LẠC	
1880	TRẦN NGỌC UYÊN	NHI	29-May-04	60138458	7	7A3			THCS ÂU LẠC	
1881	BÙI THẾ	TÙNG	15-Apr-04	60138451	7	7A3			THCS ÂU LẠC	
1882	PHẠM HOÀNG	VÂN	16-Jul-04	60138457	7	7A3			THCS ÂU LẠC	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1883	TRẦN VŨ	HOÀNG	28-Mar-04	60139517	7	7A3			TRƯỜNG CHINH	
1884	VƯƠNG QUỐC	HÙNG	11-Jul-04	60139520	7	7A3			TRƯỜNG CHINH	
1885	LÊ THÙY	LINH	24-Oct-04	60139511	7	7A3			TRƯỜNG CHINH	
1886	LÊ ANH	MINH	09-Nov-04	60139509	7	7A3			TRƯỜNG CHINH	
1887	NGUYỄN HUỖNH YẾN	NHI	28-Mar-04	60139512	7	7A3			TRƯỜNG CHINH	
1888	THÂN NGỌC DIỄM	QUỲNH	10-May-04	60139514	7	7A3			TRƯỜNG CHINH	
1889	TRẦN HOÀNG	CHÂU	13-May-04	60138766	7	7A3			VỖ VĂN TÀN	
1890	LÝ TRƯỜNG	KHÔI	25-Mar-04	60138762	7	7A3			VỖ VĂN TÀN	
1891	NGUYỄN TƯỜNG	MAI	21-Oct-04	60138765	7	7A3			VỖ VĂN TÀN	
1892	LÊ ĐỨC	MẠNH	21-Dec-04	60138761	7	7A3			VỖ VĂN TÀN	
1893	TRẦN VĂN MINH	TIẾN	01-Dec-04	60138767	7	7A3			VỖ VĂN TÀN	
1894	NGUYỄN MINH	TÚ	30-Jul-04	60138763	7	7A3			VỖ VĂN TÀN	
1895	HỒ NGUYỄN TÂM	ANH	20-Dec-04	60127515	7	7A4			HOÀNG HOA THÁM	
1896	LÊ HOÀNG GIA	HÂN	10-Jan-04	60127516	7	7A4			HOÀNG HOA THÁM	
1897	PHAN MINH THỦY	TRÂM	09-Jul-04	60127518	7	7A4			HOÀNG HOA THÁM	
1898	NGUYỄN GIA	ANH	8-Aug-04	60139878	7	7A4			NGUYỄN GIA THIỀU	
1899	TRẦN QUANG	CHÁNH	19-Aug-04	60139881	7	7A4			NGUYỄN GIA THIỀU	
1900	NGUYỄN TRẦN QUỐC	ĐẠT	27-Dec-04	60139879	7	7A4			NGUYỄN GIA THIỀU	
1901	VŨ KHÁNH	HOÀNG	01-Dec-04	60139882	7	7A4			NGUYỄN GIA THIỀU	
1902	ĐỖ VÂN	KHANH	23-Aug-04	60139877	7	7A4			NGUYỄN GIA THIỀU	
1903	PHẠM HOÀNG	PHỐ	10-Sep-04	60139880	7	7A4			NGUYỄN GIA THIỀU	
1904	LÊ HỒNG	ANH	6-Nov-04	60138462	7	7A4			THCS ÂU LẠC	
1905	NGUYỄN ĐỨC	ANH	31-Aug-04	60138463	7	7A4			THCS ÂU LẠC	
1906	PHAN THU	HƯƠNG	09-Jan-04	60138469	7	7A4			THCS ÂU LẠC	
1907	TRẦN ĐỨC	HUYNH	25-Apr-04	60138472	7	7A4			THCS ÂU LẠC	
1908	TẠ THỊ QUỲNH	NGA	06-Jul-04	60138470	7	7A4			THCS ÂU LẠC	
1909	TRẦN ĐẠI	QUANG	01-Jun-04	60138471	7	7A4			THCS ÂU LẠC	
1910	NGUYỄN THANH	THẢO	03-Feb-04	60138467	7	7A4			THCS ÂU LẠC	
1911	LÊ THỊ HUYỀN	DIỆU	05-Sep-04	60139522	7	7A4			TRƯỜNG CHINH	
1912	NGUYỄN NGUYỄN	HẢI	06-May-04	60139528	7	7A4			TRƯỜNG CHINH	
1913	PHẠM HOÀNG	PHÚC	16-Jun-04	60139530	7	7A4			TRƯỜNG CHINH	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1914	LUU NGUYỄN THANH	THU'	16-Aug-04	60139525	7	7A4			TRƯỜNG CHINH	
1915	NGUYỄN VÕ ANH	THU'	09-Nov-04	60139529	7	7A4			TRƯỜNG CHINH	
1916	NGUYỄN TUẤN	ANH	20-Jul-04	60138794	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1917	CAO MỸ	BÌNH	09-Jun-04	60138768	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1918	HỒ HỮU	ĐẠI	10-Mar-04	60138771	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1919	HỒ LƯƠNG MỸ	DUYÊN	01-Jun-04	60138772	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1920	NGUYỄN NGỌC KỶ	DUYÊN	20-Jun-04	60138784	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1921	NGUYỄN NGỌC PHÚC	DUYÊN	11-Jun-04	60138785	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1922	LÊ ĐẶNG NGÂN	HÀ	23-Dec-04	60138777	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1923	TRẦN VĨNH	HÒA	17-Sep-04	60138801	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1924	HỒ PHƯỚC	HOÀN	17-Mar-04	60138773	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1925	PHÙNG QUỐC	HUNG	24-Sep-04	60138799	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1926	LÊ BÁ	KHANH	16-Mar-04	60138776	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1927	ĐẶNG QUANG	KHÁNH	20-Nov-04	60138769	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1928	HUỲNH ĐĂNG	KHOA	10-Sep-04	60138774	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1929	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	09-Oct-04	60138791	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1930	NGUYỄN PHÙNG XUÂN	MAI	08-Feb-04	60138789	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1931	TRỊNH CHÂU TẤN	MINH	01-Jan-04	60138802	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1932	HUỲNH GIÁNG	MY	25-Sep-04	60138775	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1933	LÊ NGUYỄN THANH	NGÂN	10-Jun-04	60138780	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1934	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	NGHI	17-Oct-04	60138786	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1935	PHẠM HỒ TUỜNG	NGUYỄN	13-Dec-04	60138795	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1936	ĐỖ TRỌNG	NHÂN	27-Dec-04	60138770	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1937	NGUYỄN TRẦN KIỀU	NHI	01-Sep-04	60138792	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1938	NGUYỄN TRẦN TUỆ	NHI	09-Nov-04	60138793	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1939	PHẠM QUANG ĐẠI	PHÚC	24-Aug-04	60138797	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1940	NGUYỄN NHƯ'	QUỲNH	03-Mar-04	60138788	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1941	NGUYỄN PHƯƠNG	QUỲNH	04-Mar-04	60138790	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1942	LÊ TRẦN MINH	TÂM	15-Oct-04	60138781	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1943	LÝ THU	THẢO	12-Jan-04	60138783	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1944	TRẦN TIẾN	THỊNH	06-Oct-04	60138800	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1945	PHẠM NGỌC KIM	THU'	17-Jun-04	60138796	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1946	TRỊNH MINH	THU'	27-Oct-04	60138803	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1947	LÊ DƯƠNG CẨM	TÚ	25-Oct-04	60138778	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1948	NGUYỄN NGỌC THÙY	VÂN	04-May-04	60138787	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1949	LÊ VŨ CÔNG	VINH	07-Mar-04	60138782	7	7A4			VỖ VĂN TÀN	
1950	BÙI NGỌC	CHÂU	17-Dec-04	60127519	7	7A5			HOÀNG HOA THÁM	
1951	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	09-Nov-04	60127525	7	7A5			HOÀNG HOA THÁM	
1952	NGUYỄN THIÊN	ĐỊNH	16-Mar-04	60127528	7	7A5			HOÀNG HOA THÁM	
1953	ĐẶNG NGUYỄN ÁI	HUYỀN	28-Jan-04	60127520	7	7A5			HOÀNG HOA THÁM	
1954	TRẦN GIA	NGHI	14-Mar-04	60127532	7	7A5			HOÀNG HOA THÁM	
1955	TRẦN NHƯ KIM	NGỌC	16-Aug-04	60127533	7	7A5			HOÀNG HOA THÁM	
1956	VŨ NGỌC	TRUNG	29-Jun-04	60127535	7	7A5			HOÀNG HOA THÁM	
1957	NGUYỄN TRẦN MINH	PHƯƠNG	12-Jul-04	60138960	7	7A5			NGÔ SĨ LIÊN	
1958	ĐỖ VŨ UYÊN	THẢO	03-Sep-04	60138957	7	7A5			NGÔ SĨ LIÊN	
1959	TRẦN NGUYỄN UYÊN	TRANG	25-Aug-04	60138962	7	7A5			NGÔ SĨ LIÊN	
1960	QUÁCH NGỌC MINH	ANH	04-Nov-04	60127552	7	7A6			HOÀNG HOA THÁM	
1961	NGUYỄN TRẦN GIA	BẢO	02-Dec-04	60127551	7	7A6			HOÀNG HOA THÁM	
1962	HÀ GIA	HÂN	24-Sep-04	60127539	7	7A6			HOÀNG HOA THÁM	
1963	NGUYỄN NGỌC	HUYỀN	06-Dec-04	60127547	7	7A6			HOÀNG HOA THÁM	
1964	BÙI UYÊN	LAM	19-Jan-04	60127536	7	7A6			HOÀNG HOA THÁM	
1965	TRẦN NHẬT	LINH	11-Aug-04	60127556	7	7A6			HOÀNG HOA THÁM	
1966	LÊ ĐĂNG	MẠNH	27-Jan-04	60127543	7	7A6			HOÀNG HOA THÁM	
1967	HỒ ĐĂNG	PHÚC	12-Jul-04	60127540	7	7A6			HOÀNG HOA THÁM	
1968	ĐOÀN ANH	TUẤN	09-Mar-04	60127538	7	7A6			HOÀNG HOA THÁM	
1969	PHẠM LÊ DIỆU	ANH	30-Aug-04	60138999	7	7A6			NGÔ SĨ LIÊN	
1970	NGÔ TRỌNG	ĐĂNG	02-Aug-04	60138980	7	7A6			NGÔ SĨ LIÊN	
1971	NGUYỄN HUỲNH TRIỀU	GIA	19-Oct-04	60138986	7	7A6			NGÔ SĨ LIÊN	
1972	NGUYỄN THU	HIỀN	15-Mar-04	60138994	7	7A6			NGÔ SĨ LIÊN	
1973	LÊ VŨ PHƯƠNG	LINH	30-Mar-04	60138978	7	7A6			NGÔ SĨ LIÊN	
1974	NGUYỄN ĐOÀN KHÁNH	LINH	15-Oct-04	60138983	7	7A6			NGÔ SĨ LIÊN	
1975	NGUYỄN PHẠM KHÁNH	MAI	10-Feb-04	60138989	7	7A6			NGÔ SĨ LIÊN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
1976	NGUYỄN QUANG	MINH	26-Oct-04	60138992	7	7A6			NGÔ SĨ LIÊN	
1977	ĐẬU AN	NHI	07-Oct-04	60138968	7	7A6			NGÔ SĨ LIÊN	
1978	LÊ NHẬT	PHƯƠNG	25-Dec-04	60138976	7	7A6			NGÔ SĨ LIÊN	
1979	TRẦN HOÀNG	YẾN	30-Dec-04	60139004	7	7A6			NGÔ SĨ LIÊN	
1980	HUỲNH KIM MỸ	KIM	17-Jan-04	60138476	7	7A6			THCS ÂU LẠC	
1981	LÊ NGÔ NHƯ	QUỲNH	16-Nov-04	60138477	7	7A6			THCS ÂU LẠC	
1982	LÊ NGUYỄN ÁI	LIÊN	13-Aug-04	60138806	7	7A6			VỖ VĂN TÀN	
1983	DƯƠNG HỒNG	MINH	09-Aug-04	60138805	7	7A6			VỖ VĂN TÀN	
1984	BÙI LÊ QUỲNH	NHI	22-May-04	60138804	7	7A6			VỖ VĂN TÀN	
1985	PHAN QUANG	THIỆN	07-Jun-03	60138808	7	7A6			VỖ VĂN TÀN	
1986	NGUYỄN NGỌC	ANH	02-Jun-04	60127564	7	7A7			HOÀNG HOA THÁM	
1987	TRẦN QUANG	BÌNH	12-Nov-04	60127569	7	7A7			HOÀNG HOA THÁM	
1988	NGUYỄN THẾ	ĐỨC	25-Oct-04	60127566	7	7A7			HOÀNG HOA THÁM	
1989	TẠ NGUYỄN MINH	HÀNG	10-Sep-04	60127568	7	7A7			HOÀNG HOA THÁM	
1990	BÙI HỒNG	KHẢI	01-Jan-04	60127560	7	7A7			HOÀNG HOA THÁM	
1991	NGUYỄN NGỌC HOÀNG	PHƯƠNG	19-Sep-04	60127565	7	7A7			HOÀNG HOA THÁM	
1992	PHAN NGUYỄN ANH	TUẤN	09-May-04	60127567	7	7A7			HOÀNG HOA THÁM	
1993	ĐẬU QUANG	VỸ	09-Jul-04	60139009	7	7A7			NGÔ SĨ LIÊN	
1994	TRẦN TUỖNG MINH	KHANG	31-Aug-04	60139888	7	7A7			NGUYỄN GIA THIỀU	
1995	PHẠM NHƯ	QUỲNH	21-Apr-04	60139887	7	7A7			NGUYỄN GIA THIỀU	
1996	VỖ LÂM HOÀI	TRUNG	04-Mar-04	60139890	7	7A7			NGUYỄN GIA THIỀU	
1997	ĐOÀN HOÀNG	VƯỢNG	03-May-04	60139885	7	7A7			NGUYỄN GIA THIỀU	
1998	TRƯƠNG TRẦN BẢO	CHÂU	08-Sep-04	60138813	7	7A7			VỖ VĂN TÀN	
1999	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	KHANH	06-Aug-04	60138811	7	7A7			VỖ VĂN TÀN	
2000	HÀ HOÀNG YẾN	MY	05-Jan-04	60138810	7	7A7			VỖ VĂN TÀN	
2001	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	23-Jul-04	60127574	7	7A8			HOÀNG HOA THÁM	
2002	BÙI LÊ HOÀNG	LÂM	02-Dec-04	60127570	7	7A8			HOÀNG HOA THÁM	
2003	TRẦN VIỆT	PHÚ	01-Nov-04	60127575	7	7A8			HOÀNG HOA THÁM	
2004	HOÀNG MINH	PHƯƠNG	29-Nov-04	60127572	7	7A8			HOÀNG HOA THÁM	
2005	LÊ UYÊN	PHƯƠNG	17-Sep-04	60127573	7	7A8			HOÀNG HOA THÁM	
2006	NGUYỄN MINH	THƯ	20-Feb-04	60139016	7	7A8			NGÔ SĨ LIÊN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2007	ĐỖ LÊ BẢO	TRÂM	25-Nov-04	60139014	7	7A8			NGÔ SĨ LIÊN	
2008	TRẦN BUI TUYẾT	TRÂN	20-Jun-04	60139019	7	7A8			NGÔ SĨ LIÊN	
2009	BUI HOÀNG	TRINH	27-May-04	60139012	7	7A8			NGÔ SĨ LIÊN	
2010	PHẠM THỊ HÀ	VY	20-Feb-04	60139017	7	7A8			NGÔ SĨ LIÊN	
2011	ĐÀM THẬN	QUÝ	02-Dec-04	60138480	7	7A8			THCS ÂU LẠC	
2012	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG	QUỲNH	16-Nov-04	60138485	7	7A8			THCS ÂU LẠC	
2013	NGÔ VIỆT	HUNG	19-Apr-04	60127577	7	7A9			HOÀNG HOA THÁM	
2014	THIỀU THỊ NGUYỆT	ANH	22-Apr-04	60139038	7	7A9			NGÔ SĨ LIÊN	
2015	NGUYỄN ĐẶNG NGỌC	ÁNH	28-Oct-04	60139030	7	7A9			NGÔ SĨ LIÊN	
2016	NGUYỄN TUẤN	HIỆP	16-Feb-04	60139036	7	7A9			NGÔ SĨ LIÊN	
2017	NGUYỄN BẢO	HUY	03-May-04	60139029	7	7A9			NGÔ SĨ LIÊN	
2018	NGUYỄN QUANG	HUY	13-Jan-04	60139032	7	7A9			NGÔ SĨ LIÊN	
2019	NGUYỄN QUỲNH	MAI	29-Nov-04	60139033	7	7A9			NGÔ SĨ LIÊN	
2020	TRẦN MINH	NGHĨA	04-Aug-04	60139040	7	7A9			NGÔ SĨ LIÊN	
2021	CHU TRẦN BẢO	NGỌC	21-Mar-04	60139022	7	7A9			NGÔ SĨ LIÊN	
2022	LÂM TẤN	PHÚ	24-Jun-04	60139028	7	7A9			NGÔ SĨ LIÊN	
2023	TRẦN KHÁNH	QUANG	09-Sep-04	60139039	7	7A9			NGÔ SĨ LIÊN	
2024	HÀ ĐÌNH QUANG	THIÊN	05-May-04	60139025	7	7A9			NGÔ SĨ LIÊN	
2025	NGUYỄN THỦY CÁT	TIÊN	09-Nov-04	60139035	7	7A9			NGÔ SĨ LIÊN	
2026	TRƯƠNG PHẠM THÁI	AN	10-Sep-04	60139899	7	7A9			NGUYỄN GIA THIỀU	
2027	HÀ PHƯƠNG	ANH	22-Aug-04	60139893	7	7A9			NGUYỄN GIA THIỀU	
2028	ĐẬU TRẦN MINH	HOÀNG	12-Aug-04	60139892	7	7A9			NGUYỄN GIA THIỀU	
2029	PHẠM VIỆT	HÙNG	14-Feb-04	60139897	7	7A9			NGUYỄN GIA THIỀU	
2030	LÊ MINH	KHÔI	25-Apr-04	60139895	7	7A9			NGUYỄN GIA THIỀU	
2031	TRƯƠNG THỤ	NHÂN	08-Oct-04	60139900	7	7A9			NGUYỄN GIA THIỀU	
2032	TẶNG NGUYỄN HOÀNG	NHI	16-Nov-04	60139898	7	7A9			NGUYỄN GIA THIỀU	
2033	PHẠM HOÀNG KHÁNH	VY	22-Oct-04	60139896	7	7A9			NGUYỄN GIA THIỀU	
2034	BẢO PHẠM DOANH	DOANH	04-Jun-04	60138489	7	7A9			THCS ÂU LẠC	
2035	MAI SĨ	HIẾU	06-Jul-04	60138490	7	7A9			THCS ÂU LẠC	
2036	PHAN VĂN HIỀN	NHÂN	05-May-04	60139533	7	7A9			TRƯỜNG CHINH	
2037	NGUYỄN XUÂN	AN	29-Jan-04	60138819	7	7A9			VỖ VĂN TÀN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2038	HUỲNH THỊ NGỌC	ÁNH	31-Mar-04	60138815	7	7A9			VỖ VĂN TÀN	
2039	HUỲNH NGỌC XUÂN	AN	10-Dec-03	60139728	8	8.1			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2040	NGUYỄN	HOÀNG	23-Aug-03	60139729	8	8.1			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2041	TRẦN THANH	LỊCH	09-Mar-03	60139730	8	8.1			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2042	LÂM PHƯƠNG	ANH	08-Dec-03	60138215	8	8.1			QUANG TRUNG	
2043	NGÔ CAO THÙY	ANH	27-Apr-03	60138218	8	8.1			QUANG TRUNG	
2044	TRẦN NGỌC ÁNH	DƯƠNG	24-Dec-03	60138238	8	8.1			QUANG TRUNG	
2045	PHẠM ĐẶNG SƠN	HÀ	02-Mar-03	60138234	8	8.1			QUANG TRUNG	
2046	NGUYỄN MAI THỰC	HÂN	15-Jan-03	60138224	8	8.1			QUANG TRUNG	
2047	NGUYỄN QUỐC MAI	HOA	02-Oct-03	60138230	8	8.1			QUANG TRUNG	
2048	HÀ LƯƠNG GIA	HUY	27-Jul-03	60138211	8	8.1			QUANG TRUNG	
2049	TRẦN THÙY	LINH	12-Oct-03	60138241	8	8.1			QUANG TRUNG	
2050	NGUYỄN HỮU QUANG	MINH	17-Jun-03	60138222	8	8.1			QUANG TRUNG	
2051	NGUYỄN NGỌC TRÀ	MY	06-Jul-03	60138228	8	8.1			QUANG TRUNG	
2052	HỒ THỊ THANH	NGÂN	29-Dec-03	60138213	8	8.1			QUANG TRUNG	
2053	NGUYỄN NGỌC KIM	NGÂN	20-May-03	60138226	8	8.1			QUANG TRUNG	
2054	PHÙNG NGỌC ĐÔNG	NGHI	09-Apr-03	60138235	8	8.1			QUANG TRUNG	
2055	HÀ BẢO	NGỌC	03-Dec-03	60138210	8	8.1			QUANG TRUNG	
2056	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	03-Feb-03	60138233	8	8.1			QUANG TRUNG	
2057	VŨ THẢO	NGUYỄN	12-Jun-03	60138244	8	8.1			QUANG TRUNG	
2058	TRẦN VƯƠNG THẢO	NHI	08-Aug-03	60138242	8	8.1			QUANG TRUNG	
2059	VỖ HÀ YẾN	NHI	24-Jul-03	60138243	8	8.1			QUANG TRUNG	
2060	LÊ NGUYỄN THẢO	QUYÊN	02-Jul-03	60138217	8	8.1			QUANG TRUNG	
2061	NGUYỄN NGỌC HIỀN	THANH	02-Sep-03	60138225	8	8.1			QUANG TRUNG	
2062	NGÔ THỊ THANH	THẢO	03-Sep-03	60138220	8	8.1			QUANG TRUNG	
2063	THIỆU PHẠM THANH	THẢO	14-May-03	60138236	8	8.1			QUANG TRUNG	
2064	HIỀN NGỌC	THỊNH	09-Nov-03	60138212	8	8.1			QUANG TRUNG	
2065	TRẦN NGUYỄN GIA	THUẬN	01-Jul-03	60138240	8	8.1			QUANG TRUNG	
2066	TRẦN MỸ	TIÊN	06-Jul-03	60138237	8	8.1			QUANG TRUNG	
2067	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂM	25-Jun-03	60138232	8	8.1			QUANG TRUNG	
2068	NGÔ THỊ BẢO	TRÂN	08-Aug-03	60138219	8	8.1			QUANG TRUNG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2069	NGUYỄN THANH	TRÚC	10-Sep-03	60138231	8	8.1			QUANG TRUNG	
2070	LA THỊ CẨM	TÚ	29-Oct-03	60138214	8	8.1			QUANG TRUNG	
2071	TRẦN NGỌC YẾN	VI	16-Jun-03	60138239	8	8.1			QUANG TRUNG	
2072	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VY	13-Aug-03	60138229	8	8.1			QUANG TRUNG	
2073	NGUYỄN NGỌC ĐAN	THANH	26-Jul-03	60139732	8	8.2			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2074	YU HUỆ	VÂN	01-Jun-03	60139733	8	8.2			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2075	VÕ HẢI	ÂU	08-Jan-03	60139736	8	8.3			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2076	NGUYỄN THU	HÀ	02-Jul-03	60139735	8	8.3			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2077	NGUYỄN LÊ GIA	MÃN	10-Oct-03	60139734	8	8.3			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2078	VŨ HỒNG	QUYÊN	03-Nov-03	60139737	8	8.3			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2079	VŨ NGỌC	THƯ	17-Aug-03	60139738	8	8.3			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2080	NGUYỄN HUỲNH QUỐC	ĐẠT	11-Sep-03	60139740	8	8.4			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2081	TRẦN VIỆT	ANH	09-Apr-03	60139744	8	8.5			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2082	VŨ PHƯƠNG	THẢO	28-May-03	60139745	8	8.5			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2083	NGUYỄN HOÀNG MINH	THƯ	14-May-03	60139743	8	8.5			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2084	NGUYỄN LÊ	GIANG	12-Mar-03	60138251	8	8.5			QUANG TRUNG	
2085	DƯƠNG GIA	HÂN	21-Jul-03	60138247	8	8.5			QUANG TRUNG	
2086	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	NHI	01-Nov-03	60138249	8	8.5			QUANG TRUNG	
2087	PHẠM HUỲNH ANH	THƯ	24-Aug-03	60138252	8	8.5			QUANG TRUNG	
2088	LÊ NGUYỄN THÙY	UYÊN	10-Feb-03	60138250	8	8.5			QUANG TRUNG	
2089	ĐỖ PHAN ANH	VIỆT	10-Nov-03	60138246	8	8.5			QUANG TRUNG	
2090	HỒ TẤN	VŨ	08-Oct-03	60138248	8	8.5			QUANG TRUNG	
2091	LÂM NHẬT	TIẾN	10-Jan-03	60139747	8	8.6			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2092	NGÔ THỊ THANH	TRÚC	16-Feb-03	60139748	8	8.6			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2093	TRƯƠNG NGUYỄN QUANG	HUY	07-Apr-03	60139753	8	8.7			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2094	PHAN NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	17-Jan-03	60139751	8	8.7			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2095	HỒ NGUYỄN MINH	THƠ	31-Aug-03	60139749	8	8.7			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2096	TRẦN THANH	TIẾN	15-Jun-03	60139752	8	8.7			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2097	LÊ MINH	HUY	24-Oct-03	60139754	8	8.8			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2098	LIÊU VĂN	TÀI	07-Jan-03	60139755	8	8.8			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2099	LÊ HY	THỨC	26-Mar-03	60139756	8	8.9			LÝ THƯỜNG KIỆT	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2100	NGUYỄN HUỲNH MAI	THY	15-Mar-03	60139757	8	8.9			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2101	LÊ QUANG	KHƯƠNG	11-May-03	60138822	8	8/1			PHAM NGOC THACH	
2102	DƯƠNG PHẠM MI	VI	20-Dec-03	60138821	8	8/1			PHAM NGOC THACH	
2103	ĐẶNG HỒNG	HẢI	26-Oct-03	60139246	8	8/1			THCS TÂN BÌNH	
2104	HỒ THANH	HÀNG	23-Feb-03	60139248	8	8/1			THCS TÂN BÌNH	
2105	HÀ KHÁNH	PHƯƠNG	24-Nov-03	60139247	8	8/1			THCS TÂN BÌNH	
2106	NGUYỄN XUÂN	PHƯƠNG	23-May-03	60139250	8	8/1			THCS TÂN BÌNH	
2107	TRẦN Ý	VY	28-Jul-03	60139251	8	8/1			THCS TÂN BÌNH	
2108	NGUYỄN HỮU PHÚC	GIA	29-Oct-03	60138598	8	8/1			TRẦN VĂN ĐANG	
2109	THÁI THIÊN	KIM	01-Nov-03	60138604	8	8/1			TRẦN VĂN ĐANG	
2110	NGUYỄN NGỌC THẢO	LY	11-Dec-03	60138600	8	8/1			TRẦN VĂN ĐANG	
2111	NGÔ VIỆT HOÀNG	MINH	20-Nov-03	60138597	8	8/1			TRẦN VĂN ĐANG	
2112	DƯƠNG HẢI	MY	31-Mar-03	60138594	8	8/1			TRẦN VĂN ĐANG	
2113	NGUYỄN NGÔ THẢO	NHI	20-Jan-03	60138599	8	8/1			TRẦN VĂN ĐANG	
2114	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	29-Dec-03	60138602	8	8/1			TRẦN VĂN ĐANG	
2115	NGUYỄN NHẬT MINH	TÂN	08-Oct-03	60138601	8	8/1			TRẦN VĂN ĐANG	
2116	ĐÌNH PHẠM ANH	THƯ	31-Jul-02	60138593	8	8/1			TRẦN VĂN ĐANG	
2117	ĐÌNH NGỌC PHƯƠNG	TRANG	21-Oct-03	60138592	8	8/1			TRẦN VĂN ĐANG	
2118	NGÔ MINH	TRANG	13-Jul-03	60138596	8	8/1			TRẦN VĂN ĐANG	
2119	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	26-Nov-03	60138595	8	8/1			TRẦN VĂN ĐANG	
2120	NGUYỄN HOÀNG THIÊN	PHÚC	26-Mar-03	60120633	8	8/13			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2121	HÀ NGÔ CHÍ	THỊNH	05-Mar-03	60120632	8	8/13			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2122	NGUYỄN QUANG	TIẾN	03-Mar-03	60120634	8	8/13			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2123	LÊ HỮU	ẤN	10-Jun-03	60139256	8	8/13			THCS TÂN BÌNH	
2124	PHẠM TRẦN KHÁNH	DU	08-Jun-03	60139271	8	8/13			THCS TÂN BÌNH	
2125	MAI GIA	HUY	27-Jun-03	60139258	8	8/13			THCS TÂN BÌNH	
2126	THÁI MINH	KIÊN	24-Aug-03	60139272	8	8/13			THCS TÂN BÌNH	
2127	NGUYỄN ĐÔNG	NGHI	29-Jul-03	60139263	8	8/13			THCS TÂN BÌNH	
2128	HOÀNG MINH BÍCH	NGỌC	03-Sep-02	60139254	8	8/13			THCS TÂN BÌNH	
2129	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	01-Jan-03	60139267	8	8/13			THCS TÂN BÌNH	
2130	NGUYỄN ĐĂNG	PHÚ	16-Jul-03	60139259	8	8/13			THCS TÂN BÌNH	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2131	DIỆP HỒ TÚ	QUYÊN	01-Jan-03	60139253	8	8/13			THCS TÂN BÌNH	
2132	NGUYỄN ĐỖ HY	THANH	04-Jun-03	60139261	8	8/13			THCS TÂN BÌNH	
2133	PHẠM NGUYỄN XUÂN	THÚY	02-May-03	60139270	8	8/13			THCS TÂN BÌNH	
2134	NGUYỄN ĐOÀN NGỌC	TRÂM	23-Mar-03	60139262	8	8/13			THCS TÂN BÌNH	
2135	NGUYỄN ĐĂNG	TRÌNH	31-Jan-03	60139260	8	8/13			THCS TÂN BÌNH	
2136	LÊ ĐOÀN PHƯƠNG	UYÊN	29-Nov-03	60139255	8	8/13			THCS TÂN BÌNH	
2137	TRƯƠNG HOÀNG PHƯƠNG	UYÊN	30-Nov-03	60139274	8	8/13			THCS TÂN BÌNH	
2138	PHẠM MINH TUYẾT	ANH	16-Feb-03	60120647	8	8/14			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2139	NGUYỄN THỊ KIỀU	DUNG	02-Sep-03	60120644	8	8/14			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2140	LUU TRÁC	HẢI	5-Nov-03	60120640	8	8/14			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2141	LÊ TUẤN	HÙNG	03-Nov-03	60120639	8	8/14			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2142	ĐỖ LÂM NHẬT	NAM	29-Jan-03	60120636	8	8/14			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2143	HUỲNH LÊ MAI	QUỲNH	20-Jun-03	60120638	8	8/14			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2144	NGUYỄN HỮU	THẮNG	08-Jan-03	60120642	8	8/14			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2145	NGUYỄN VIỆT	THẮNG	29-Jun-03	60120646	8	8/14			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2146	TRẦN LÝ MỸ	TỊNH	25-Jun-02	60120649	8	8/14			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2147	NGUYỄN MINH	TRIẾT	27-Apr-03	60120643	8	8/14			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2148	NGUYỄN LÊ KHÁNH	CHI	25-May-03	60139284	8	8/14			THCS TÂN BÌNH	
2149	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	ĐAN	19-Aug-03	60139283	8	8/14			THCS TÂN BÌNH	
2150	PHẠM NGUYỄN UYÊN	ĐAN	08-Jan-03	60139289	8	8/14			THCS TÂN BÌNH	
2151	ĐINH GIA	HÂN	05-Jun-03	60139277	8	8/14			THCS TÂN BÌNH	
2152	LÊ NGUYỄN THANH	HUYỀN	27-Sep-03	60139281	8	8/14			THCS TÂN BÌNH	
2153	NGUYỄN TRÚC TÙNG	LINH	06-Mar-03	60139288	8	8/14			THCS TÂN BÌNH	
2154	ĐINH THỊ MINH	THÚ	18-Feb-03	60139278	8	8/14			THCS TÂN BÌNH	
2155	BÙI DƯƠNG THÁI	THUẬN	27-Feb-03	60139276	8	8/14			THCS TÂN BÌNH	
2156	NGUYỄN MINH	TRANG	14-Jan-03	60139286	8	8/14			THCS TÂN BÌNH	
2157	TRẦN THIÊN	TƯỜNG	14-May-03	60139290	8	8/14			THCS TÂN BÌNH	
2158	NGUYỄN PHI ANH	VŨ	08-Nov-03	60139287	8	8/14			THCS TÂN BÌNH	
2159	TRẦN GIA	HÂN	13-Mar-03	60120652	8	8/15			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2160	HOÀNG HÙNG	ĐĂNG	28-Oct-03	60120654	8	8/16			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2161	NGUYỄN NAM	VĨ	26-Feb-03	60120655	8	8/16			QUỐC TẾ Á CHÂU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2162	NGUYỄN VŨ THÀNH	AN	03-Sep-03	60120661	8	8/17			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2163	NGUYỄN QUANG	CẢNH	26-Sep-03	60120659	8	8/17			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2164	ĐẶNG NGỌC HOÀNG	CHƯƠNG	11-Dec-03	60120656	8	8/17			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2165	VŨ ANH	DUY	05-Oct-03	60120665	8	8/17			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2166	TRẦN NGỌC KHÁNH	HÔNG	15-Aug-03	60120663	8	8/17			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2167	VŨ ĐỨC	KHIÊM	30-Sep-03	60120666	8	8/17			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2168	VŨ MINH	KHÔI	23-Apr-03	60120667	8	8/17			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2169	TÔ THÁI THANH	TÙNG	08-Jul-03	60120662	8	8/17			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2170	LIÊU GIA	AN	03-Mar-03	60120670	8	8/19			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2171	TRẦN THANH	TÂN	27-Sep-03	60120673	8	8/19			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2172	HÀ PHƯƠNG	THẢO	11-Feb-03	60120669	8	8/19			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2173	NGÔ HOÀNG QUỲNH	ANH	16-Apr-03	60138295	8	8/2			QUANG TRUNG	
2174	PHAN NGUYỄN VÂN	ANH	28-Feb-03	60138299	8	8/2			QUANG TRUNG	
2175	NGUYỄN HOÀNG	ÁNH	21-Mar-03	60138296	8	8/2			QUANG TRUNG	
2176	LE QUANG	HUY	15-Oct-03	60138293	8	8/2			QUANG TRUNG	
2177	PHẠM GIA	KIỆT	27-Mar-03	60138298	8	8/2			QUANG TRUNG	
2178	PHẠM CHAU	NGOC	22-Oct-03	60138297	8	8/2			QUANG TRUNG	
2179	LE MINH	THƯ	23-May-03	60138292	8	8/2			QUANG TRUNG	
2180	TRẦN KHÁNH	VÂN	20-Jul-03	60138300	8	8/2			QUANG TRUNG	
2181	LÊ TRẦN THANH	VY	24-Feb-03	60138294	8	8/2			QUANG TRUNG	
2182	VŨ NGUYỄN THIÊN	ÂN	11-Jun-03	60139297	8	8/2			THCS TÂN BÌNH	
2183	GIAN QUỲNH PHƯƠNG	ANH	25-Aug-03	60139292	8	8/2			THCS TÂN BÌNH	
2184	HÀ VIỆT	HƯƠNG	11-Dec-03	60139293	8	8/2			THCS TÂN BÌNH	
2185	LÊ ĐOÀN PHƯƠNG	LINH	28-Sep-03	60139294	8	8/2			THCS TÂN BÌNH	
2186	NGUYỄN NGỌC MINH	TÂM	11-Jan-03	60139295	8	8/2			THCS TÂN BÌNH	
2187	VI KHÁNH	TRANG	19-Apr-03	60139296	8	8/2			THCS TÂN BÌNH	
2188	NGUYỄN HỮU ANH	DUY	24-Feb-03	60120686	8	8/21			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2189	PHẠM NGUYỄN ANH	HÀO	22-Sep-03	60120688	8	8/21			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2190	ĐỖ NGỌC PHƯƠNG	LINH	14-Apr-03	60120679	8	8/21			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2191	TÔ TUẤN	QUANG	04-Apr-03	60120689	8	8/21			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2192	ĐẶNG KIỀU THIÊN	TRÚC	26-Mar-03	60120692	8	8/22			QUỐC TẾ Á CHÂU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2193	LÊ ĐỨC	ANH	28-Jul-03	60120698	8	8/23			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2194	TRẦN UYÊN	NHI	29-Oct-03	60120700	8	8/23			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2195	HUỲNH NGỌC NGHI	VÂN	24-Dec-03	60120697	8	8/23			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2196	NGUYỄN HÀ XUÂN	ĐOAN	23-Mar-03	60120704	8	8/24			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2197	PHAN HOÀNG	LONG	27-Aug-03	60120711	8	8/24			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2198	PHẠM ĐỨC	PHÚC	16-Jun-03	60120708	8	8/24			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2199	PHẠM HỒ NAM	PHƯƠNG	08-Nov-03	60120710	8	8/24			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2200	NGUYỄN ĐẠI	THÀNH	27-Nov-03	60120703	8	8/24			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2201	NGUYỄN QUÝ	THẢO	10-Nov-03	60120705	8	8/24			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2202	PHẠM ĐỨC	TRUNG	27-Feb-03	60120709	8	8/24			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2203	NGUYỄN THẢO	VY	09-Mar-03	60120706	8	8/24			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2204	CHU MỸ	ANH	30-Sep-03	60120715	8	8/25			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2205	TRẦN ĐÔNG	QUÂN	07-Dec-03	60120721	8	8/25			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2206	NGUYỄN HÀ NHƯ	QUỲNH	08-Jun-03	60120717	8	8/25			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2207	NGUYỄN THANH	SƠN	21-Jun-03	60120719	8	8/25			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2208	BẠCH AN THUY	TRANG	20-Feb-03	60120714	8	8/25			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2209	VÕ MINH ĐOAN	VY	23-Oct-03	60120722	8	8/25			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2210	NGUYỄN ĐỖ HOÀNG	LAN	26-Jul-03	60120726	8	8/26			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2211	PHẠM NGUYỄN KHÁNH	LINH	12-Jan-03	60120729	8	8/26			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2212	LÊ NHẬT	MINH	13-Aug-03	60120725	8	8/26			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2213	NGUYỄN HÀNG	THY	10-Nov-03	60120727	8	8/26			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2214	ĐOÀN PHẠM HUỲNH	ANH	24-Oct-03	60138824	8	8/7			PHAM NGOC THACH	
2215	HONG QUANG	HIỀN	25-Jul-03	60138825	8	8/7			PHAM NGOC THACH	
2216	TRƯƠNG PHÚ	HUNG	28-Nov-03	60138831	8	8/7			PHAM NGOC THACH	
2217	ĐỖ CHIÊM	TIN	19-May-03	60138823	8	8/7			PHAM NGOC THACH	
2218	VĂN HOÀNG CAO	TRÍ	23-May-03	60138832	8	8/7			PHAM NGOC THACH	
2219	LÊ HOÀNG	ANH	21-Nov-03	60128622	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2220	NGUYỄN THÁI	BÌNH	26-Sep-03	60128638	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2221	NGUYỄN XUÂN THÁI	BÌNH	16-Oct-03	60128643	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2222	LÊ NGUYỄN PHÚC	ĐẠT	22-Feb-03	60128624	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2223	PHẠM THÀNH	ĐẠT	21-Jan-03	60128646	8	8/8			NGÔ QUYỀN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2224	CHU THANH	ĐỒNG	27-Feb-03	60128612	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2225	NGUYỄN HỒ PHƯƠNG	HÀ	12-Feb-03	60128629	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2226	PHAN NGỌC	HÂN	18-Jul-03	60128648	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2227	TĂNG HỒ GIA	HÂN	18-Sep-03	60128649	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2228	LÊ THỊ HỒNG	HẠNH	28-Jul-03	60128625	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2229	TRẦN ĐÌNH NHÂN	HẬU	04-Apr-03	60128650	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2230	ĐOÀN NGỌC	HIẾU	12-Nov-03	60128616	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2231	NGUYỄN LƯƠNG	HOÀNG	18-Dec-03	60128633	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2232	BẠCH THANH	HUY	04-Sep-03	60128611	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2233	NGUYỄN SINH	KHIÊM	22-Feb-03	60128637	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2234	ĐỖ NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	18-Nov-03	60128615	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2235	LÊ ANH	KHOA	21-Jul-03	60128619	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2236	NGUYỄN TRỌNG ĐĂNG	KHOA	14-Apr-03	60128642	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2237	TRẦN MINH	KHÔI	30-May-03	60128651	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2238	TRẦN NGUYỄN THIÊN	KIM	16-Feb-03	60128653	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2239	NGUYỄN PHÚC	LÂM	31-Mar-03	60128636	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2240	NGUYỄN LÊ THANH	MAI	03-Mar-03	60128632	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2241	PHẠM HỒNG	NGỌC	26-Oct-03	60128644	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2242	TRẦN NGUYỄN THẢO	NHI	12-Dec-03	60128652	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2243	NGUYỄN HOÀNG MINH	PHÚ	04-Feb-03	60128630	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2244	LÊ HOÀNG	PHÚC	30-Mar-03	60128623	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2245	HỒ VÕ NAM	PHƯƠNG	13-Dec-03	60128617	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2246	NGUYỄN ĐOÀN ĐỨC	THỊNH	16-Aug-03	60128628	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2247	NGUYỄN MINH HOÀNG	THÔNG	20-Sep-03	60128634	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2248	ĐẶNG VÕ MINH	THƯ	15-Feb-03	60128614	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2249	NGUYỄN ANH	THƯ	15-Oct-03	60128627	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2250	ĐẶNG PHẠM KIÊN	TRUNG	02-Jul-03	60128613	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2251	HUỲNH THANH	VY	15-Jul-03	60128618	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2252	NGUYỄN TRẦN YẾN	VY	02-Sep-03	60128641	8	8/8			NGÔ QUYỀN	
2253	NGÔ NGỌC TRÂM	ANH	08-Dec-03	60128672	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2254	TRẦN PHẠM PHƯƠNG	ANH	05-Sep-03	60128693	8	8/9			NGÔ QUYỀN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2255	HUỖNH TRẦN GIA	BẢO	12-Apr-03	60128667	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2256	NGUYỄN NGỌC	BÍCH	06-Dec-03	60128676	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2257	ĐẶNG PHẠM NHÃ	CA	15-Apr-03	60128657	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2258	VÕ PHẠM TRÂN	CHÂU	04-Dec-03	60128699	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2259	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	17-Jan-03	60128679	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2260	NGUYỄN TRUNG	DŨNG	06-Jun-03	60128683	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2261	TRẦN NGÔ MINH	DUY	13-Jan-03	60128692	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2262	NGUYỄN NGỌC	HÂN	04-Feb-03	60128677	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2263	HUỖNH TẤN NHẬT	HÀO	25-May-03	60128666	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2264	LƯƠNG XUÂN	HIỂN	03-Feb-03	60128669	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2265	NGUYỄN ĐĂNG	HIẾU	27-Jan-03	60128673	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2266	PHẠM NGUYỄN MỸ	HUYỀN	12-Dec-03	60128685	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2267	PHAN NGUYỄN TÂM	KHÁNH	02-Mar-03	60128688	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2268	PHAN ĐỨC ANH	KHOA	29-Aug-03	60128687	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2269	TRẦN LÝ ANH	KHOA	21-Dec-03	60128691	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2270	NGUYỄN NHẬT	KIỆT	16-Jun-03	60128678	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2271	HỒ THỊ THIÊN	KIM	21-Sep-03	60128663	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2272	NGUYỄN THỊ MỸ	LAN	22-Aug-03	60128682	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2273	TRƯƠNG KINH	LÂN	06-Dec-03	60128695	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2274	HOÀNG PHƯƠNG	LINH	19-Oct-03	60128664	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2275	DƯƠNG GIA	MINH	03-Feb-03	60128661	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2276	NGUYỄN THỊ DIỄM	MY	21-Apr-03	60128681	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2277	ĐẶNG BÁ NHẬT	NAM	07-Jun-03	60128656	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2278	PHẠM NGUYỄN XUÂN	NGA	25-Mar-03	60128686	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2279	NGÔ KIM	NGÂN	27-Jun-03	60128671	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2280	VÕ MINH	NGHĨA	29-Mar-03	60128696	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2281	PHAN VƯƠNG ĐỨC	NHÂN	12-Jan-03	60128689	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2282	TRỊNH YẾN	NHI	19-Jul-03	60128694	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2283	LIÊU TÂM	NHƯ	30-Dec-03	60128670	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2284	NGUYỄN THÀNH	PHÚC	25-Feb-03	60128680	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2285	ĐẶNG PHƯỚC MINH	QUÂN	20-May-03	60128658	8	8/9			NGÔ QUYỀN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2286	PHẠM NGỌC DIỄM	QUỲNH	16-Jan-03	60128684	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2287	VÕ NGUYỄN GIANG	THI	18-Feb-03	60128697	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2288	TRẦN	THUẬN	11-Mar-03	60128690	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2289	HÀNG BẢO	TRÂN	17-Sep-03	60128662	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2290	ĐỖ HOÀNG CẨM	TÚ	10-Apr-03	60128659	8	8/9			NGÔ QUYỀN	
2291	PHẠM CAO THẢO	MY	12-Jul-03	60138656	8	8A			VIỆT MỸ	
2292	LÊ KIM	QUÝ	11-May-03	60138654	8	8A			VIỆT MỸ	
2293	TRẦN QUANG	VŨ	01-Oct-03	60138657	8	8A			VIỆT MỸ	
2294	NGUYỄN XUÂN	ÁNH	09-Jan-03	60127591	8	8a1			HOÀNG HOA THÁM	
2295	LÊ NGUYỄN BẢO	CHÂU	27-Dec-03	60127582	8	8a1			HOÀNG HOA THÁM	
2296	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	NGHI	30-Jul-03	60127586	8	8a1			HOÀNG HOA THÁM	
2297	ĐẶNG TÂM	NHƯ	20-Jul-03	60127580	8	8a1			HOÀNG HOA THÁM	
2298	BÙI NGỌC ANH	THƯ	23-Oct-03	60127579	8	8a1			HOÀNG HOA THÁM	
2299	NGUYỄN LÊ ANH	THƯ	01-Dec-03	60127584	8	8a1			HOÀNG HOA THÁM	
2300	NGUYỄN LÊ MINH	THƯ	01-Dec-03	60127585	8	8a1			HOÀNG HOA THÁM	
2301	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THÚY	25-Jan-03	60127588	8	8a1			HOÀNG HOA THÁM	
2302	PHẠM THỊ THU	TRÚC	13-Dec-03	60127592	8	8a1			HOÀNG HOA THÁM	
2303	HỒ THỊ MINH	UYÊN	29-Jun-03	60127581	8	8a1			HOÀNG HOA THÁM	
2304	NGUYỄN THỊ TUỜNG	VY	28-Aug-03	60127590	8	8a1			HOÀNG HOA THÁM	
2305	HÀ TUẤN	ANH	28-Dec-03	60139049	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2306	NGUYỄN HUỲNH MINH	ANH	02-Jul-03	60139059	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2307	NGUYỄN MAI TRÂM	ANH	01-Apr-03	60139060	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2308	TRẦN NGUYỆT QUẾ	ANH	16-Mar-03	60139077	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2309	PHAN TRẦN THÁI	BÌNH	30-Jul-03	60139069	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2310	CAO NGUYỄN BẢO	CHI	15-Apr-03	60139044	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2311	ĐẶNG ĐĂNG	ĐĂNG	28-Mar-03	60139045	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2312	SENTHIL KUMAR	GOUTHAM	09-Sep-03	60139070	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2313	NGÔ THÁI	HÀ	18-Dec-03	60139056	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2314	LÝ GIA	HÂN	20-Oct-03	60139053	8	8a1			NGÔ SĨ LIÊN	
2315	BÙI TRUNG	HIẾU	15-Jun-03	60139043	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2316	LÊ NGUYỄN GIA	HUY	28-Mar-03	60139052	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2317	PHẠM GIA	HUY	10-Apr-03	60139065	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2318	PHẠM KHÁNH	HUY	18-Feb-03	60139066	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2319	NGUYỄN MINH	KHANG	08-Jan-03	60139061	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2320	MAI THANH	KHÔI	05-May-03	60139054	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2321	ĐÌNH THUY HUỆ	LINH	20-Sep-03	60139046	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2322	TRẦN MINH KHÁNH	LINH	07-May-03	60139076	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2323	TRẦN HOÀNG	LONG	09-Oct-03	60139074	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2324	NGUYỄN HẢI	MINH	28-Mar-03	60139057	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2325	TRẦN KHÁNH	MINH	19-Mar-03	60139075	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2326	NGÔ NGỌC THẢO	NGÂN	03-Dec-03	60139055	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2327	TRỊNH NGỌC KIM	NGÂN	03-Jan-03	60139080	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2328	TRẦN ĐẠI	NGHĨA	07-Dec-03	60139073	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2329	NGUYỄN HOÀNG BẢO	NGỌC	27-Dec-03	60139058	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2330	PHAN MINH	NGỌC	27-Mar-03	60139067	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2331	TRẦN PHÚC	NGUYỄN	20-Jun-03	60139078	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2332	ĐOÀN LÊ TÚ	NHI	19-Apr-03	60139047	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2333	VÕ PHẠM KHÁNH	NHƯ	19-May-03	60139082	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2334	NGUYỄN TRẦN HÀ	PHƯƠNG	31-Oct-03	60139063	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2335	PHẠM ĐỨC	THẮNG	25-Aug-03	60139064	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2336	TRỊNH LÊ NGỌC	THẢO	24-Aug-03	60139079	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2337	VŨ NGỌC THANH	THẢO	19-Jul-03	60139084	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2338	PHAN PHƯỚC	THỊNH	23-Feb-03	60139068	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2339	TẠ PHÚC	THỊNH	19-Oct-03	60139071	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2340	HOÀNG TRẦN	THÔNG	02-Jul-03	60139050	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2341	HÀ ĐỨC	TIẾN	05-Nov-03	60139048	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2342	NGUYỄN NGỌC VÂN	TRANG	12-Apr-03	60139062	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2343	TÔ THANH	TRÚC	30-May-03	60139072	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2344	TỪ NGUYỄN THANH	VI	25-Nov-03	60139081	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2345	LÊ MAI HÀ	VY	04-Nov-03	60139051	8	8A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2346	NGUYỄN TRẦN GIA	HUY	27-Aug-03	60139902	8	8A1			NGUYỄN GIA THIỀU	
2347	LÊ BẢO	PHÚC NHẢ	18-Jun-03	60139901	8	8A1			NGUYỄN GIA THIỀU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2348	ĐỖ HUỲNH BẢO	CHÂU	13-Nov-03	60138493	8	8A1			THCS ÂU LẠC	
2349	LÊ HOÀNG BẢO	CHÂU	22-Feb-03	60138495	8	8A1			THCS ÂU LẠC	
2350	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	24-Jan-03	60138499	8	8A1			THCS ÂU LẠC	
2351	TRẦN NGỌC ĐĂNG	HUY	02-May-03	60138503	8	8A1			THCS ÂU LẠC	
2352	ĐÀO ĐỨC THIÊN	LỘC	14-Sep-03	60138492	8	8A1			THCS ÂU LẠC	
2353	HÀ VĂN	MINH	15-Jun-03	60138494	8	8A1			THCS ÂU LẠC	
2354	LIÊU NGỌC BẢO	NGÂN	17-May-03	60138497	8	8A1			THCS ÂU LẠC	
2355	NGUYỄN MINH	NHẬT	17-Oct-03	60138498	8	8A1			THCS ÂU LẠC	
2356	LÊ TRẦN MẠC	NHIÊN	15-Oct-03	60138496	8	8A1			THCS ÂU LẠC	
2357	VŨ NGUYỄN MINH	PHƯỚC	02-Sep-03	60138505	8	8A1			THCS ÂU LẠC	
2358	VÕ TUÔNG	VY	09-May-03	60138504	8	8A1			THCS ÂU LẠC	
2359	HOÀNG LÊ HUỆ	ANH	25-Aug-03	60139537	8	8a1			TRƯỜNG CHINH	
2360	NGUYỄN CHÍ MINH	HUY	25-Aug-03	60139539	8	8a1			TRƯỜNG CHINH	
2361	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	MAI	10-Mar-03	60139541	8	8a1			TRƯỜNG CHINH	
2362	TRƯỜNG TRẦN KHÔI	NGUYỄN	05-Jul-03	60139546	8	8a1			TRƯỜNG CHINH	
2363	PHAN TẠI	PHƯỚC	27-Apr-03	60139543	8	8a1			TRƯỜNG CHINH	
2364	ĐỖ DƯƠNG	QUỲNH	28-Jan-03	60139535	8	8a1			TRƯỜNG CHINH	
2365	TRẦN ĐỖ THANH	THƯ	17-Apr-03	60139545	8	8a1			TRƯỜNG CHINH	
2366	PHAN NHƯ	Ý	19-Feb-03	60139542	8	8a1			TRƯỜNG CHINH	
2367	NGUYỄN PHẠM HƯƠNG	GIANG	11-Dec-03	60139086	8	8A10			NGÔ SĨ LIÊN	
2368	TRẦN PHAN THANH	HÀ	10-Jan-03	60139089	8	8A10			NGÔ SĨ LIÊN	
2369	GIANG MINH	KHÔI	27-Oct-03	60139085	8	8A10			NGÔ SĨ LIÊN	
2370	NGUYỄN THANH THẢO	LY	29-Dec-03	60139087	8	8A10			NGÔ SĨ LIÊN	
2371	ĐÌNH HỮU VÂN	HƯƠNG	07-Sep-03	60139905	8	8A10			NGUYỄN GIA THIỀU	
2372	PHAN NGUYỄN HOÀNG	LAN	26-May-03	60139912	8	8A10			NGUYỄN GIA THIỀU	
2373	THÁI YẾN	PHƯƠNG	22-Jun-03	60139913	8	8A10			NGUYỄN GIA THIỀU	
2374	ĐỖ ANH	QUÂN	24-Jul-03	60139906	8	8A10			NGUYỄN GIA THIỀU	
2375	NGUYỄN PHÚ	LỘC	03-Sep-03	60139914	8	8A11			NGUYỄN GIA THIỀU	
2376	TRẦN HUỲNH BẢO	HÂN	28-Nov-03	60127598	8	8a12			HOÀNG HOA THÁM	
2377	NGUYỄN HOÀNG THÚY	NHI	08-Aug-03	60127594	8	8a12			HOÀNG HOA THÁM	
2378	PHẠM TẤN	TÚ	16-Nov-03	60127597	8	8a12			HOÀNG HOA THÁM	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2379	NGUYỄN HOÀNG	LÂN	01-Jun-03	60139919	8	8A12			NGUYỄN GIA THIỀU	
2380	VÕ TRỌNG	THẮNG	17-Feb-03	60139920	8	8A12			NGUYỄN GIA THIỀU	
2381	NGUYỄN HUY	HÙNG	23-Oct-03	60127599	8	8a13			HOÀNG HOA THÁM	
2382	DƯƠNG THỤY	HƯƠNG	07-Dec-03	60139923	8	8A13			NGUYỄN GIA THIỀU	
2383	SÀM PHAN HOÀI	LÂM	02-Jul-03	60139928	8	8A13			NGUYỄN GIA THIỀU	
2384	NGUYỄN NGỌC DIỄM	QUỲNH	30-Nov-03	60139924	8	8A13			NGUYỄN GIA THIỀU	
2385	DƯƠNG HUỲNH NHẬT	TÂN	10-Jan-03	60139922	8	8A13			NGUYỄN GIA THIỀU	
2386	VÕ MINH	THÁI	10-May-03	60139930	8	8A13			NGUYỄN GIA THIỀU	
2387	MAI BÙI THỂ	HIỂN	25-Aug-03	60139936	8	8A14			NGUYỄN GIA THIỀU	
2388	LÊ LAM	PHƯƠNG	02-Aug-03	60139934	8	8A14			NGUYỄN GIA THIỀU	
2389	NGÔ THỊ HỒNG	THẨM	24-Jan-03	60139937	8	8A14			NGUYỄN GIA THIỀU	
2390	HỒ VIỆT MINH	THẮNG	23-Oct-03	60139932	8	8A14			NGUYỄN GIA THIỀU	
2391	DƯƠNG THỊ NGỌC	TRANG	13-Jan-03	60139931	8	8A14			NGUYỄN GIA THIỀU	
2392	PHẠM ANH	MINH	29-Sep-03	60127601	8	8a16			HOÀNG HOA THÁM	
2393	HOÀNG TƯỚNG	CÔNG	09-Feb-03	60127603	8	8a19			HOÀNG HOA THÁM	
2394	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	ANH	28-Mar-03	60127610	8	8a2			HOÀNG HOA THÁM	
2395	NGUYỄN THÚY	ANH	16-Apr-03	60127616	8	8a2			HOÀNG HOA THÁM	
2396	PHẠM THỊ QUỲNH	ANH	28-May-03	60127619	8	8a2			HOÀNG HOA THÁM	
2397	NGUYỄN TRUNG	DŨNG	17-Aug-03	60127618	8	8a2			HOÀNG HOA THÁM	
2398	TRẦN GIA	HUY	12-Jul-03	60127621	8	8a2			HOÀNG HOA THÁM	
2399	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	18-Sep-03	60127615	8	8a2			HOÀNG HOA THÁM	
2400	NGUYỄN TIẾN ĐĂNG	KHOA	28-Oct-03	60127617	8	8a2			HOÀNG HOA THÁM	
2401	ĐÀO TUẤN	KIÊN	20-Feb-03	60127607	8	8a2			HOÀNG HOA THÁM	
2402	ĐOÀN TUYẾT	MINH	13-May-03	60127608	8	8a2			HOÀNG HOA THÁM	
2403	LÊ QUỐC TRÀ	MY	09-Jun-03	60127609	8	8a2			HOÀNG HOA THÁM	
2404	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	03-Sep-03	60127614	8	8a2			HOÀNG HOA THÁM	
2405	PHẠM THU	NHIÊN	15-Feb-03	60127620	8	8a2			HOÀNG HOA THÁM	
2406	NGUYỄN PHẠM TUẤN	PHÁT	29-Dec-03	60127613	8	8a2			HOÀNG HOA THÁM	
2407	TRẦN TIẾN	SANG	28-Jan-03	60127622	8	8a2			HOÀNG HOA THÁM	
2408	BÙI CÔNG	THÀNH	14-Mar-03	60127606	8	8a2			HOÀNG HOA THÁM	
2409	NGUYỄN MINH	THI	14-Nov-03	60127612	8	8a2			HOÀNG HOA THÁM	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2410	NGUYỄN HỒ NGỌC	THIỆN	09-Aug-03	60127611	8	8a2			HOÀNG HOA THÁM	
2411	LÊ	HUY	17-Jan-03	60139091	8	8A2			NGÔ SĨ LIÊN	
2412	NGUYỄN HOÀNG	ANH	15-May-03	60139950	8	8A2			NGUYỄN GIA THIỀU	
2413	NGUYỄN THÁI BẢO	KHANH	26-Sep-03	60139953	8	8A2			NGUYỄN GIA THIỀU	
2414	VŨ TÙNG	LÂM	04-Aug-03	60139960	8	8A2			NGUYỄN GIA THIỀU	
2415	NGUYỄN KHÁNH HOÀNG	MINH	19-Jul-03	60139951	8	8A2			NGUYỄN GIA THIỀU	
2416	PHAN KHÁNH	MINH	15-Feb-03	60139954	8	8A2			NGUYỄN GIA THIỀU	
2417	PHAN QUANG	SANG	26-Sep-03	60139955	8	8A2			NGUYỄN GIA THIỀU	
2418	TÔ CẨM	BÂN	15-Oct-03	60138513	8	8A2			THCS ÂU LẠC	
2419	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	LINH	24-Dec-03	60138509	8	8A2			THCS ÂU LẠC	
2420	MAI LÂM KIỀU	MY	13-Oct-03	60138507	8	8A2			THCS ÂU LẠC	
2421	TRẦN ĐẠI	NGHĨA	21-Oct-03	60138514	8	8A2			THCS ÂU LẠC	
2422	ĐỖ THUY	VY	29-Oct-03	60138506	8	8A2			THCS ÂU LẠC	
2423	NGUYỄN TRẦN THÚY	VY	29-Dec-03	60138511	8	8A2			THCS ÂU LẠC	
2424	NGUYỄN THÁI PHƯƠNG	ÂN	20-Nov-03	60127637	8	8a4			HOÀNG HOA THÁM	
2425	VŨ QUỲNH	ANH	17-Sep-03	60127648	8	8a4			HOÀNG HOA THÁM	
2426	PHẠM HUỆ	CHI	22-Dec-03	60127643	8	8a4			HOÀNG HOA THÁM	
2427	NGUYỄN TRỌNG THÀNH	CÔNG	18-Apr-03	60127642	8	8a4			HOÀNG HOA THÁM	
2428	NGUYỄN CAO QUỲNH	HƯƠNG	13-Apr-03	60127632	8	8a4			HOÀNG HOA THÁM	
2429	ĐẶNG QUANG	HUY	06-Dec-03	60127623	8	8a4			HOÀNG HOA THÁM	
2430	HOÀNG HẢI	LINH	23-Oct-03	60127628	8	8a4			HOÀNG HOA THÁM	
2431	NGUYỄN HỒ ÁNH	NGỌC	27-Mar-03	60127633	8	8a4			HOÀNG HOA THÁM	
2432	NGUYỄN TRẦN BẢO	NGỌC	24-Jun-03	60127641	8	8a4			HOÀNG HOA THÁM	
2433	NGUYỄN THIỆN	NHÂN	08-Mar-03	60127639	8	8a4			HOÀNG HOA THÁM	
2434	TRẦN THẢO	NHI	16-Mar-03	60127646	8	8a4			HOÀNG HOA THÁM	
2435	NGUYỄN THỊ HỒNG	PHÚC	05-May-03	60127638	8	8a4			HOÀNG HOA THÁM	
2436	LÊ HỒNG	QUÂN	03-Jan-03	60127629	8	8a4			HOÀNG HOA THÁM	
2437	ĐỖ THỊ THANH	THANH	02-Sep-03	60127626	8	8a4			HOÀNG HOA THÁM	
2438	NGUYỄN THẠCH	THÀNH	11-Feb-03	60127636	8	8a4			HOÀNG HOA THÁM	
2439	TRẦN NGỌC ANH	THƯ	11-Nov-03	60127645	8	8a4			HOÀNG HOA THÁM	
2440	NGUYỄN THUY BẢO	TRÂM	28-Feb-03	60127640	8	8a4			HOÀNG HOA THÁM	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2441	ĐỖ THANH	TRÚC	31-May-03	60127624	8	8a4			HOÀNG HOA THÁM	
2442	NGÔ PHẠM QUANG	VINH	28-Oct-03	60127631	8	8a4			HOÀNG HOA THÁM	
2443	TRẦN VIỆT	VINH	18-Jan-03	60127647	8	8a4			HOÀNG HOA THÁM	
2444	ĐỖ THANH	XUÂN	31-May-03	60127625	8	8a4			HOÀNG HOA THÁM	
2445	THÁI BÌNH	AN	18-Jan-03	60139973	8	8A4			NGUYỄN GIA THIỀU	
2446	TRẦN HỮU PHÚC	AN	17-Mar-03	60139976	8	8A4			NGUYỄN GIA THIỀU	
2447	LÊ THANH	KHUÊ	11-Feb-03	60139969	8	8A4			NGUYỄN GIA THIỀU	
2448	CAO PHƯƠNG	LINH	07-Feb-03	60139963	8	8A4			NGUYỄN GIA THIỀU	
2449	LÊ NGUYỄN HÀ	MY	13-Nov-03	60139968	8	8A4			NGUYỄN GIA THIỀU	
2450	LÊ NGỌC THẢO	NGHI	06-Oct-03	60139967	8	8A4			NGUYỄN GIA THIỀU	
2451	LÊ MỸ	NHÂN	26-Mar-03	60139966	8	8A4			NGUYỄN GIA THIỀU	
2452	NGUYỄN THANH	SƠN	19-May-03	60139970	8	8A4			NGUYỄN GIA THIỀU	
2453	TÔN NỮ THIÊN	TÂM	18-Aug-03	60139974	8	8A4			NGUYỄN GIA THIỀU	
2454	HUỲNH TRẦN MINH	THÚ	16-Feb-03	60139964	8	8A4			NGUYỄN GIA THIỀU	
2455	ĐẶNG NGUYỄN MAI	ANH	06-Nov-03	60139566	8	8A4			TRƯỜNG CHINH	
2456	TRẦN NGỌC	ANH	07-Oct-03	60139586	8	8A4			TRƯỜNG CHINH	
2457	VÕ KHÁNH	BÌNH	15-Sep-03	60139590	8	8A4			TRƯỜNG CHINH	
2458	TRẦN NGUYỆT	HÀ	04-Feb-03	60139587	8	8A4			TRƯỜNG CHINH	
2459	LIÊU MINH	KHANG	15-Dec-03	60139575	8	8A4			TRƯỜNG CHINH	
2460	DƯƠNG TẤN	KHOA	05-Dec-03	60139568	8	8A4			TRƯỜNG CHINH	
2461	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	KIÊN	30-Mar-03	60139577	8	8A4			TRƯỜNG CHINH	
2462	VŨ THẢO	LINH	03-Dec-03	60139591	8	8A4			TRƯỜNG CHINH	
2463	NGUYỄN TIẾN	LUÂN	21-Jan-03	60139582	8	8A4			TRƯỜNG CHINH	
2464	NGUYỄN BẢO	NGỌC	23-Dec-03	60139576	8	8A4			TRƯỜNG CHINH	
2465	LÊ NGỌC THANH	THẢO	21-Nov-03	60139573	8	8A4			TRƯỜNG CHINH	
2466	NGUYỄN THANH	TRÚC	14-Oct-03	60139581	8	8A4			TRƯỜNG CHINH	
2467	LẠI THỤY THANH	VÂN	07-Aug-03	60139571	8	8A4			TRƯỜNG CHINH	
2468	LÝ THIÊN	ÂN	16-Apr-03	60127653	8	8a5			HOÀNG HOA THÁM	
2469	HỒ NGỌC TRÂM	ANH	19-May-03	60127650	8	8a5			HOÀNG HOA THÁM	
2470	TRẦN LÊ HỒNG	ANH	31-Aug-03	60127661	8	8a5			HOÀNG HOA THÁM	
2471	NGUYỄN KHÁNH	HIẾU	23-Jun-03	60127657	8	8a5			HOÀNG HOA THÁM	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2472	KIỀU BẢO	KHANG	03-Oct-03	60127651	8	8a5			HOÀNG HOA THÁM	
2473	THÁI NGUYỆT	MINH	17-Sep-03	60127660	8	8a5			HOÀNG HOA THÁM	
2474	LÊ MINH	NHẬT	17-Jan-03	60127652	8	8a5			HOÀNG HOA THÁM	
2475	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THÚ	09-Oct-03	60127658	8	8a5			HOÀNG HOA THÁM	
2476	BÙI THỦY THÚY	VÂN	26-Dec-03	60127649	8	8a5			HOÀNG HOA THÁM	
2477	PHẠM NGUYỄN TUỜNG	VY	13-Oct-03	60127659	8	8a5			HOÀNG HOA THÁM	
2478	MAI NHẬT	HUY	08-Apr-03	60139978	8	8A5			NGUYỄN GIA THIỀU	
2479	LÊ NGẠN	ANH	02-Mar-03	60127670	8	8a6			HOÀNG HOA THÁM	
2480	PHẠM PHƯƠNG	ANH	21-Aug-03	60127679	8	8a6			HOÀNG HOA THÁM	
2481	PHẠM HOÀNG DUY	BẢO	11-Dec-03	60127678	8	8a6			HOÀNG HOA THÁM	
2482	TẠ ĐỨC	BẢO	21-Jul-03	60127680	8	8a6			HOÀNG HOA THÁM	
2483	THÁI ĐOÀN THỰC	ĐOAN	06-Oct-03	60127682	8	8a6			HOÀNG HOA THÁM	
2484	ĐẶNG THÁI MINH	HIẾU	01-Aug-03	60127663	8	8a6			HOÀNG HOA THÁM	
2485	NGUYỄN CẢNH	HUY	04-Aug-03	60127673	8	8a6			HOÀNG HOA THÁM	
2486	TRẦN ĐỖ DIỆU	LINH	22-Mar-03	60127683	8	8a6			HOÀNG HOA THÁM	
2487	LÊ BẢO	LỘC	31-Oct-03	60127669	8	8a6			HOÀNG HOA THÁM	
2488	NGUYỄN HOÀNG	NGUYỄN	10-Aug-03	60127674	8	8a6			HOÀNG HOA THÁM	
2489	ĐÀO YẾN	NHI	03-Jul-03	60127664	8	8a6			HOÀNG HOA THÁM	
2490	TRẦN NGUYỄN HOÀN	NHI	26-Mar-03	60127684	8	8a6			HOÀNG HOA THÁM	
2491	ĐINH XUÂN	QUYẾT	03-Mar-03	60127665	8	8a6			HOÀNG HOA THÁM	
2492	HOÀNG THANH	THẢO	17-Jul-03	60127667	8	8a6			HOÀNG HOA THÁM	
2493	NGUYỄN MINH	TRÍ	10-Feb-03	60127675	8	8a6			HOÀNG HOA THÁM	
2494	DƯƠNG ĐỨC	TRUNG	27-Sep-03	60127666	8	8a6			HOÀNG HOA THÁM	
2495	NGUYỄN KHẮC	CHÁNH	07-Jan-03	60139094	8	8A6			NGÔ SĨ LIÊN	
2496	TRẦN VÕ TÂM	HIẾU	06-Jul-03	60139098	8	8A6			NGÔ SĨ LIÊN	
2497	VŨ ĐỨC	TOÀN	07-Jul-03	60139099	8	8A6			NGÔ SĨ LIÊN	
2498	NGUYỄN NGỌC HUỆ	TRÚC	03-Feb-03	60139095	8	8A6			NGÔ SĨ LIÊN	
2499	TRẦN THỊ NGỌC	MAI	08-Dec-03	60139983	8	8A6			NGUYỄN GIA THIỀU	
2500	LƯƠNG TIÊU	BÌNH	20-Dec-03	60127694	8	8a7			HOÀNG HOA THÁM	
2501	LÊ BẢO	CHÂU	20-Mar-03	60127692	8	8a7			HOÀNG HOA THÁM	
2502	LIÊU THỊ HÀ	GIANG	11-Apr-03	60127695	8	8a7			HOÀNG HOA THÁM	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2503	TRẦN NGUYỄN GIA	HÂN	31-Dec-03	60127710	8	8a7			HOÀNG HOA THÁM	
2504	LÊ VIỆT	KHẢI	30-Jun-03	60127693	8	8a7			HOÀNG HOA THÁM	
2505	TRẦN NGỌC	KHÔI	17-Oct-03	60127709	8	8a7			HOÀNG HOA THÁM	
2506	NGUYỄN HUỲNH	LONG	03-Jan-03	60127699	8	8a7			HOÀNG HOA THÁM	
2507	PHẠM NHẬT XUÂN	NGÂN	28-Dec-03	60127708	8	8a7			HOÀNG HOA THÁM	
2508	VÕ SONG QUỲNH	NHƯ	22-Mar-03	60127711	8	8a7			HOÀNG HOA THÁM	
2509	KHA CHẤN	PHONG	02-Dec-03	60127691	8	8a7			HOÀNG HOA THÁM	
2510	NGUYỄN VIỆT	QUANG	28-Feb-03	60127705	8	8a7			HOÀNG HOA THÁM	
2511	NGUYỄN PHÚC HẢI	QUỲNH	20-Oct-03	60127704	8	8a7			HOÀNG HOA THÁM	
2512	NGUYỄN PHẠM NHƯ	TÂM	18-Sep-03	60127703	8	8a7			HOÀNG HOA THÁM	
2513	NGUYỄN MINH	TIẾN	22-Nov-03	60127701	8	8a7			HOÀNG HOA THÁM	
2514	ĐẶNG QUỐC	TRÍ	14-Jan-03	60127688	8	8a7			HOÀNG HOA THÁM	
2515	NGUYỄN NGỌC HUY	TRƯỜNG	09-Feb-03	60127702	8	8a7			HOÀNG HOA THÁM	
2516	HOÀNG ANH	TUẤN	01-Feb-03	60127689	8	8a7			HOÀNG HOA THÁM	
2517	LÝ ANH	TUẤN	04-Apr-03	60127696	8	8a7			HOÀNG HOA THÁM	
2518	HOÀNG LÊ THANH	VY	10-May-03	60127690	8	8a7			HOÀNG HOA THÁM	
2519	NGUYỄN HUỲNH THẢO	VY	13-May-03	60127700	8	8a7			HOÀNG HOA THÁM	
2520	PHAN BÙI	HUY	20-Sep-03	60140000	8	8A7			NGUYỄN GIA THIỀU	
2521	PHẠM QUANG	KHÔI	14-Nov-03	60139999	8	8A7			NGUYỄN GIA THIỀU	
2522	LƯƠNG NGỌC KHÁNH	LINH	05-Nov-03	60139992	8	8A7			NGUYỄN GIA THIỀU	
2523	TRẦN ĐỖ PHƯƠNG	LINH	25-Jul-03	60140007	8	8A7			NGUYỄN GIA THIỀU	
2524	LÊ HOÀNG	LONG	20-Apr-03	60139990	8	8A7			NGUYỄN GIA THIỀU	
2525	PHAN THANH YẾN	PHƯƠNG	26-Jul-03	60140001	8	8A7			NGUYỄN GIA THIỀU	
2526	ĐINH VŨ MINH	QUÂN	24-Feb-03	60139985	8	8A7			NGUYỄN GIA THIỀU	
2527	ĐỖ THỊ KIM	THƯ	04-Mar-03	60139986	8	8A7			NGUYỄN GIA THIỀU	
2528	NGUYỄN MINH	VIỆT	08-Aug-03	60139995	8	8A7			NGUYỄN GIA THIỀU	
2529	VŨ TRÚC	MAI	03-Oct-03	60127719	8	8a8			HOÀNG HOA THÁM	
2530	BÙI TRUNG	SƠN	30-Jul-03	60127713	8	8a8			HOÀNG HOA THÁM	
2531	TRẦN HÀ KHÁNH	VY	24-Oct-03	60127715	8	8a8			HOÀNG HOA THÁM	
2532	TRẦN THỊ QUỲNH	ANH	08-Jan-03	60139104	8	8A8			NGÔ SĨ LIÊN	
2533	NGUYỄN NGỌC MINH	CHÂU	14-Jul-03	60139101	8	8A8			NGÔ SĨ LIÊN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2534	VŨ LÊ TRÚC	NHÃ	02-May-03	60139105	8	8A8			NGÔ SĨ LIÊN	
2535	NGUYỄN KHÁNH	VY	27-Mar-03	60139100	8	8A8			NGÔ SĨ LIÊN	
2536	NGUYỄN BẢO QUỲNH	ANH	15-Oct-03	60140012	8	8A8			NGUYỄN GIA THIỀU	
2537	PHẠM ANH	KHÔI	19-May-03	60140017	8	8A8			NGUYỄN GIA THIỀU	
2538	TRẦN NHẬT MINH	LONG	31-Aug-03	60140021	8	8A8			NGUYỄN GIA THIỀU	
2539	TRẦN NGỌC MINH	NHI	06-Dec-03	60140020	8	8A8			NGUYỄN GIA THIỀU	
2540	PHAN NGÔ MINH	QUANG	16-May-03	60140018	8	8A8			NGUYỄN GIA THIỀU	
2541	NGUYỄN ĐAN	QUẾ	23-Apr-03	60140013	8	8A8			NGUYỄN GIA THIỀU	
2542	TRƯƠNG HUỆ	BĂNG	17-Jul-03	60139595	8	8A8			TRƯỜNG CHINH	
2543	TRẦN THIÊN	THY	06-Aug-03	60139594	8	8A8			TRƯỜNG CHINH	
2544	UÔNG SĨ QUỐC	ANH	07-Mar-03	60127729	8	8a9			HOÀNG HOA THÁM	
2545	LÊ THANH	HẢI	09-Sep-03	60127723	8	8a9			HOÀNG HOA THÁM	
2546	NGUYỄN NGỌC GIA	LINH	26-Jul-03	60127728	8	8a9			HOÀNG HOA THÁM	
2547	VŨ NAM	PHƯƠNG	20-Sep-03	60127730	8	8a9			HOÀNG HOA THÁM	
2548	NGUYỄN ÁNH	XUÂN	03-May-03	60127725	8	8a9			HOÀNG HOA THÁM	
2549	PHẠM NGÔ	TUẤN	08-Sep-03	60140023	8	8A9			NGUYỄN GIA THIỀU	
2550	LÂM PHƯƠNG	NGHI	25-Feb-03	60138661	8	8B			VIỆT MỸ	
2551	VŨ KHÁNH	LINH		60139761	9	9.1			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2552	TRƯƠNG PHƯỚC	ĐIỀN	22-Sep-02	60139765	9	9.2			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2553	TRẦN LÃ QUỲNH	ANH	18-Feb-02	60139769	9	9.3			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2554	LÝ HUY	HOÀNG	12-Jun-02	60139767	9	9.3			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2555	NGUYỄN ĐỨC	TÀI	20-Jul-02	60139768	9	9.3			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2556	LÊ THỊ KIM	ÁNH	21-Oct-02	60138257	9	9.3			QUANG TRUNG	
2557	LÊ NGÔ GIA	HUY	15-Feb-02	60138256	9	9.3			QUANG TRUNG	
2558	TRẦN GIA THIÊN	KIM	02-Jan-02	60138263	9	9.3			QUANG TRUNG	
2559	NGUYỄN HIỀN	MAI	02-Aug-02	60138259	9	9.3			QUANG TRUNG	
2560	VÕ NGUYỄN BÍCH	THUẬN	20-Oct-02	60138266	9	9.3			QUANG TRUNG	
2561	NGUYỄN NGỌC MINH	TRÂM	30-Apr-02	60138260	9	9.3			QUANG TRUNG	
2562	TRẦN QUỐC	VĨ	18-Oct-02	60138264	9	9.3			QUANG TRUNG	
2563	THÁI THỊ HỒNG	YÊN	26-Mar-02	60138262	9	9.3			QUANG TRUNG	
2564	TRẦN THỊ MỸ	HƯƠNG	14-Nov-02	60139772	9	9.4			LÝ THƯỜNG KIỆT	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2565	PHẠM NGỌC	YẾN	07-Apr-02	60139770	9	9.4			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2566	PHẠM QUỲNH	ANH	17-Apr-02	60139776	9	9.5			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2567	ĐOÀN NGỌC THOẠI	MỸ	10-Dec-02	60139773	9	9.5			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2568	HÀ VỊNH	SAN	10-Jan-02	60139774	9	9.5			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2569	HOÀNG MINH	TUẤN	06-Jun-02	60139775	9	9.5			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2570	DƯƠNG HIỀN CHÍ	BẢO	31-Mar-02	60138268	9	9.5			QUANG TRUNG	
2571	DƯƠNG LÂM NGUYỄN	HÀ	17-Apr-02	60138269	9	9.5			QUANG TRUNG	
2572	NGUYỄN HÀ KIM	NGÂN	13-Jul-02	60138271	9	9.5			QUANG TRUNG	
2573	ĐOÀN NAM NGỌC	TRÂM	23-Apr-02	60138267	9	9.5			QUANG TRUNG	
2574	CỔ NGUYỄN THANH	PHONG	14-Jul-02	60139777	9	9.6			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2575	VŨ NGỌC BẢO	QUYÊN	05-Jan-02	60139781	9	9.6			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2576	NGÔ TRẦN THU	THẢO	04-Jun-02	60139778	9	9.6			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2577	PHẠM DƯƠNG THANH	THẢO	21-Jun-02	60139779	9	9.6			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2578	TĂNG THỊ PHƯƠNG	VY	04-Sep-02	60139780	9	9.6			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2579	CAO CHÁNH	KHẢI	15-Oct-02	60139782	9	9.7			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2580	THÁI LÊ HOÀNG	PHƯƠNG	08-Jun-02	60139784	9	9.7			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2581	NGUYỄN HỮU	TÙNG	03-Oct-02	60139783	9	9.7			LÝ THƯỜNG KIỆT	
2582	LÝ PHƯỚC THỰC	QUYÊN	30-Oct-02	60140024	9	9/1			NGUYỄN GIA THIỀU	
2583	PHẠM HUỲNH	AN	13-Apr-02	60138834	9	9/1			PHAM NGOC THACH	
2584	NGŨ TỬ	TƯ	20-Nov-02	60138833	9	9/1			PHAM NGOC THACH	
2585	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	31-Jan-02	60139298	9	9/1			THCS TÂN BÌNH	
2586	NGUYỄN HẬU TƯỜNG	VY	13-Jan-04	60139299	9	9/1			THCS TÂN BÌNH	
2587	PHÙNG XUÂN QUANG	ĐẠI	29-Aug-02	60138613	9	9/1			TRẦN VĂN ĐANG	
2588	NGUYỄN CAO NHẬT	ĐỨC	01-Apr-02	60138608	9	9/1			TRẦN VĂN ĐANG	
2589	LƯƠNG THỊ MỸ	HẰNG	21-Nov-02	60138607	9	9/1			TRẦN VĂN ĐANG	
2590	PHẠM NGỌC	HẰNG	28-Sep-02	60138611	9	9/1			TRẦN VĂN ĐANG	
2591	TRẦN ANH	KHÔI	17-Mar-02	60138614	9	9/1			TRẦN VĂN ĐANG	
2592	TRẦN DIỆU	MY	06-Oct-02	60138615	9	9/1			TRẦN VĂN ĐANG	
2593	TRẦN THANH HUYỀN	MY	05-Dec-02	60138616	9	9/1			TRẦN VĂN ĐANG	
2594	VŨ HỮU TÀI	NHÂN	12-Aug-02	60138618	9	9/1			TRẦN VĂN ĐANG	
2595	PHẠM PHƯƠNG	THẢO	1-Nov-02	60138612	9	9/1			TRẦN VĂN ĐANG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2596	NGUYỄN NGỌC KIM	TRANG	16-Jan-02	60138610	9	9/1			TRẦN VĂN ĐANG	
2597	VUÛ TRẦN BẢO	VY	21-Sep-02	60138619	9	9/1			TRẦN VĂN ĐANG	
2598	LÊ ĐÌNH BẢO	AN	02-Jan-02	60128706	9	9/10			NGÔ QUYỀN	
2599	NGUYỄN HOÀNG QUỲNH	CHI	19-Nov-02	60128709	9	9/10			NGÔ QUYỀN	
2600	HỒ HỒNG	HÂN	24-Dec-02	60128704	9	9/10			NGÔ QUYỀN	
2601	VIÊN THỊ NGỌC	HIỀN	09-Jan-02	60128722	9	9/10			NGÔ QUYỀN	
2602	NGUYỄN NAM	KHANG	08-Jul-02	60128711	9	9/10			NGÔ QUYỀN	
2603	ĐÌNH THỊ MỸ	LINH	15-Aug-02	60128701	9	9/10			NGÔ QUYỀN	
2604	BÙI THỊ	NGỌC	26-Aug-02	60128700	9	9/10			NGÔ QUYỀN	
2605	NGUYỄN TÂM	NGUYỄN	27-Oct-02	60128712	9	9/10			NGÔ QUYỀN	
2606	TRẦN THỊ THANH	NHI	14-Apr-02	60128720	9	9/10			NGÔ QUYỀN	
2607	NGUYỄN TRẦN KHÁNH	NHƯ	19-Apr-02	60128714	9	9/10			NGÔ QUYỀN	
2608	TRẦN NGUYỄN	PHONG	18-Apr-02	60128719	9	9/10			NGÔ QUYỀN	
2609	NGUYỄN THÀNH	PHÚC	25-May-02	60128713	9	9/10			NGÔ QUYỀN	
2610	LÊ HỮU	TÀI	08-Nov-02	60128707	9	9/10			NGÔ QUYỀN	
2611	HUỲNH THỤY BẢO	TRÂM	29-Dec-02	60128705	9	9/10			NGÔ QUYỀN	
2612	VÕ THỊ PHƯƠNG	TRÚC	18-Mar-02	60128723	9	9/10			NGÔ QUYỀN	
2613	PHAN NHẬT	TÂN	21-Mar-02	60140036	9	9/10			NGUYỄN GIA THIỀU	
2614	MAI THÀNH	CÔNG	26-Sep-02	60128729	9	9/11			NGÔ QUYỀN	
2615	ĐÌNH NGỌC NAM	GIANG	26-Feb-02	60128724	9	9/11			NGÔ QUYỀN	
2616	VŨ TRẦN ĐĂNG	KHOA	28-Jan-02	60128742	9	9/11			NGÔ QUYỀN	
2617	ĐOÀN TUẤN	KIỆT	26-Dec-02	60128726	9	9/11			NGÔ QUYỀN	
2618	PHẠM HOÀNG PHI	LÂM	01-Aug-02	60128735	9	9/11			NGÔ QUYỀN	
2619	HỒ MAI	LINH	08-Apr-02	60128727	9	9/11			NGÔ QUYỀN	
2620	ĐỖ ĐÌNH THẢO	NGÂN	09-Oct-02	60128725	9	9/11			NGÔ QUYỀN	
2621	NGUYỄN THUÝ KIM	NGÂN	30-Apr-02	60128733	9	9/11			NGÔ QUYỀN	
2622	TRỊNH BẢO	NGỌC	17-May-02	60128740	9	9/11			NGÔ QUYỀN	
2623	TRẦN MINH	NHÂN	16-Oct-02	60128739	9	9/11			NGÔ QUYỀN	
2624	TRẦN LÊ HOÀI	NHI	23-Jun-02	60128738	9	9/11			NGÔ QUYỀN	
2625	NGUYỄN KHÁNH	NHƯ	25-Feb-02	60128731	9	9/11			NGÔ QUYỀN	
2626	LÊ QUANG	PHÚC	15-Jul-02	60128728	9	9/11			NGÔ QUYỀN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2627	TẠ GIA	PHUNG	30-Jul-02	60128736	9	9/11			NGÔ QUYỀN	
2628	NGUYỄN ĐỨC	QUANG	18-Oct-02	60128730	9	9/11			NGÔ QUYỀN	
2629	PHẠM DUY	QUANG	23-Jun-02	60128734	9	9/11			NGÔ QUYỀN	
2630	ĐOÀN MINH	NHẬT	09-Feb-02	60140040	9	9/12			NGUYỄN GIA THIỀU	
2631	NGUYỄN NGÔ KIM	THỨC	18-May-02	60140041	9	9/12			NGUYỄN GIA THIỀU	
2632	LÊ MINH	ANH	26-Dec-02	60120730	9	9/12			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2633	NGUYỄN HOÀNG	NGUYỄN	18-Feb-02	60120731	9	9/12			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2634	NGUYỄN TRẦN UYÊN	THANH	12-Apr-02	60120733	9	9/12			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2635	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	08-May-02	60120732	9	9/12			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2636	NGUYỄN QUÝ	MINH	17-Jun-02	60120737	9	9/13			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2637	TRẦN NGỌC	ÁNH	21-Jun-02	60139324	9	9/13			THCS TÂN BÌNH	
2638	ĐỖ CÔNG	BÌNH	11-Jul-02	60139301	9	9/13			THCS TÂN BÌNH	
2639	PHẠM ĐỖ LINH	CHI	13-Jun-02	60139320	9	9/13			THCS TÂN BÌNH	
2640	NGUYỄN THÁI	ĐẠT	29-May-02	60139317	9	9/13			THCS TÂN BÌNH	
2641	VŨ THÀNH	ĐẠT	12-Oct-02	60139329	9	9/13			THCS TÂN BÌNH	
2642	HOÀNG THÁI	HÀ	28-Jun-02	60139306	9	9/13			THCS TÂN BÌNH	
2643	NGUYỄN HỌC MINH	HÂN	01-Oct-02	60139315	9	9/13			THCS TÂN BÌNH	
2644	NGUYỄN HOÀNG	KHANG	10-Jan-02	60139314	9	9/13			THCS TÂN BÌNH	
2645	DƯƠNG THIÊN	LẠC	08-May-02	60139304	9	9/13			THCS TÂN BÌNH	
2646	TRẦN NGUYỄN KIM	NGÂN	25-Aug-02	60139326	9	9/13			THCS TÂN BÌNH	
2647	HOÀNG MAI THIÊN	PHÚC	09-Jan-02	60139305	9	9/13			THCS TÂN BÌNH	
2648	LUU UYÊN	PHƯƠNG	17-Jun-02	60139309	9	9/13			THCS TÂN BÌNH	
2649	TRẦN NGỌC	PHƯƠNG	19-Feb-02	60139325	9	9/13			THCS TÂN BÌNH	
2650	ĐOÀN MAI DIỄM	QUỲNH	22-Nov-02	60139302	9	9/13			THCS TÂN BÌNH	
2651	NGUYỄN THỊ THU	QUỲNH	15-May-02	60139319	9	9/13			THCS TÂN BÌNH	
2652	NGÔ TẮT	THÀNH	23-Jun-02	60139310	9	9/13			THCS TÂN BÌNH	
2653	NGUYỄN LÊ ANH	THƯ	19-Dec-02	60139316	9	9/13			THCS TÂN BÌNH	
2654	PHẠM MINH	THƯ	26-Sep-02	60139321	9	9/13			THCS TÂN BÌNH	
2655	TRẦN ANH	THƯ	21-Jul-02	60139322	9	9/13			THCS TÂN BÌNH	
2656	NGUYỄN THANH	THỦY	30-Aug-02	60139318	9	9/13			THCS TÂN BÌNH	
2657	DƯƠNG HUỲNH HẢI	TRIỀU	25-Mar-02	60139303	9	9/13			THCS TÂN BÌNH	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2658	NGUYỄN ĐOÀN PHƯƠNG	UYÊN	30-Jul-02	60139312	9	9/13			THCS TÂN BÌNH	
2659	LÊ THẢO	VY	09-Jun-02	60139308	9	9/13			THCS TÂN BÌNH	
2660	NGUYỄN GIA	MINH	04-Jun-02	60120742	9	9/14			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2661	ĐOÀN TRẦN	THUẬN	12-Nov-02	60120739	9	9/14			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2662	NGÔ NGUYỄN MINH	TRÍ	28-Feb-02	60120741	9	9/14			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2663	TRẦN VIỆT	ĐỨC	11-Nov-02	60139355	9	9/14			THCS TÂN BÌNH	
2664	TRẦN HẠNH	DUYÊN	12-Jan-02	60139351	9	9/14			THCS TÂN BÌNH	
2665	NGUYỄN THANH	HUỆ	17-Nov-02	60139339	9	9/14			THCS TÂN BÌNH	
2666	TRẦN GIA	HUY	24-Jan-02	60139350	9	9/14			THCS TÂN BÌNH	
2667	PHẠM KIM CAO	KHANH	29-Dec-02	60139344	9	9/14			THCS TÂN BÌNH	
2668	TRẦN THANH	KHOA	26-May-02	60139353	9	9/14			THCS TÂN BÌNH	
2669	NGUYỄN ĐỖ MINH	LÂM	24-Dec-02	60139335	9	9/14			THCS TÂN BÌNH	
2670	NGUYỄN HOÀNG	LONG	13-Mar-02	60139336	9	9/14			THCS TÂN BÌNH	
2671	NGUYỄN THANH	LONG	20-Jul-02	60139340	9	9/14			THCS TÂN BÌNH	
2672	LÊ NGỌC BẢO	NHƯ	22-Apr-02	60139334	9	9/14			THCS TÂN BÌNH	
2673	TẶNG QUỲNH	NHƯ	30-May-02	60139348	9	9/14			THCS TÂN BÌNH	
2674	TRƯỜNG HOÀNG	PHÚC	23-Apr-02	60139356	9	9/14			THCS TÂN BÌNH	
2675	NINH TRẦN HOÀNG	QUÂN	26-Oct-02	60139342	9	9/14			THCS TÂN BÌNH	
2676	PHẠM PHƯƠNG	QUỲNH	13-Apr-02	60139347	9	9/14			THCS TÂN BÌNH	
2677	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	27-Aug-02	60139341	9	9/14			THCS TÂN BÌNH	
2678	PHẠM MINH	THÔNG	10-Aug-02	60139345	9	9/14			THCS TÂN BÌNH	
2679	TRẦN NGUYỄN ANH	THƯ	14-Mar-02	60139352	9	9/14			THCS TÂN BÌNH	
2680	CHU QUỐC	THUẬN	16-Jan-02	60139330	9	9/14			THCS TÂN BÌNH	
2681	TRẦN TRỌNG	THỨC	12-Jul-02	60139354	9	9/14			THCS TÂN BÌNH	
2682	NGUYỄN NHẬT MINH	TIẾN	07-Oct-02	60139338	9	9/14			THCS TÂN BÌNH	
2683	HOÀNG NGỌC BẢO	UYÊN	03-Oct-02	60139331	9	9/14			THCS TÂN BÌNH	
2684	VÕ KỶ HOÀNG	VIỆT	19-May-02	60139357	9	9/14			THCS TÂN BÌNH	
2685	PHẠM MINH	VŨ	24-Oct-02	60139346	9	9/14			THCS TÂN BÌNH	
2686	PHẠM HOÀNG	VY	06-Sep-02	60139343	9	9/14			THCS TÂN BÌNH	
2687	TÔ HOÀNG XUÂN	VY	07-Aug-02	60139349	9	9/14			THCS TÂN BÌNH	
2688	PHẠM THỊ THANH	HƯƠNG	3-Jun-02	60120745	9	9/15			QUỐC TẾ Á CHÂU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2689	VÕ THÁI	HÒA	14-Feb-02	60120750	9	9/16			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2690	TRỊNH DUY THẢO	NHI	22-Mar-02	60120749	9	9/16			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2691	SEO	HEE	26-Aug-02	60120752	9	9/17			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2692	NGUYỄN NỮ NGỌC	HÂN	03-Dec-02	60120755	9	9/18			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2693	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	23-Mar-02	60120757	9	9/18			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2694	HỒ XUÂN	TÙNG	13-Apr-02	60120754	9	9/18			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2695	HỒ KỶ BẢO	CHÂU	20-Aug-02	60120760	9	9/19			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2696	LÊ ĐỖ MẠNH	HUNG	15-Jul-02	60120761	9	9/19			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2697	NGUYỄN HỒNG BẢO	NGỌC	20-Feb-02	60120763	9	9/19			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2698	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	09-Nov-02	60120764	9	9/19			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2699	NGÔ XUÂN	TÙNG	18-Sep-02	60120762	9	9/19			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2700	HOÀNG TRẦN THANH	BÌNH	29-Jan-02	60140049	9	9/2			NGUYỄN GIA THIỀU	
2701	ĐÀM CHÍNH	ĐẠT	03-Nov-02	60140045	9	9/2			NGUYỄN GIA THIỀU	
2702	QUÁCH BÍCH	HÀ	31-Oct-02	60140055	9	9/2			NGUYỄN GIA THIỀU	
2703	TRƯƠNG NGỌC HOÀNG	HÀ	30-Mar-02	60140057	9	9/2			NGUYỄN GIA THIỀU	
2704	HỒ MAI	HÂN	27-Dec-02	60140048	9	9/2			NGUYỄN GIA THIỀU	
2705	NGUYỄN NGỌC YẾN	NHI	19-Aug-02	60140052	9	9/2			NGUYỄN GIA THIỀU	
2706	ĐẶNG VŨ ANH	THƯ	21-Mar-02	60140046	9	9/2			NGUYỄN GIA THIỀU	
2707	NGUYỄN THIÊN THANH	THƯƠNG	08-Jan-02	60140054	9	9/2			NGUYỄN GIA THIỀU	
2708	NGUYỄN ĐÀO BẢO	TRÂM	14-Apr-02	60140051	9	9/2			NGUYỄN GIA THIỀU	
2709	ĐẬU THUY	TRANG	05-Feb-02	60140047	9	9/2			NGUYỄN GIA THIỀU	
2710	CHU THỊ VÂN	ANH	09-May-02	60138304	9	9/2			QUANG TRUNG	
2711	NGUYỄN ĐỨC QUỐC	ANH	13-Oct-02	60138313	9	9/2			QUANG TRUNG	
2712	TRẦN THỊ NGỌC	BÍCH	20-Jun-02	60138335	9	9/2			QUANG TRUNG	
2713	TRẦN HỒ BẢO	CHÂU	06-Nov-02	60138331	9	9/2			QUANG TRUNG	
2714	LÊ TRẦN ANH	ĐÀO	02-Dec-02	60138310	9	9/2			QUANG TRUNG	
2715	ĐINH VIỆT	ĐẠT	05-Sep-02	60138305	9	9/2			QUANG TRUNG	
2716	PHAN NGUYỄN MINH	DUYÊN	17-Jul-02	60138326	9	9/2			QUANG TRUNG	
2717	VÕ THỊ MỸ	DUYÊN	30-Jan-02	60138341	9	9/2			QUANG TRUNG	
2718	PHAN THỊ NGỌC	HÀ	12-May-02	60138327	9	9/2			QUANG TRUNG	
2719	NGUYỄN HỒ GIA	HÂN	08-Jul-02	60138314	9	9/2			QUANG TRUNG	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2720	HỒ HỮU	HIỆP	28-Aug-02	60138308	9	9/2			QUANG TRUNG	
2721	TRỊNH TRỌNG	HIẾU	21-Jan-02	60138337	9	9/2			QUANG TRUNG	
2722	ĐỒNG THANH	HÙNG	22-Jan-02	60138307	9	9/2			QUANG TRUNG	
2723	CHÂU THÁI BẢO	HUY	14-May-02	60138303	9	9/2			QUANG TRUNG	
2724	VŨ ĐỨC	HUY	05-Oct-02	60138343	9	9/2			QUANG TRUNG	
2725	VĂN CHÍ	KHANH	21-Sep-02	60138339	9	9/2			QUANG TRUNG	
2726	LÊ QUỐC	KHÁNH	13-May-02	60138309	9	9/2			QUANG TRUNG	
2727	BÙI ĐĂNG	KHOA	07-Feb-02	60138302	9	9/2			QUANG TRUNG	
2728	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	09-Jul-02	60138312	9	9/2			QUANG TRUNG	
2729	VÕ LÊ VĂN	KHOA	13-May-02	60138340	9	9/2			QUANG TRUNG	
2730	ĐỖ NGUYỄN	KHÔI	27-Jan-02	60138306	9	9/2			QUANG TRUNG	
2731	VŨ THÙY	LINH	05-Sep-02	60138344	9	9/2			QUANG TRUNG	
2732	QUÁCH PHÚ	MINH	18-Feb-02	60138329	9	9/2			QUANG TRUNG	
2733	NGUYỄN THỦY	MY	16-Dec-02	60138321	9	9/2			QUANG TRUNG	
2734	SEAH XUÂN	NGHI	12-Feb-02	60138330	9	9/2			QUANG TRUNG	
2735	TRẦN THỊ HỒNG	NGỌC	08-Sep-02	60138334	9	9/2			QUANG TRUNG	
2736	NGUYỄN TRẦN ÁNH	NHU	10-Oct-02	60138322	9	9/2			QUANG TRUNG	
2737	NGUYỄN NGỌC MINH	PHƯỢNG	16-Mar-02	60138317	9	9/2			QUANG TRUNG	
2738	VÕ TRẦN DUY	TÂN	15-Jul-02	60138342	9	9/2			QUANG TRUNG	
2739	NGUYỄN THIÊN	THANH	27-Feb-02	60138320	9	9/2			QUANG TRUNG	
2740	TRẦN NGUYỄN THỊ HOÀNG	THI	03-Mar-02	60138333	9	9/2			QUANG TRUNG	
2741	TRỊNH NGUYỄN QUỲNH	TRANG	12-Dec-02	60138336	9	9/2			QUANG TRUNG	
2742	TRƯƠNG THỊ HUYỀN	TRANG	01-Jun-02	60138338	9	9/2			QUANG TRUNG	
2743	NGUYỄN MINH	TRIẾT	16-Sep-02	60138316	9	9/2			QUANG TRUNG	
2744	PHẠM TRỊNH ANH	TUẤN	07-Oct-02	60138325	9	9/2			QUANG TRUNG	
2745	TRẦN LÊ TÚ	UYÊN	25-Oct-02	60138332	9	9/2			QUANG TRUNG	
2746	NGUYỄN THỊ THẢO	VY	07-Oct-02	60138319	9	9/2			QUANG TRUNG	
2747	NGUYỄN BÌNH	YÊN	03-Jun-02	60138311	9	9/2			QUANG TRUNG	
2748	NGUYỄN KHÁNH	DUY	13-Oct-02	60139359	9	9/2			THCS TÂN BÌNH	
2749	NGUYỄN CÔNG	MINH	10-Mar-02	60139358	9	9/2			THCS TÂN BÌNH	
2750	LƯƠNG GIA	HUY	04-Jan-02	60120768	9	9/20			QUỐC TẾ Á CHÂU	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2751	TRẦN VÕ GIA	HUY	7-Sep-02	60120781	9	9/21			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2752	TRẦN HUỖNH NHẬT	PHONG	15-Jul-01	60120779	9	9/21			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2753	TRẦN MINH	THÁI	30-Oct-02	60120780	9	9/21			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2754	HỒ PHÚ	TRIỆU	31-Aug-02	60120774	9	9/21			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2755	LÊ ĐÌNH NHẬT	HẢI	28-Sep-02	60120783	9	9/22			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2756	PHẠM QUÂN	KIỆT	10-Nov-02	60120790	9	9/22			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2757	LÊ HOÀNG	MINH	24-Apr-02	60120784	9	9/22			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2758	HỒ THỊ UYÊN	NHI	02-Apr-02	60120782	9	9/22			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2759	TRẦN MINH	QUÂN	30-Aug-02	60120791	9	9/22			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2760	NGUYỄN NGỌC MINH	VÂN	06-Nov-02	60120786	9	9/22			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2761	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VY	25-Mar-02	60120787	9	9/22			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2762	LÊ MINH	KHÔI	14-Aug-02	60120792	9	9/24			QUỐC TẾ Á CHÂU	
2763	ĐẶNG HUỖNH KHÁNH	CHI	08-Mar-02	60140059	9	9/3			NGUYỄN GIA THIỀU	
2764	TRẦN LƯU MẠNH	CƯỜNG	21-Oct-02	60140070	9	9/3			NGUYỄN GIA THIỀU	
2765	ĐOÀN NGỌC THỦY	DUNG	13-Apr-02	60140060	9	9/3			NGUYỄN GIA THIỀU	
2766	NGUYỄN MINH	KHƯƠNG	14-Apr-02	60140063	9	9/3			NGUYỄN GIA THIỀU	
2767	PHAN MINH	TÂM	30-Dec-02	60140068	9	9/3			NGUYỄN GIA THIỀU	
2768	LÊ NGỌC VÂN	ANH	28-Feb-02	60139363	9	9/3			THCS TÂN BÌNH	
2769	VŨ NGUYỄN MINH	ANH	03-Apr-02	60139370	9	9/3			THCS TÂN BÌNH	
2770	PHẠM MAI MINH	HƯƠNG	17-Jan-02	60139367	9	9/3			THCS TÂN BÌNH	
2771	NGUYỄN LÊ HOÀNG	KHANH	28-Apr-02	60139364	9	9/3			THCS TÂN BÌNH	
2772	TRƯƠNG NGUYỄN MINH	KHOA	07-Mar-02	60139369	9	9/3			THCS TÂN BÌNH	
2773	NGUYỄN THU HOÀNG	MAI	05-Jul-02	60139366	9	9/3			THCS TÂN BÌNH	
2774	NGUYỄN NGỌC TÂM	NHƯ	05-May-02	60139365	9	9/3			THCS TÂN BÌNH	
2775	LÊ HUỖNH MINH	THƯ	05-Nov-02	60139362	9	9/3			THCS TÂN BÌNH	
2776	DƯƠNG NGUYỄN MINH	CHÂU	22-May-02	60140072	9	9/4			NGUYỄN GIA THIỀU	
2777	LÊ THỤY THÙY	DUNG	24-Jan-02	60140073	9	9/4			NGUYỄN GIA THIỀU	
2778	TRỊNH HOÀNG	KHOA	01-Sep-02	60140076	9	9/4			NGUYỄN GIA THIỀU	
2779	HOÀNG LÊ GIA	KHÁNH	18-May-02	60139375	9	9/4			THCS TÂN BÌNH	
2780	HỒ TRỌNG ANH	KHOA	12-Jul-02	60139374	9	9/4			THCS TÂN BÌNH	
2781	NGUYỄN NHÂN	KIỆT	25-Dec-02	60139382	9	9/4			THCS TÂN BÌNH	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2782	NGUYỄN HOÀNG MINH	NGUYỄN	11-Jul-02	60139381	9	9/4			THCS TÂN BÌNH	
2783	LA HUYỀN	PHƯƠNG	19-Sep-02	60139376	9	9/4			THCS TÂN BÌNH	
2784	LÊ QUANG	THỊNH	23-Dec-02	60139377	9	9/4			THCS TÂN BÌNH	
2785	ĐỖ NGỌC ANH	THƯ	18-Sep-02	60139373	9	9/4			THCS TÂN BÌNH	
2786	PHẠM HOÀNG ĐÌNH	TUẤN	27-Apr-02	60139383	9	9/4			THCS TÂN BÌNH	
2787	HÀ PHƯƠNG	ANH	30-Apr-02	60138623	9	9/4			TRẦN VĂN ĐANG	
2788	ĐÌNH NGUYỄN QUỲNH	HƯƠNG	24-Nov-02	60138621	9	9/4			TRẦN VĂN ĐANG	
2789	LÊ HOÀNG	LAN	30-Mar-02	60138624	9	9/4			TRẦN VĂN ĐANG	
2790	NGUYỄN TRẦN NHẬT	MINH	05-Aug-02	60138629	9	9/4			TRẦN VĂN ĐANG	
2791	TRẦN PHƯỚC	THUẬN	18-Apr-02	60138632	9	9/4			TRẦN VĂN ĐANG	
2792	PHÙ LÊ HOÀI	THƯƠNG	04-Aug-01	60138631	9	9/4			TRẦN VĂN ĐANG	
2793	NGUYỄN VIỆT	AN	07-Nov-02	60140080	9	9/5			NGUYỄN GIA THIỀU	
2794	TRINH QUỐC	HUY	11-Feb-02	60140081	9	9/5			NGUYỄN GIA THIỀU	
2795	LÊ HỒNG	LIÊN	16-Mar-02	60140078	9	9/5			NGUYỄN GIA THIỀU	
2796	NGUYỄN HY	THẠCH	08-Sep-02	60140079	9	9/5			NGUYỄN GIA THIỀU	
2797	VŨ ĐỨC THIÊN	ÂN	23-Sep-02	60140093	9	9/6			NGUYỄN GIA THIỀU	
2798	HỒ NGUYỄN NGỌC	BẢO	30-Apr-02	60140085	9	9/6			NGUYỄN GIA THIỀU	
2799	BÙI HỒNG BẢO	CHÂU	15-Oct-02	60140082	9	9/6			NGUYỄN GIA THIỀU	
2800	NGUYỄN THỊ TÚ	LINH	25-Jun-02	60140089	9	9/6			NGUYỄN GIA THIỀU	
2801	LÊ ĐOÀN BẢO	NGÂN	27-Jan-02	60140087	9	9/6			NGUYỄN GIA THIỀU	
2802	PHẠM THANH	NGUYỄN	07-Nov-02	60140092	9	9/6			NGUYỄN GIA THIỀU	
2803	PHẠM CHÂU	THANH	08-Feb-02	60140090	9	9/6			NGUYỄN GIA THIỀU	
2804	NGUYỄN TUẤN	ANH	15-Sep-01	60138850	9	9/7			PHAM NGOC THACH	
2805	LÊ	HOÀNG	19-Jul-02	60138841	9	9/7			PHAM NGOC THACH	
2806	HỒ ĐĂNG MẠNH	HUNG	17-Feb-02	60138837	9	9/7			PHAM NGOC THACH	
2807	VÕ NGUYỄN	HUY	01-Aug-02	60138852	9	9/7			PHAM NGOC THACH	
2808	NGUYỄN HỒ NAM	KHÁNH	12-Feb-02	60138845	9	9/7			PHAM NGOC THACH	
2809	ĐỖ VĂN	NAM	20-Feb-02	60138835	9	9/7			PHAM NGOC THACH	
2810	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	06-Feb-02	60138849	9	9/7			PHAM NGOC THACH	
2811	LÊ THỊ	PHƯƠNG	23-Jun-02	60138843	9	9/7			PHAM NGOC THACH	
2812	HOÀNG LAN NỮ THẢO	QUỲNH	14-Aug-02	60138839	9	9/7			PHAM NGOC THACH	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2813	LÊ THANH	THÀNH	12-Oct-02	60138842	9	9/7			PHAM NGOC THACH	
2814	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẢO	15-Oct-02	60138848	9	9/7			PHAM NGOC THACH	
2815	HOÀNG MINH	THÔNG	04-Dec-02	60138840	9	9/7			PHAM NGOC THACH	
2816	LIN CHẤN	VINH	09-Dec-02	60138844	9	9/7			PHAM NGOC THACH	
2817	NGUYỄN PHÚC THÚY	VY	08-Jul-02	60138847	9	9/7			PHAM NGOC THACH	
2818	DIỆP KIỀU	AN	24-Aug-02	60128748	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2819	ĐOÀN KHÁNH	AN	13-Jul-02	60128751	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2820	ĐỖ VIỆT	ANH	02-Jan-02	60128749	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2821	CHU THỊ MINH	CHÂU	22-Feb-02	60128746	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2822	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG	05-Feb-02	60128758	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2823	NGUYỄN VŨ HOÀNG	DUNG	29-Oct-02	60128767	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2824	NGUYỄN MẠNH	DŨNG	28-Feb-02	60128762	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2825	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	31-Aug-02	60128765	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2826	BÙI TRUNG	HẢI	11-Dec-02	60128744	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2827	GIÁP VŨ GIA	HÂN	20-Nov-02	60128752	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2828	HỒ NGỌC	HÀO	22-Feb-02	60128753	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2829	ĐỖ VŨ MINH	HIẾU	07-Apr-02	60128750	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2830	ĐẶNG QUỲNH	HƯƠNG	30-Mar-02	60128747	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2831	NGUYỄN GIA	HUY	07-Jun-02	60128757	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2832	NGUYỄN QUỐC	HUY	04-Nov-02	60128764	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2833	NGUYỄN VŨ ÁNH	LINH	16-Jul-02	60128766	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2834	PHẠM HOÀNG KHÁNH	LINH	06-Mar-02	60128768	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2835	NGUYỄN KIỀU THẢO	NGÂN	06-Aug-02	60128760	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2836	NGUYỄN KHÔI	NGUYỄN	22-Mar-02	60128759	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2837	MAI THANH	PHONG	07-Mar-02	60128755	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2838	TRẦN THIÊN	PHÚ	12-Oct-02	60128776	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2839	LÊ BẢO	PHÚC	08-Sep-02	60128754	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2840	PHẠM THÚY	PHƯƠNG	07-Feb-02	60128769	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2841	CAO VŨ HOÀNG	SƠN	19-Jan-02	60128745	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2842	THÂN MINH	TÂM	01-Jan-02	60128771	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2843	TRẦN DUYÊN	THÀNH	19-Aug-02	60128772	9	9/8			NGÔ QUYỀN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2844	PHAN HIỀN	THẢO	06-Dec-02	60128770	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2845	NGUYỄN ĐỖ ANH	THU	07-Apr-02	60128756	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2846	TRẦN THỊ BẢO	TRÂN	26-Mar-02	60128774	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2847	NGUYỄN NGỌC MINH	TRÍ	09-Jun-02	60128763	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2848	VŨ DƯƠNG TƯỜNG	VI	31-Jul-02	60128778	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2849	NGUYỄN KIM	VŨ	21-Jul-02	60128761	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2850	BÙI LÂM TƯỜNG	VY	18-Jun-02	60128743	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2851	TRẦN THỊ THANH	VY	06-Mar-02	60128775	9	9/8			NGÔ QUYỀN	
2852	VU4 KHÁNH	LINH	13-Jan-02	60140103	9	9/8			NGUYỄN GIA THIỀU	
2853	NGUYỄN NGỌC	NGÂN	05-Jan-02	60140097	9	9/8			NGUYỄN GIA THIỀU	
2854	ĐINH TUẤN	PHÁT	27-Sep-02	60140094	9	9/8			NGUYỄN GIA THIỀU	
2855	HUỖNH HUY	THAẮNG	01-Jun-02	60140096	9	9/8			NGUYỄN GIA THIỀU	
2856	TRỊNH HỘI	AN	08-Feb-02	60128812	9	9/9			NGÔ QUYỀN	
2857	UÔNG THÀNH	AN	28-Aug-02	60128813	9	9/9			NGÔ QUYỀN	
2858	BÙI MINH	ANH	16-Nov-02	60128779	9	9/9			NGÔ QUYỀN	
2859	ĐẶNG NGUYỄN KIM	DUNG	31-Oct-02	60128784	9	9/9			NGÔ QUYỀN	
2860	TIÊU MAI	HÂN	19-Aug-02	60128808	9	9/9			NGÔ QUYỀN	
2861	HÀ NGỌC	HƯƠNG	27-Feb-02	60128788	9	9/9			NGÔ QUYỀN	
2862	NGUYỄN THẢO QUỲNH	HƯƠNG	16-Apr-02	60128801	9	9/9			NGÔ QUYỀN	
2863	TRẦN HỮU	HUY	14-Jul-02	60128810	9	9/9			NGÔ QUYỀN	
2864	NGUYỄN ĐÌNH	KHANG	26-May-02	60128795	9	9/9			NGÔ QUYỀN	
2865	NGUYỄN NGỌC TRÀ	MY	07-Apr-02	60128799	9	9/9			NGÔ QUYỀN	
2866	LÝ NGỌC KIM	NGÂN	24-Sep-02	60128793	9	9/9			NGÔ QUYỀN	
2867	VÕ THIÊN	NHÂN	17-Oct-02	60128815	9	9/9			NGÔ QUYỀN	
2868	ĐẶNG UYÊN	NHI	05-Dec-02	60128785	9	9/9			NGÔ QUYỀN	
2869	NGUYỄN ĐẶNG THẢO	NHI	08-Nov-02	60128794	9	9/9			NGÔ QUYỀN	
2870	PHẠM THỊ HOÀI	NHI	04-May-02	60128806	9	9/9			NGÔ QUYỀN	
2871	LẠI NGUYỄN HỒNG	SƯƠNG	08-Jul-02	60128792	9	9/9			NGÔ QUYỀN	
2872	PHẠM BÍCH	THẢO	03-Jul-02	60128804	9	9/9			NGÔ QUYỀN	
2873	ĐINH TRÍ	THIỆN	12-Oct-02	60128787	9	9/9			NGÔ QUYỀN	
2874	LẠI MINH	THÔNG	15-Oct-02	60128791	9	9/9			NGÔ QUYỀN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2875	PHẠM VŨ BÍCH	THÙY	12-Oct-02	60128807	9	9/9			NGÔ QUYỀN	
2876	PHẠM NGUYỄN HUYỀN	TRANG	29-Mar-02	60128805	9	9/9			NGÔ QUYỀN	
2877	TÔ HẠNH	TRANG	30-May-02	60128809	9	9/9			NGÔ QUYỀN	
2878	ĐẶNG ANH	TUẤN	07-Jul-02	60128783	9	9/9			NGÔ QUYỀN	
2879	NGUYỄN NGỌC MINH	UYÊN	04-Oct-02	60128798	9	9/9			NGÔ QUYỀN	
2880	TRẦN NGUYỄN THU	UYÊN	13-May-02	60128811	9	9/9			NGÔ QUYỀN	
2881	BÙI QUỐC	VIỆT	02-May-02	60128781	9	9/9			NGÔ QUYỀN	
2882	NGUYỄN TRƯỞNG NHƯ	Ý	18-Feb-02	60128802	9	9/9			NGÔ QUYỀN	
2883	BÙI ĐỨC	HẢI	14-Feb-02	60140104	9	9/9			NGUYỄN GIA THIỀU	
2884	TRƯƠNG LÊ QUỲNH	NHƯ	11-Mar-02	60140108	9	9/9			NGUYỄN GIA THIỀU	
2885	TRẦN LÊ DUY	ÂN	20-Oct-02	60138670	9	9A			VIỆT MỸ	
2886	TRẦN LÊ THIÊN	ÂN	20-Oct-02	60138671	9	9A			VIỆT MỸ	
2887	NGUYỄN VIỆT	ANH	01-Mar-02	60138667	9	9A			VIỆT MỸ	
2888	CHUNG JENG	JANG	09-Jan-02	60138662	9	9A			VIỆT MỸ	
2889	NGUYỄN LINH	NHI	04-Jun-02	60138665	9	9A			VIỆT MỸ	
2890	PHAN TẤN	PHÁT	11-Nov-02	60138668	9	9A			VIỆT MỸ	
2891	LÊ TRIỆU	TẤN	18-Dec-01	60138664	9	9A			VIỆT MỸ	
2892	ĐÀM QUANG	VŨ	03-Oct-02	60138663	9	9A			VIỆT MỸ	
2893	ĐIỀN PHƯƠNG	ANH	15-Mar-02	60127731	9	9a1			HOÀNG HOA THẨM	
2894	NGUYỄN CAO MINH	NGỌC	17-Oct-02	60127732	9	9a1			HOÀNG HOA THẨM	
2895	TRẦN NGỌC DẠ	THỦY	13-Jan-02	60127735	9	9a1			HOÀNG HOA THẨM	
2896	NGUYỄN THỊ TÂN	BÌNH	7-Jan-02	60139130	9	9A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2897	NGUYỄN PHAN THANH	HÀ	14-Dec-02	60139128	9	9A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2898	THÁI THANH	HẰNG	01-Dec-02	60139134	9	9A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2899	LÊ ĐÌNH GIA	HUY	14-Dec-01	60139113	9	9A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2900	VŨ TRƯỜNG	HY	17-Nov-02	60139140	9	9A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2901	MAI HOÀNG ÁI	LINH	25-Feb-02	60139120	9	9A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2902	CAO QUỲNH	MAI	07-Sep-02	60139107	9	9A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2903	LÊ PHƯƠNG	MAI	18-Jul-02	60139117	9	9A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2904	HÀ VÕ NGUYỆT	MINH	25-Jun-02	60139110	9	9A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2905	TRẦN ANH	NGA	19-Apr-02	60139135	9	9A1			NGÔ SĨ LIÊN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2906	TRẦN THANH	NGUYỄN	10-Jun-02	60139138	9	9A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2907	LÊ HỒNG	NHI	27-Feb-02	60139114	9	9A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2908	LÊ TRẦN MINH	NHI	15-Oct-02	60139118	9	9A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2909	NGUYỄN HIẾU HOÀNG	NHI	28-Feb-02	60139123	9	9A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2910	TRẦN THỊ TUYẾT	NHUNG	29-Apr-02	60139139	9	9A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2911	NGUYỄN HOÀNG	QUÂN	02-Mar-02	60139125	9	9A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2912	NGUYỄN QUANG	SANG	9-Apr-02	60139129	9	9A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2913	TĂNG THỊ THANH	TÂM	11-Apr-02	60139133	9	9A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2914	LÊ NGUYỄN HƯƠNG	THY	21-Oct-02	60139116	9	9A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2915	NGUYỄN MINH	TRANG	20-Oct-02	60139126	9	9A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2916	NGUYỄN TRỌNG	TRÍ	04-Nov-02	60139131	9	9A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2917	HỒ MINH	TRIẾT	17-May-02	60139111	9	9A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2918	TRẦN LINH THỤC	UYÊN	17-Mar-02	60139137	9	9A1			NGÔ SĨ LIÊN	
2919	LÊ HOÀNG ĐẠI	AN	27-Dec-02	60138519	9	9A1			THCS ÂU LẠC	
2920	VÕ THÀNH	AN	10-May-02	60138531	9	9A1			THCS ÂU LẠC	
2921	HOÀNG KIM CHÂU	ANH	26-Jun-02	60138516	9	9A1			THCS ÂU LẠC	
2922	HOÀNG LÊ KIM	ANH	03-Aug-02	60138517	9	9A1			THCS ÂU LẠC	
2923	LÊ ĐỨC	ANH	14-Aug-02	60138518	9	9A1			THCS ÂU LẠC	
2924	NGUYỄN THANH	DŨNG	09-Jan-02	60138529	9	9A1			THCS ÂU LẠC	
2925	LÊ NHẬT	HUY	21-Apr-02	60138520	9	9A1			THCS ÂU LẠC	
2926	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	HUYỀN	13-Sep-02	60138526	9	9A1			THCS ÂU LẠC	
2927	NGÔ NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	MINH	22-Jan-02	60138523	9	9A1			THCS ÂU LẠC	
2928	VŨƠNG TÂM	NHƯ	01-Feb-02	60138532	9	9A1			THCS ÂU LẠC	
2929	NGUYỄN NGỌC MINH	SƠN	25-Apr-02	60138527	9	9A1			THCS ÂU LẠC	
2930	LÊ PHƯƠNG NHẬT	THẢO	19-Aug-02	60138521	9	9A1			THCS ÂU LẠC	
2931	NGÔ GIA	TRIỆU	07-Nov-02	60138522	9	9A1			THCS ÂU LẠC	
2932	MÃ THOẠI MINH	HOÀNG	12-May-02	60139604	9	9A1			TRƯỜNG CHÍNH	
2933	PHÙNG VĂN	KHẢI	17-Mar-02	60139609	9	9A1			TRƯỜNG CHÍNH	
2934	VÕ ANH	KHOA	19-Jan-02	60139610	9	9A1			TRƯỜNG CHÍNH	
2935	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	VÂN	25-Apr-02	60139606	9	9A1			TRƯỜNG CHÍNH	
2936	HOÀNG THỊ THẢO	ĐOÀN	09-Apr-02	60138853	9	9A1			VÕ VĂN TÀN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2937	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	03-Nov-02	60138854	9	9A1			VỖ VĂN TÀN	
2938	HỨA TRẦN BẢO	MINH	12-Mar-02	60127736	9	9a10			HOÀNG HOA THÁM	
2939	VÕ NGỌC	TÚ	15-Nov-02	60127740	9	9a10			HOÀNG HOA THÁM	
2940	NGUYỄN QUANG	HUY	08-May-02	60139612	9	9A11			TRƯỜNG CHINH	
2941	TRẦN ANH	LÂM	26-Jun-02	60139613	9	9A11			TRƯỜNG CHINH	
2942	LÊ ĐẠI	NAM	10-May-02	60139611	9	9A11			TRƯỜNG CHINH	
2943	NGUYỄN VĂN HÀ	AN	18-Aug-02	60139141	9	9A12			NGÔ SĨ LIÊN	
2944	NGUYỄN CAO THIÊN	NHÂN	16-Oct-02	60127744	9	9a13			HOÀNG HOA THÁM	
2945	NGUYỄN BẢO	TRẠNG	07-Dec-02	60127743	9	9a13			HOÀNG HOA THÁM	
2946	TÔ QUỐC	BẢO	24-Dec-02	60127750	9	9a14			HOÀNG HOA THÁM	
2947	MAI SĨ	ĐẠT	30-Jul-02	60127748	9	9a14			HOÀNG HOA THÁM	
2948	TRẦN THẢO	DUYÊN	02-May-02	60127752	9	9a14			HOÀNG HOA THÁM	
2949	TRẦN GIA	HÂN	29-Sep-02	60127751	9	9a14			HOÀNG HOA THÁM	
2950	PHẠM KIM	NGỌC	03-Aug-02	60127749	9	9a14			HOÀNG HOA THÁM	
2951	LÊ TRẦN GIA	QUÂN	11-May-02	60127747	9	9a14			HOÀNG HOA THÁM	
2952	NGUYỄN ĐỨC	MẠNH	17-Aug-02	60127754	9	9a15			HOÀNG HOA THÁM	
2953	NGUYỄN VŨ NHÂM	NGUYỄN	20-Sep-02	60127759	9	9a2			HOÀNG HOA THÁM	
2954	NGUYỄN PHAN HỮU	PHÚC	17-Jan-02	60127758	9	9a2			HOÀNG HOA THÁM	
2955	TRẦN THỊ THÚY	AN	15-Jan-02	60139169	9	9A2			NGÔ SĨ LIÊN	
2956	LÊ THỊ NGỌC	ANH	7-Jun-02	60139151	9	9A2			NGÔ SĨ LIÊN	
2957	NGUYỄN HỮU	HIỆU	4-Aug-02	60139155	9	9A2			NGÔ SĨ LIÊN	
2958	NGUYỄN MINH	KHOA	7-Dec-02	60139156	9	9A2			NGÔ SĨ LIÊN	
2959	NGUYỄN DIỆU	LINH	2-Apr-02	60139153	9	9A2			NGÔ SĨ LIÊN	
2960	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	30-Sep-02	60139162	9	9A2			NGÔ SĨ LIÊN	
2961	TRẦN THANH	MAI	07-Mar-02	60139168	9	9A2			NGÔ SĨ LIÊN	
2962	VÕ QUANG	MINH	16-Jul-02	60139171	9	9A2			NGÔ SĨ LIÊN	
2963	NGUYỄN THANH	NGÂN	12-Oct-02	60139159	9	9A2			NGÔ SĨ LIÊN	
2964	VŨ MINH	NGÂN	5-Apr-02	60139172	9	9A2			NGÔ SĨ LIÊN	
2965	ĐỖ PHÚC HẠNH	NGUYỄN	04-Apr-02	60139145	9	9A2			NGÔ SĨ LIÊN	
2966	HÀ HOÀNG YẾN	NHI	06-Mar-02	60139147	9	9A2			NGÔ SĨ LIÊN	
2967	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	NHI	25-May-02	60139158	9	9A2			NGÔ SĨ LIÊN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2968	PHẠM ĐÀO PHƯƠNG	NHI	23-Oct-02	60139165	9	9A2			NGÔ SĨ LIÊN	
2969	NGÔ LÂM BẢO	PHÚC	28-Feb-02	60139152	9	9A2			NGÔ SĨ LIÊN	
2970	HOÀNG BẢO LAN	PHƯƠNG	29-Mar-02	60139148	9	9A2			NGÔ SĨ LIÊN	
2971	LÊ NGÔ	QUANG	25-Oct-02	60139150	9	9A2			NGÔ SĨ LIÊN	
2972	NGUYỄN THỊ THIÊN	QUỲNH	17-Jun-02	60139163	9	9A2			NGÔ SĨ LIÊN	
2973	NGUYỄN MINH	THI	1-Jan-02	60139157	9	9A2			NGÔ SĨ LIÊN	
2974	BÙI MINH	THU	23-Oct-02	60139142	9	9A2			NGÔ SĨ LIÊN	
2975	HUỲNH PHẠM ANH	THÚ	11-May-02	60139149	9	9A2			NGÔ SĨ LIÊN	
2976	TRƯƠNG THỊ MINH	THÚ	28-Nov-02	60139170	9	9A2			NGÔ SĨ LIÊN	
2977	DƯƠNG HỒ MINH	THY	28-Feb-02	60139146	9	9A2			NGÔ SĨ LIÊN	
2978	NGUYỄN HUỲNH PHƯƠNG	ANH	01-Feb-02	60139619	9	9A2			TRƯỜNG CHINH	
2979	LÊ NGUYỄN NGỌC	ÁNH	18-Mar-02	60139616	9	9A2			TRƯỜNG CHINH	
2980	NGUYỄN BÁ	CÔNG	24-May-02	60139617	9	9A2			TRƯỜNG CHINH	
2981	HUỲNH VĂN	KHOA	08-Jul-02	60139614	9	9A2			TRƯỜNG CHINH	
2982	LÊ HOÀNG	MINH	17-May-02	60139615	9	9A2			TRƯỜNG CHINH	
2983	TRẦN LÊ QUỲNH	NHÚ	06-Nov-02	60139621	9	9A2			TRƯỜNG CHINH	
2984	NGUYỄN HOÀNG	AN	26-Feb-02	60127769	9	9a3			HOÀNG HOA THÁM	
2985	PHẠM TRẦN VƯƠNG	ANH	09-Aug-02	60127778	9	9a3			HOÀNG HOA THÁM	
2986	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	HOA	26-Apr-02	60127771	9	9a3			HOÀNG HOA THÁM	
2987	NGUYỄN NGUYỄN ĐÌNH	KHẢI	27-Jan-02	60127772	9	9a3			HOÀNG HOA THÁM	
2988	LÊ HẢI	MINH	26-Feb-02	60127765	9	9a3			HOÀNG HOA THÁM	
2989	NGUYỄN PHẠM TƯỜNG	NGÂN	31-Aug-02	60127773	9	9a3			HOÀNG HOA THÁM	
2990	ĐỖ MINH	NHẬT	29-May-02	60127764	9	9a3			HOÀNG HOA THÁM	
2991	TRẦN THỊ	QUỲNH	04-May-02	60127780	9	9a3			HOÀNG HOA THÁM	
2992	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	30-Sep-02	60127776	9	9a3			HOÀNG HOA THÁM	
2993	VŨ HUYỀN DIỆU	THẢO	11-Apr-02	60127781	9	9a3			HOÀNG HOA THÁM	
2994	PHẠM NGỌC KIM	TÚ	16-Mar-02	60127777	9	9a3			HOÀNG HOA THÁM	
2995	NGUYỄN NGỌC MINH	UYÊN	04-Jun-02	60127770	9	9a3			HOÀNG HOA THÁM	
2996	TẠ TƯỜNG	VY	24-Feb-02	60127779	9	9a3			HOÀNG HOA THÁM	
2997	TRẦN MINH TUYẾT	MAI	30-Nov-02	60139623	9	9A3			TRƯỜNG CHINH	
2998	NGHIÊM TRƯỞNG MỸ	TÂM	02-Nov-02	60139622	9	9A3			TRƯỜNG CHINH	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
2999	KIM NỮ THIÊN	BÌNH	07-Nov-02	60127783	9	9a4			HOÀNG HOA THÁM	
3000	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	01-Jun-02	60127786	9	9a4			HOÀNG HOA THÁM	
3001	TRẦN THANH	HÒA	19-Dec-02	60127788	9	9a4			HOÀNG HOA THÁM	
3002	LÊ QUANG	MINH	10-Nov-02	60127784	9	9a4			HOÀNG HOA THÁM	
3003	NGUYỄN LÊ NGỌC	QUỲNH	28-Jan-02	60127785	9	9a4			HOÀNG HOA THÁM	
3004	TRẦN MAI	ANH	13-Apr-02	60139643	9	9A4			TRƯỜNG CHINH	
3005	VÕ HUỲNH KHÁNH	ĐOAN	12-Jul-02	60139644	9	9A4			TRƯỜNG CHINH	
3006	PHẠM YẾN	LINH	05-Apr-02	60139640	9	9A4			TRƯỜNG CHINH	
3007	LÊ HUỲNH TRÚC	MY	09-Jan-02	60139631	9	9A4			TRƯỜNG CHINH	
3008	HỒ LÊ ÁNH	NHI	08-Jan-02	60139628	9	9A4			TRƯỜNG CHINH	
3009	TÔ HOÀNG	PHÚC	14-Oct-02	60139642	9	9A4			TRƯỜNG CHINH	
3010	NGUYỄN THỊ NGỌC	TÂM	04-May-02	60139637	9	9A4			TRƯỜNG CHINH	
3011	NGUYỄN THU	THANH	12-Nov-02	60139638	9	9A4			TRƯỜNG CHINH	
3012	NGUYỄN MINH	THÚ	15-Jun-02	60139634	9	9A4			TRƯỜNG CHINH	
3013	VÕ THỊ ĐOAN	TRANG	05-Jun-02	60139645	9	9A4			TRƯỜNG CHINH	
3014	HUỲNH ĐỨC	TRÍ	18-Sep-02	60139630	9	9A4			TRƯỜNG CHINH	
3015	NGUYỄN THANH	TRÚC	01-Jun-02	60139636	9	9A4			TRƯỜNG CHINH	
3016	NGUYỄN THU THẢO	LY	16-May-02	60127793	9	9a5			HOÀNG HOA THÁM	
3017	VŨ THỊ QUỲNH	NHƯ	18-Jul-02	60127795	9	9a5			HOÀNG HOA THÁM	
3018	VŨ TRẦN DIỄM	QUỲNH	08-Dec-02	60127796	9	9a5			HOÀNG HOA THÁM	
3019	NGUYỄN TRỌNG	NHÂN	26-Nov-02	60139648	9	9A5			TRƯỜNG CHINH	
3020	PHẠM HOÀNG	TRANG	30-Mar-02	60138859	9	9A5			VỖ VĂN TÀN	
3021	LÊ PHÚC CƯỜNG	ANH	21-May-02	60127798	9	9a6			HOÀNG HOA THÁM	
3022	NGUYỄN XUÂN	MAI	20-Dec-02	60127800	9	9a6			HOÀNG HOA THÁM	
3023	TRẦN NGỌC ANH	THY	11-Jul-02	60127802	9	9a6			HOÀNG HOA THÁM	
3024	NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG	VY	04-Oct-02	60127799	9	9a6			HOÀNG HOA THÁM	
3025	NGUYỄN HOÀNG MỸ	ANH	11-Sep-02	60139182	9	9A6			NGÔ SĨ LIÊN	
3026	TRẦN VÂN	ANH	04-Dec-02	60139194	9	9A6			NGÔ SĨ LIÊN	
3027	LÊ PHAN KIM	ÁNH	17-May-02	60139178	9	9A6			NGÔ SĨ LIÊN	
3028	HOÀNG NGUYỄN YẾN	CHÂU	23-Oct-02	60139177	9	9A6			NGÔ SĨ LIÊN	
3029	TRẦN LƯƠNG KHÁNH	GIAO	12-Oct-02	60139191	9	9A6			NGÔ SĨ LIÊN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
3030	VÕ NGỌC MAI	HOA	16-Nov-02	60139195	9	9A6			NGÔ SĨ LIÊN	
3031	PHAN THỊ KHÁNH	HUYỀN	10-Nov-02	60139190	9	9A6			NGÔ SĨ LIÊN	
3032	VŨ TRUNG	KIÊN	09-Jul-02	60139197	9	9A6			NGÔ SĨ LIÊN	
3033	TRẦN NGUYỄN VIỆT	LONG	15-May-02	60139193	9	9A6			NGÔ SĨ LIÊN	
3034	NGUYỄN VŨ DUY	MINH	29-Mar-02	60139187	9	9A6			NGÔ SĨ LIÊN	
3035	NGUYỄN HOÀNG TRÚC	MY	01-Jun-02	60139184	9	9A6			NGÔ SĨ LIÊN	
3036	TRẦN NGUYỄN BẢO	NGỌC	18-Dec-02	60139192	9	9A6			NGÔ SĨ LIÊN	
3037	NGÔ HOÀNG PHƯƠNG	NHI	09-Aug-02	60139180	9	9A6			NGÔ SĨ LIÊN	
3038	NGUYỄN THỊ TRANG	NHUNG	18-May-02	60139186	9	9A6			NGÔ SĨ LIÊN	
3039	NGUYỄN KHẢ	PHÚ	06-Sep-02	60139185	9	9A6			NGÔ SĨ LIÊN	
3040	ĐỖ THỊ	QUỲNH	23-Apr-02	60139174	9	9A6			NGÔ SĨ LIÊN	
3041	PHẠM NGỌC MĂNG	THI	12-Dec-02	60139189	9	9A6			NGÔ SĨ LIÊN	
3042	VŨ HỒNG ANH	THU	02-Nov-02	60139196	9	9A6			NGÔ SĨ LIÊN	
3043	PHẠM MINH	TRÍ	03-May-02	60139188	9	9A6			NGÔ SĨ LIÊN	
3044	HÀ THANH	TRÚC	16-Jan-02	60139175	9	9A6			NGÔ SĨ LIÊN	
3045	HOÀNG MAI THANH	TRÚC	01-Nov-02	60139176	9	9A6			NGÔ SĨ LIÊN	
3046	NGUYỄN HOÀNG MỸ	Ý	11-Sep-02	60139183	9	9A6			NGÔ SĨ LIÊN	
3047	ĐOÀN MINH	TUẤN	07-Jul-02	60138860	9	9A6			VỖ VĂN TÀN	
3048	NGUYỄN DUY VĨNH	KHANG	19-Nov-02	60127808	9	9a7			HOÀNG HOA THÁM	
3049	HOÀNG NGỌC	TRÂM	05-May-02	60127804	9	9a7			HOÀNG HOA THÁM	
3050	TRỊNH ĐỨC	BẢO	06-Sep-02	60139198	9	9A7			NGÔ SĨ LIÊN	
3051	LÊ ĐĂNG	MINH	22-Jul-02	60127814	9	9a8			HOÀNG HOA THÁM	
3052	LÊ KỶ QUỐC	BÌNH	27-Aug-02	60139651	9	9A8			TRƯỜNG CHINH	
3053	NGUYỄN TRƯỜNG	PHONG	01-Jun-02	60139652	9	9A8			TRƯỜNG CHINH	
3054	NGUYỄN HỒ HẢI	ANH	09-Sep-02	60139204	9	9A9			NGÔ SĨ LIÊN	
3055	NGUYỄN THÁI	BÌNH	9-Nov-02	60139205	9	9A9			NGÔ SĨ LIÊN	
3056	PHẠM LINH	CHI	29-Aug-02	60139209	9	9A9			NGÔ SĨ LIÊN	
3057	VŨ NGUYỄN NHẬT	MINH	23-Oct-02	60139214	9	9A9			NGÔ SĨ LIÊN	
3058	PHÙNG NGUYỄN KIM	NGUYỄN	21-Jun-02	60139210	9	9A9			NGÔ SĨ LIÊN	
3059	ĐINH THU	NHI	20-Nov-02	60139199	9	9A9			NGÔ SĨ LIÊN	
3060	TRỊNH CÔNG	THIỆN	13-Nov-02	60139212	9	9A9			NGÔ SĨ LIÊN	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	SBD	Khối	Lớp	Khối cũ	Lớp cũ	Trường	Ghi chú
3061	HỒ QUANG	TUẤN	26-Dec-02	60139202	9	9A9			NGÔ SĨ LIÊN	
3062	TRẦN PHẠM YẾN	VY	27-Aug-02	60139211	9	9A9			NGÔ SĨ LIÊN	
3063	TRẦN MINH	HOÀNG	16-Apr-02	60138672	9	9B			VIỆT MỸ	
3064	VĂN THANH	TÙNG	09-Jan-02	60138673	9	9B			VIỆT MỸ	